

NỘI DUNG ĐỀ XUẤT SỬA ĐỔI, BỔ SUNG ĐIỀU LỆ CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ SUDICO

Căn cứ pháp lý:

- Luật Doanh nghiệp năm 2020;
- Luật Chứng khoán;
- Nghị định 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;
- Điều lệ mẫu được ban hành kèm theo Thông tư 116/2020/TT-BTC.

Điều, khoản	Quy định tại Điều lệ hiện hành (năm 2022)	Nội dung đề xuất sửa đổi, bổ sung	Cơ sở/tham chiếu
CHƯƠNG I	Điều lệ này được Đại hội đồng cổ đông của Công ty Cổ phần Dịch vụ SUDICO thông qua vào ngày 18 tháng 4 năm 2022	Điều lệ này được thông qua theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên Công ty Cổ phần Dịch vụ SUDICO số /NQ-CT-DHĐCĐ ngày tháng năm 2023	Đề xuất bổ sung một số thuật ngữ trên cơ sở tham chiếu Điều lệ mẫu và cập nhật thời gian thông qua Điều lệ
Điều 1	<p>CHƯƠNG I. ĐỊNH NGHĨA CÁC THUẬT NGỮ TRONG ĐIỀU LỆ</p> <p>Điều 1. Định nghĩa</p> <p>1.1. “Vốn điều lệ” là vốn do tất cả các cổ đông đóng góp và quy định tại Điều 5 của Điều lệ này.</p> <p>1.2. “Luật Doanh nghiệp” có nghĩa là Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH14 được Quốc hội thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2014.</p>	<p>CHƯƠNG I. ĐỊNH NGHĨA CÁC THUẬT NGỮ TRONG ĐIỀU LỆ</p> <p>Điều 1. Định nghĩa</p> <p>1.1. “Vốn mệnh giá cổ phần các loại đã bán và quy định tại Điều 5 Điều lệ này.</p> <p>1.2. “Luật Doanh nghiệp” là Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17 tháng 6 năm 2020.</p> <p>1.3. “Luật Chứng khoán” là Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2019.</p>	Tham chiếu Điều 1 Điều lệ mẫu

Điều, khoản	Quy định tại Điều lệ hiện hành (năm 2022)	Nội dung đề xuất sửa đổi, bổ sung	Cơ sở/tham chiếu
	<p>1.3. "Ngày thành lập Công ty" là ngày Công ty có phần Dịch vụ SUDICO được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp lần đầu.</p> <p>1.4. "Người quản lý" là các thành viên của Hội đồng quản trị và các chức danh khác do Hội đồng quản trị Công ty bổ nhiệm.</p> <p>1.5. "Người có liên quan" là cá nhân hoặc tổ chức được quy định tại Khoản 17 Điều 4 của Luật Doanh nghiệp.</p> <p>1.6. "Thời hạn hoạt động" là thời hạn hoạt động của Công ty được quy định tại Điều 2 của Điều lệ này và thời gian gia hạn (nếu có) được Đại hội đồng của Công ty thông qua.</p> <p>1.7. "Việt Nam" là nước Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam.</p> <p>1.8. "Công ty" có nghĩa là Công ty Cổ phần Dịch vụ SUDICO.</p> <p>1.9. "Cổ phần" có nghĩa là cổ phần phổ thông.</p> <p>2. Trong Điều lệ này, các tham chiếu tới một hoặc một số quy định hoặc văn bản khác sẽ bao gồm cả những sửa đổi hoặc văn bản thay thế chúng.</p>	<p>1.4. "Ngày thành lập Công ty" là ngày Công ty Cổ phần Dịch vụ SUDICO được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp lần đầu.</p> <p>1.5. "Người điều hành doanh nghiệp" là Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng.</p> <p>1.6. "Người quản lý doanh nghiệp" là người quản lý Công ty, bao gồm Chủ tịch Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc Công ty.</p> <p>1.7. "Người có liên quan" là cá nhân hoặc tổ chức được quy định tại khoản 46, Điều 4 Luật Chứng khoán.</p> <p>1.8. Cổ đông là cá nhân, tổ chức sở hữu ít nhất một cổ phần của công ty cổ phần.</p> <p>1.9. Cổ đông sáng lập là cổ đông sở hữu ít nhất một cổ phần phổ thông và ký tên trong danh sách cổ đông sáng lập công ty cổ phần.</p> <p>1.10. "Thời hạn hoạt động" là thời hạn hoạt động của Công ty được quy định tại Điều 2 của Điều lệ này và thời gian gia hạn (nếu có) được Đại hội đồng cổ đông của Công ty thông qua.</p> <p>1.11. "Việt Nam" là nước Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam.</p> <p>1.12. "Công ty" có nghĩa là Công ty Cổ phần Dịch vụ SUDICO.</p> <p>Bổ khoản này</p> <p>2. Trong Điều lệ này, các tham chiếu tới một hoặc một số quy định hoặc văn bản khác sẽ bao gồm cả những sửa đổi hoặc văn bản thay thế chúng.</p>	

Điều, khoản	Quy định tại Điều lệ hiện hành (năm 2022)	Nội dung đề xuất sửa đổi, bổ sung	Cơ sở/tham chiếu
CHƯƠNG II	<p>3. Các tiêu đề (chương, điều của Điều lệ này) được sử dụng nhằm thuận tiện cho việc hiểu nội dung và không ảnh hưởng tới nội dung của Điều lệ này;</p> <p>4. Các từ hoặc thuật ngữ đã được định nghĩa trong Luật Doanh nghiệp (nếu không mâu thuẫn với chủ thể hoặc ngữ cảnh) khi được dùng trong Điều lệ này sẽ có cùng nghĩa như được định nghĩa trong Luật doanh nghiệp.</p> <p>CHƯƠNG II. TÊN, HÌNH THỨC, TRỤ SỞ, CHI NHÁNH, VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN VÀ THỜI HẠN HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY</p>	<p>3. Các tiêu đề (Chương, Điều của Điều lệ này) được sử dụng nhằm thuận tiện cho việc hiểu nội dung và không ảnh hưởng tới nội dung của Điều lệ này;</p> <p>Bổ khoản này</p>	Nội dung của Chương có Người đại diện theo pháp luật, tham chiếu Chương II Điều lệ mẫu
Điều 2	<p>Điều 2. Tên, hình thức, trụ sở, chi nhánh, văn phòng đại diện và thời hạn hoạt động của Công ty.</p> <p>1. Tên Công ty</p> <p>Tên tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ SUDICO</p> <p>Tên tiếng Anh: SUDICO SERVICES JOINT STOCK COMPANY</p> <p>Tên viết tắt: SUDICO SERVICES</p> <p>2. Công ty là Công ty cổ phần có tư cách pháp nhân phù hợp với pháp luật hiện hành của Việt Nam.</p> <p>3. Trụ sở đăng ký của Công ty có địa chỉ: Tầng M3, tòa nhà CT1, khu đô thị Mỹ Đình 1, phường Mỹ Đình 1, quận Nam Từ Liêm, TP. Hà Nội, Việt Nam.</p> <p>Điện thoại: 04 37875568</p> <p>Fax: 04 37875569</p> <p>E-mail: info@sudicodv.vn</p> <p>Website: www.sudicodv.vn</p>	<p>CHƯƠNG II. TÊN, HÌNH THỨC, TRỤ SỞ, NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT, CHI NHÁNH, VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN VÀ THỜI HẠN HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY</p> <p>Điều 2. Tên, hình thức, trụ sở, chi nhánh, văn phòng đại diện và thời hạn hoạt động của Công ty.</p> <p>1. Tên Công ty</p> <p>Tên tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ SUDICO</p> <p>Tên tiếng Anh: SUDICO SERVICES JOINT STOCK COMPANY</p> <p>Tên viết tắt: SUDICO SERVICES</p> <p>2. Công ty là Công ty cổ phần có tư cách pháp nhân phù hợp với pháp luật hiện hành của Việt Nam.</p> <p>3. Trụ sở đăng ký của Công ty có địa chỉ: Tầng M3, tòa nhà CT1, khu đô thị Mỹ Đình 1, phường Mỹ Đình 1, quận Nam Từ Liêm, TP. Hà Nội, Việt Nam.</p> <p>Điện thoại: 04 37875568</p> <p>Fax: 04 37875569</p> <p>E-mail: info@sudicodv.vn</p> <p>Website: www.sudicodv.vn</p> <p>Bổ khoản này</p>	Tham chiếu Điều 2 Điều lệ mẫu

Điều, khoản	Quy định tại Điều lệ hiện hành (năm 2022)	Nội dung đề xuất sửa đổi, bổ sung	Cơ sở/tham chiếu
	<p>4. Công ty cử một người là đại diện theo pháp luật của Công ty.</p> <p>5. Tổng Giám đốc hoặc Chủ tịch Hội đồng quản trị là Người đại diện theo pháp luật của Công ty.</p> <p>6. Công ty có thể thành lập chi nhánh và văn phòng đại diện trong nước và ở nước ngoài để thực hiện các mục tiêu hoạt động của Công ty phù hợp với Nghị quyết của Hội đồng quản trị.</p> <p>7. Trừ khi Công ty được tổ chức lại theo Điều 46 hoặc chấm dứt hoạt động trước thời hạn theo Khoản 2, Điều 47 và Điều 48 của Điều lệ này, thời hạn hoạt động của Công ty sẽ bắt đầu từ ngày thành lập và là vô thời hạn.</p>	<p>Bổ khoản này</p> <p>4. Công ty có thể thành lập chi nhánh và văn phòng đại diện trong nước và ở nước ngoài để thực hiện các mục tiêu hoạt động của Công ty phù hợp với Nghị quyết của Hội đồng quản trị.</p> <p>5. Trừ khi chấm dứt hoạt động trước thời hạn theo Khoản 2, Điều 52 Điều lệ này, thời hạn hoạt động của Công ty sẽ bắt đầu từ ngày thành lập và là vô thời hạn.</p>	
		<p>Điều 3. Người đại diện theo pháp luật của Công ty Tổng giám đốc là đại diện theo pháp luật của Công ty. Người đại diện theo pháp luật của Công ty là cá nhân đại diện cho Công ty thực hiện các quyền và nghĩa vụ phát sinh từ giao dịch của Công ty, đại diện cho Công ty với tư cách người yêu cầu giải quyết việc dân sự, nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trước Trọng tài, Tòa án và các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật. Người đại diện theo pháp luật của Công ty có trách nhiệm theo quy định tại Điều 13 Luật Doanh nghiệp. Trong thời gian chưa có Tổng giám đốc hoặc Tổng giám đốc từ chức, bị miễn nhiệm hoặc bãi nhiệm mà Hội đồng quản trị chưa bổ nhiệm Tổng giám đốc mới thay thế, Chủ tịch Hội đồng quản trị sẽ thực thi các quyền hạn của Tổng giám đốc.</p>	<p>Đề xuất bổ sung Điều này trên cơ sở tham chiếu Điều 3 Điều lệ mẫu</p>

Điều, khoản	Quy định tại Điều lệ hiện hành (năm 2022)	Nội dung đề xuất sửa đổi, bổ sung	Cơ sở/tham chiếu
CHƯƠNG III Điều 3	<p>CHƯƠNG III. <u>LĨNH VỰC KINH DOANH, PHẠM VI KINH DOANH VÀ MỤC TIÊU, PHẠM VI DANH VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY</u></p> <p>Điều 3. Ngành nghề và mục tiêu hoạt động của Công ty</p> <p>1. Công ty hoạt động kinh doanh theo những ngành nghề đã đăng ký tại giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0102343655, do Sở kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp ngày 24 tháng 06 năm 2014.</p> <p>2. Mục tiêu hoạt động của Công ty là:</p> <p>2.1. Bảo toàn và phát triển vốn được các cổ đông đóng góp tại Công ty và các Doanh nghiệp mà công ty góp vốn; phát triển hoạt động sản xuất, kinh doanh của công ty để đem lại lợi ích tốt nhất cho các Cổ đông, đóng góp cho Ngân sách nhà nước thông qua Luật thuế.</p> <p>2.2. Xây dựng văn hóa Công ty dựa trên sự đoàn kết của tất cả các thành viên làm việc trong công ty, đồng thời phát triển thương hiệu Công ty có uy tín từ chất lượng dịch vụ và sản phẩm của Công ty tạo ra.</p> <p>2.3. Kinh doanh theo định hướng của thị trường, nâng cao năng lực cạnh tranh của Công ty nhằm xây dựng và phát triển Công ty bền vững.b</p>	<p>CHƯƠNG III. MỤC TIÊU, PHẠM VI KINH DOANH VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY</p> <p>Điều 4. Ngành nghề và mục tiêu hoạt động của Công ty</p> <p>1. Công ty hoạt động kinh doanh theo những ngành nghề đã đăng ký tại giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0102343655, do Sở kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp ngày 24 tháng 06 năm 2014.</p> <p>2. Mục tiêu hoạt động của Công ty là:</p> <p>2.1. Bảo toàn và phát triển vốn được các cổ đông đóng góp tại Công ty và các Doanh nghiệp mà công ty góp vốn; phát triển hoạt động sản xuất, kinh doanh của công ty để đem lại lợi ích tốt nhất cho các Cổ đông, đóng góp cho Ngân sách nhà nước thông qua Luật thuế.</p> <p>2.2. Xây dựng văn hóa Công ty dựa trên sự đoàn kết của tất cả các thành viên làm việc trong công ty, đồng thời phát triển thương hiệu Công ty có uy tín từ chất lượng dịch vụ và sản phẩm của Công ty tạo ra.</p> <p>2.3. Kinh doanh theo định hướng của thị trường, nâng cao năng lực cạnh tranh của Công ty nhằm xây dựng và phát triển Công ty bền vững.</p>	<p>Tham chiếu Chương III Điều lệ mẫu</p> <p>Thay đổi thứ tự Điều</p>
Điều 4	<p>Điều 4. Phạm vi kinh doanh và hoạt động của Công ty</p> <p>1. Công ty <u>lập kế hoạch và tiến hành</u> tất cả các hoạt động kinh doanh theo ngành nghề đã đăng ký <u>và thực hiện các biện pháp thích hợp để đạt được</u> các mục tiêu của Công ty.</p> <p>2. Công ty có thể tiến hành <u>hoạt động kinh doanh</u> trong các ngành nghề khác mà <u>pháp luật không cấm và được</u></p>	<p>Điều 5. Phạm vi kinh doanh và hoạt động của Công ty Công ty được phép tiến hành hoạt động kinh doanh theo các ngành nghề quy định tại Điều lệ này đã đăng ký, thông báo thay đổi nội dung đăng ký với cơ quan đăng ký kinh doanh và đã công bố trên Cổng thông tin đăng ký doanh nghiệp quốc gia phù hợp với quy định của pháp luật hiện hành và thực hiện các biện</p>	<p>Tham chiếu Điều 5 Điều lệ mẫu</p>

Điều, khoản	Quy định tại Điều lệ hiện hành (năm 2022)	Nội dung đề xuất sửa đổi, bổ sung	Cơ sở/tham chiếu
	<p>Hội đồng quản trị công ty cho phép nếu thấy có lợi nhất cho Công ty.</p> <p>3. Các cổ đông của Công ty cùng góp vốn, cùng phân chia lợi nhuận, cùng chịu lỗ với phần vốn góp và chỉ chịu trách nhiệm về khoản nợ của Công ty trong phần vốn góp của Công ty.</p>	<p>pháp thích hợp để đạt được các mục tiêu của Công ty.</p>	
CHƯƠNG IV	CHƯƠNG IV. VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN	CHƯƠNG IV. VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN, CỔ ĐÔNG SÁNG LẬP	Tham chiếu Chương IV Điều lệ mẫu
Điều 5	<p>Điều 5. Vốn điều lệ, cổ phần</p> <p>1. Vốn điều lệ của Công ty là 15.000.000.000 VNĐ (Bằng chữ: Mười năm tỷ đồng Việt Nam).</p> <p>2. Tổng số vốn điều lệ của Công ty được chia thành 1.500.000 cổ phần (Bằng chữ: Một triệu năm trăm nghìn cổ phần) với mệnh giá là 10.000VNĐ (Bằng chữ: Mười nghìn đồng Việt Nam).</p> <p>3. Công ty có thể thay đổi vốn điều lệ khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua và phù hợp với các quy định của pháp luật.</p> <p>4. Tất cả cổ phần của Công ty đều là cổ phần phổ thông. Các quyền và nghĩa vụ của người sở hữu cổ phần được quy định tại Điều 10 và Điều 11 của Điều lệ này.</p> <p>5. Công ty có thể mua cổ phần do chính công ty đã phát hành. Cổ phần do Công ty mua lại là cổ phiếu quỹ và Hội đồng quản trị có thể chào bán theo những cách được Đại hội đồng cổ đông cho phép và phù hợp với quy định của pháp luật và Luật Chứng khoán</p>	<p>Điều 6. Vốn điều lệ, cổ phần, cổ đông sáng lập</p> <p>1. Vốn điều lệ của Công ty là 15.000.000.000 VNĐ (Bằng chữ: Mười năm tỷ đồng Việt Nam).</p> <p>Tổng số vốn điều lệ của Công ty được chia thành 1.500.000 cổ phần (Bằng chữ: Một triệu năm trăm nghìn cổ phần) với mệnh giá là 10.000VNĐ (Bằng chữ: Mười nghìn đồng Việt Nam).</p> <p>2. Công ty có thể thay đổi vốn điều lệ khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua và phù hợp với các quy định của pháp luật.</p> <p>3. Các cổ phần của Công ty vào ngày thông qua Điều lệ này là cổ phần phổ thông. Các quyền và nghĩa vụ của cổ đông nắm giữ cổ phần được quy định tại Điều 12, Điều 13 Điều lệ này.</p> <p>4. Công ty có thể mua cổ phần do chính Công ty đã phát hành theo những cách thực được quy định trong Điều lệ này và pháp luật hiện hành.</p> <p>5. Tên, địa chỉ, số lượng cổ phần, và các thông tin khác về cổ đông sáng lập theo quy định của Luật</p>	<p>Đề xuất góp khoản 1 và khoản 2 trên cơ sở tham chiếu Điều 6, Điều lệ mẫu</p>

Điều, khoản	Quy định tại Điều lệ hiện hành (năm 2022)	Nội dung đề xuất sửa đổi, bổ sung	Cơ sở/tham chiếu
Điều 6	<p>Điều 6. Chứng chỉ cổ phiếu</p> <p>1. Cổ đông của Công ty được cấp chứng chỉ hoặc chứng nhận cổ phiếu tương ứng với số cổ phần sở hữu.</p> <p>2. <u>Chứng chỉ cổ phiếu phải có dấu của Công ty và chữ ký của người đại diện theo pháp luật của Công ty theo các quy định của Luật Doanh nghiệp. Chứng chỉ cổ phiếu phải ghi rõ số lượng cổ phiếu mà cổ đông nắm giữ, họ và tên người nắm giữ (nếu là cổ phiếu ghi danh) và các thông tin khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp.</u></p> <p>3. Trong thời hạn hai tháng kể từ ngày nộp đầy đủ hồ sơ đề nghị chuyển quyền sở hữu cổ phần theo quy định của Công ty hoặc trong thời hạn hai tháng (hoặc có thể lâu hơn theo điều khoản phát hành quy định) <u>kể từ ngày thanh toán đầy đủ tiền mua cổ phần theo như quy định tại phương án phát hành cổ phiếu của Công ty, người sở hữu số cổ phần sẽ được cấp chứng chỉ cổ phiếu.</u></p>	<p>Doanh nghiệp được nêu tại phụ lục 01 đính kèm. Phụ lục này là một phần của Điều lệ này.</p> <p>Cổ phần phổ thông phải được ưu tiên chào bán cho các cổ đông hiện hữu theo tỷ lệ tương ứng với tỷ lệ số hữu cổ phần phổ thông của họ trong Công ty, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông quyết định khác, số cổ phần cổ đông không đăng ký mua hết sẽ do Hội đồng quản trị của Công ty quyết định. Hội đồng quản trị có thể phân phối số cổ phần đó cho cổ đông và người khác với điều kiện không thuận lợi hơn so với những điều kiện đã chào bán cho các cổ đông hiện hữu trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có chấp thuận khác.</p>	Tham chiếu Điều 7 Điều lệ mẫu
Điều 7. Chứng nhận cổ phiếu	<p>1. Cổ đông của Công ty được cấp chứng nhận cổ phiếu tương ứng với số cổ phần và loại cổ phần sở hữu.</p> <p>2. Cổ phiếu là loại chứng khoán xác nhận quyền và lợi ích hợp pháp của người sở hữu đối với một phần vốn cổ phần của tổ chức phát hành. Cổ phiếu phải có dấu đủ nội dung quy định tại khoản 1 Điều 121 Luật Doanh nghiệp.</p> <p>3. Trong thời hạn hai (02) tháng kể từ ngày nộp đầy đủ hồ sơ đề nghị chuyển quyền sở hữu cổ phần theo quy định của Công ty (hoặc trong thời hạn khác theo điều khoản phát hành quy định), người sở hữu cổ phần sẽ được cấp chứng nhận cổ phiếu. Người sở hữu cổ phần không phải trả cho Công ty chi phí in chứng nhận cổ phiếu.</p>	<p>Điều 7. Chứng nhận cổ phiếu</p> <p>1. Cổ đông của Công ty được cấp chứng nhận cổ phiếu tương ứng với số cổ phần và loại cổ phần sở hữu.</p> <p>2. Cổ phiếu là loại chứng khoán xác nhận quyền và lợi ích hợp pháp của người sở hữu đối với một phần vốn cổ phần của tổ chức phát hành. Cổ phiếu phải có dấu đủ nội dung quy định tại khoản 1 Điều 121 Luật Doanh nghiệp.</p> <p>3. Trong thời hạn hai (02) tháng kể từ ngày nộp đầy đủ hồ sơ đề nghị chuyển quyền sở hữu cổ phần theo quy định của Công ty (hoặc trong thời hạn khác theo điều khoản phát hành quy định), người sở hữu cổ phần sẽ được cấp chứng nhận cổ phiếu. Người sở hữu cổ phần không phải trả cho Công ty chi phí in chứng nhận cổ phiếu.</p>	Tham chiếu Điều 7 Điều lệ mẫu

Điều, khoản	Quy định tại Điều lệ hiện hành (năm 2022)	Nội dung đề xuất sửa đổi, bổ sung	Cơ sở/tham chiếu
	<p>4. Trường hợp chỉ chuyển nhượng một số cổ phần ghi danh trong một chứng chỉ cổ phiếu ghi danh, chứng chỉ cổ phiếu cũ sẽ bị huỷ bỏ và chứng chỉ cổ phiếu mới ghi nhân số cổ phần còn lại sẽ được cấp miễn phí.</p> <p>5. Trường hợp chứng chỉ cổ phiếu ghi danh bị hỏng hoặc bị tẩy xóa hoặc bị đánh mất, mất cắp hoặc bị tiêu hủy, người sở hữu chứng chỉ cổ phiếu ghi danh đó có thể đề nghị được cấp chứng chỉ cổ phiếu mới với điều kiện phải đưa ra bằng chứng về việc sở hữu cổ phần và thanh toán mọi chi phí liên quan cho Công ty được xác định theo quy định, quy chế của Công ty và phải cam kết về các nội dung sau:</p> <p>5.1. Chứng chỉ cổ phiếu thực sự đã bị mất, bị cháy hoặc bị tiêu hủy dưới hình thức khác; trường hợp bị mất thì cam đoan thêm rằng đã tiến hành tìm kiếm hết mức và nếu tìm lại được sẽ đem trả công ty để tiêu hủy.</p> <p>5.2. Chịu trách nhiệm về những tranh chấp phát sinh từ việc cấp lại chứng chỉ cổ phiếu mới.</p> <p>5.3. Sẽ bị thu hồi lại chứng chỉ cổ phiếu mới được cấp lại này nếu có pháp nhân hoặc thể nhân chứng minh được rằng số cổ phiếu bị mất trên đây là thuộc sở hữu của họ. Đối với chứng chỉ cổ phiếu có giá trị danh nghĩa trên mười triệu đồng Việt Nam, trước khi tiếp nhận đề nghị cấp chứng chỉ cổ phiếu mới, người đại diện theo pháp luật của Công ty có thể yêu cầu chủ sở hữu chứng chỉ cổ phiếu đăng thông báo về việc chứng chỉ cổ phiếu bị mất, bị cháy hoặc bị tiêu hủy dưới hình thức khác và sau mười làm ngày, kể từ ngày đăng thông báo sẽ đề nghị công ty cấp chứng chỉ cổ phiếu mới.</p>	<p>Nội dung đề xuất sửa đổi, bổ sung</p> <p>Bổ khoản này.</p> <p>4. Trường hợp cổ phiếu bị mất, bị hư hỏng hoặc bị hủy hoại dưới hình thức khác thì cổ đông được Công ty cấp lại cổ phiếu theo đề nghị của cổ đông đó. Đề nghị của cổ đông phải bao gồm các nội dung sau đây:</p> <p>4.1. Thông tin về cổ phiếu đã bị mất, bị hư hỏng hoặc bị hủy hoại dưới hình thức khác.</p> <p>4.2. Cam kết chịu trách nhiệm về những tranh chấp phát sinh từ việc cấp lại cổ phiếu mới.</p>	

Điều, khoản	Quy định tại Điều lệ hiện hành (năm 2022)	Nội dung đề xuất sửa đổi, bổ sung	Cơ sở/tham chiếu
Điều 7	<p>Điều 7. Chuyển nhượng cổ phần</p> <p>Các cổ phần đều được tự do chuyển nhượng trừ khi pháp luật có quy định khác. Cổ phần niêm yết trên Sở Giao dịch Chứng khoán/Trung tâm Giao dịch Chứng khoán sẽ được chuyển nhượng theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán của Sở Giao dịch Chứng khoán/Trung tâm Giao dịch Chứng khoán.</p>	<p>Điều 8. Chuyển nhượng cổ phần</p> <p>1. Tất cả các cổ phần được tự do chuyển nhượng trừ khi pháp luật có quy định khác. Cổ phiếu niêm yết, dăng ký giao dịch trên Sở giao dịch chứng khoán được chuyển nhượng theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.</p> <p>2. Cổ phần chưa được thanh toán đầy đủ không được chuyển nhượng và hưởng các quyền lợi liên quan như quyền nhận cổ tức, quyền nhận cổ phiếu phát hành để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu, quyền mua cổ phiếu mới chào bán và các quyền lợi khác theo quy định của pháp luật.</p>	Tham chiếu Điều 9 Điều lệ mẫu
Điều 8	<p>Điều 8. Thay đổi vốn điều lệ trong công ty</p> <p>Công ty có thể tăng hoặc giảm vốn điều lệ khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua.</p> <p>1. Giảm vốn điều lệ: Khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua việc giảm vốn điều lệ, công ty hoàn trả một phần vốn góp cho cổ đông theo tỷ lệ sở hữu cổ phần của họ trong công ty.</p> <p>2. Tăng vốn điều lệ: Khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua việc tăng vốn điều lệ, công ty tiến hành chào bán cổ phần được quyền chào bán cho các cổ đông hiện hữu theo quy định tại Điều 124 của Luật doanh nghiệp.</p>	<p>Bổ điều này</p> <p>Điều 9. Thu hồi cổ phần (đối với trường hợp khi đăng ký thành lập doanh nghiệp)</p> <p>1. Trường hợp cổ đông không thanh toán đầy đủ và đúng hạn số tiền phải trả để mua cổ phiếu, Hội đồng quản trị thông báo và có quyền yêu cầu cổ đông đó thanh toán số tiền còn lại và chịu trách nhiệm tương</p>	Đề xuất bỏ Điều này vì quy định thay đổi vốn điều lệ đã được nêu tại Điều 6
			Tham chiếu Điều 10 Điều lệ mẫu

Điều, khoản	Quy định tại Điều lệ hiện hành (năm 2022)	Nội dung đề xuất sửa đổi, bổ sung	Cơ sở/tham chiếu
		<p>ứng với tổng mệnh giá cổ phần đã đăng ký mua đổi với nghĩa vụ tài chính của Công ty phát sinh do việc không thanh toán đầy đủ.</p> <p>2. Thông báo thanh toán nêu trên phải ghi rõ thời hạn thanh toán mới (tối thiểu là bảy (07) ngày kể từ ngày gửi thông báo), địa điểm thanh toán và thông báo phải ghi rõ trường hợp không thanh toán theo đúng yêu cầu, số cổ phần chưa thanh toán hết sẽ bị thu hồi.</p> <p>3. Hội đồng quản trị có quyền thu hồi các cổ phần chưa thanh toán đầy đủ và đúng hạn trong trường hợp các yêu cầu trong thông báo nêu trên không được thực hiện.</p> <p>4. Cổ phần bị thu hồi được coi là các cổ phần được quyền chào bán quy định tại khoản 3 Điều 112 Luật Doanh nghiệp. Hội đồng quản trị có thể trực tiếp hoặc ủy quyền bán, tái phân phối theo những điều kiện và cách thức mà Hội đồng quản trị thấy là phù hợp.</p> <p>5. Cổ đông nắm giữ cổ phần bị thu hồi phải từ bỏ tư cách cổ đông đối với những cổ phần đó, nhưng vẫn phải chịu trách nhiệm tương ứng với tổng mệnh giá cổ phần đã đăng ký mua đổi với nghĩa vụ tài chính của Công ty phát sinh vào thời điểm thu hồi theo quyết định của Hội đồng quản trị kể từ ngày thu hồi cho đến ngày thực hiện thanh toán. Hội đồng quản trị có toàn quyền quyết định việc cưỡng chế thanh toán toàn bộ giá trị cổ phiếu vào thời điểm thu hồi.</p>	

Điều, khoản	Quy định tại Điều lệ hiện hành (năm 2022)	Nội dung đề xuất sửa đổi, bổ sung	Cơ sở/tham chiếu
CHƯƠNG V	CHƯƠNG V. CƠ CẤU TỔ CHỨC, QUẢN LÝ VÀ KIỂM SOÁT CỦA CÔNG TY	6. Thông báo thu hồi sẽ được gửi đến người nắm giữ cổ phần bị thu hồi trước thời điểm thu hồi. Việc thu hồi vẫn có hiệu lực kể cả trong trường hợp có sai sót hoặc bất cập trong việc gửi thông báo.	Tham chiếu Chương V Điều lệ mẫu
Điều 9	Điều 9. Cơ cấu tổ chức quản lý Cơ cấu tổ chức quản lý của Công ty bao gồm: 1. Đại hội đồng cổ đông; 2. Hội đồng quản trị; 3. Ban kiểm soát; 4. Tổng giám đốc.	Điều 10. Cơ cấu tổ chức quản lý, quản trị và kiểm soát Cơ cấu tổ chức quản lý, quản trị và kiểm soát của Công ty bao gồm: 1. Đại hội đồng cổ đông; 2. Hội đồng quản trị; 3. Ban kiểm soát; 4. Tổng giám đốc.	Tham chiếu Điều 11 Điều lệ mẫu
CHƯƠNG VI	CHƯƠNG VI. CƠ ĐỒNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG	CHƯƠNG VI. CƠ ĐỒNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG	
Điều 10	Điều 10. Quyền của cổ đông 1. Cổ đông là người chủ sở hữu Công ty, có các quyền và nghĩa vụ tương ứng theo số cổ phần mà họ sở hữu. Cổ đông chỉ chịu trách nhiệm về các khoản nợ và các nghĩa vụ tài sản khác của Công ty trong phạm vi số vốn đã góp vào Công ty. 2. <u>Người sở hữu</u> cổ phần có các quyền sau: 2.1 Tham gia các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền, mỗi cổ phần phổ thông có một phiếu biểu quyết.	Điều 11. Quyền của cổ đông Bổ khoản này 1. Cổ đông phổ thông có các quyền sau: 1.1. Tham dự, phát biểu trong các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết trực tiếp hoặc thông qua đại diện theo ủy quyền hoặc hình thức	Đề xuất bổ khoản này do đã được quy định tại Điều 1 và thay đổi thứ tự các khoản còn lại, Tham chiếu Điều 12 Điều lệ mẫu

Điều, khoản	Quy định tại Điều lệ hiện hành (năm 2022)	Nội dung đề xuất sửa đổi, bổ sung	Cơ sở/tham chiếu
	<p>2.2. Nhận cổ tức <u>theo</u> mức quyết định của Đại hội đồng cổ đông;</p> <p>2.3. Tự do chuyển nhượng cổ phần theo quy định của pháp luật hiện hành;</p> <p>2.4. Được ưu tiên mua cổ phần mới chào bán tương ứng với tỷ lệ cổ phần mà cổ đông sở hữu tại Công ty;</p> <p>2.5. Kiểm tra thông tin liên quan đến cổ đông trong danh sách cổ đông đủ tư cách tham gia họp Đại hội đồng cổ đông và yêu cầu sửa đổi các thông tin không chính xác;</p> <p>2.6. Xem xét, tra cứu, trích lục hoặc sao chụp Điều lệ công ty, sổ biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông;</p> <p>2.7. Trường hợp Công ty giải thể hoặc phá sản, được nhận phần tài sản còn lại <u>theo tỷ lệ</u> tương ứng với tỷ lệ cổ phần góp vốn vào công ty sau khi Công ty đã thanh toán cho chủ nợ theo quy định của pháp luật;</p> <p>2.8. Yêu cầu Công ty mua lại cổ phần của họ trong các trường hợp quy định tại Khoản 1, Điều 129 của Luật Doanh nghiệp;</p>	<p>khác do Điều lệ Công ty, pháp luật quy định, mỗi cổ phần phổ thông có một phiếu biểu quyết;</p> <p>1.2. Nhận cổ tức với mức theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông;</p> <p>1.3. Tự do chuyển nhượng cổ phần của mình cho người khác, trừ trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 120, khoản 1 Điều 127 Luật Doanh nghiệp và quy định khác của pháp luật có liên quan;</p> <p>1.4. Được ưu tiên mua cổ phần mới tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần phổ thông của từng cổ đông trong Công ty;</p> <p>1.5. Xem xét, tra cứu và trích lục thông tin về tên và địa chỉ liên lạc trong danh sách cổ đông có quyền biểu quyết; yêu cầu sửa đổi, các thông tin không chính xác của mình;</p> <p>1.6. Xem xét, tra cứu, trích lục hoặc sao chụp Điều lệ công ty, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và nghị quyết Đại hội đồng cổ đông.</p> <p>1.7. Khi Công ty giải thể hoặc phá sản, được nhận một phần tài sản còn lại tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần tại Công ty.</p> <p>1.8. Yêu cầu Công ty mua lại cổ phần của họ trong các trường hợp quy định tại Điều 132 của Luật Doanh nghiệp;</p> <p>1.9. Được đối xử bình đẳng. Mỗi cổ phần của cùng một loại đều tạo cho cổ đông sở hữu các quyền, nghĩa vụ và lợi ích ngang nhau. Trường hợp Công ty có các loại cổ phần ưu đãi, các quyền và nghĩa vụ gắn liền</p>	

Điều, khoản	Quy định tại Điều lệ hiện hành (năm 2022)	Nội dung đề xuất sửa đổi, bổ sung	Cơ sở/tham chiếu
	<p>2.9. Các quyền khác theo quy định của Điều lệ này và pháp luật.</p>	<p>với các loại cổ phần ưu đãi phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua và công bố đầy đủ cho cổ đông.</p> <p>1.10. Được tiếp cận đầy đủ thông tin định kỳ và thông tin bất thường do Công ty công bố theo quy định của pháp luật.</p> <p>1.11. Được bảo vệ các quyền, lợi ích hợp pháp của mình; đề nghị đình chỉ, hủy bỏ nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị theo quy định của Luật Doanh nghiệp.</p> <p>1.12. Các quyền khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.</p>	Điều 115 Luật Doanh nghiệp và tham chiếu khoản 1, Điều 12 Điều lệ mẫu
Điều 10, khoản 3	<p>3. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ ít nhất từ 5% tổng số cổ phần phổ thông trong thời hạn liên tục từ sáu tháng trở lên có các quyền sau:</p> <p>3.1. Tự ứng cử hoặc đề cử người khác làm ứng cử viên thành viên Hội đồng quản trị hoặc Ban Kiểm soát theo quy định tương ứng tại Khoản 1, Điều 22 và Khoản 2, Điều 33 Điều lệ này.</p> <p>Yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong trường hợp sau đây:</p> <p>3.2.1. Nếu chứng minh được Hội đồng quản trị vi phạm nghiêm trọng quyền của cổ đông hoặc ra quyết định vượt quá thẩm quyền được giao;</p> <p>3.2.2. Nhiệm kỳ của Hội đồng quản trị vượt quá sáu tháng mà Hội đồng quản trị mới chưa được bầu thay thế nếu không có lý do chính đáng.</p>	<p>2. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 5% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có các quyền sau:</p> <p>2.1. Tự ứng cử hoặc đề cử người khác làm ứng viên để Đại hội đồng cổ đông bầu làm thành viên Hội đồng quản trị hoặc Ban Kiểm soát theo quy định tương ứng tại khoản 2, Điều 23 và khoản 1, Điều 35 Điều lệ này.</p> <p>2.2. Yêu cầu Hội đồng quản trị thực hiện việc triệu tập Đại hội đồng cổ đông theo các quy định tại khoản 3 Điều 115 và Điều 140 Luật Doanh nghiệp.</p> <p>2.3. Xem xét, tra cứu, và trích lục sổ biên bản và nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị, báo cáo tài chính giữa năm và hàng năm, báo cáo của Ban Kiểm soát, hợp đồng, giao dịch phải thông qua Hội đồng quản trị và tài liệu khác, trừ tài liệu liên quan đến bí mật thương mại, bí mật kinh doanh của Công ty.</p>	

Điều, khoản	Quy định tại Điều lệ hiện hành (năm 2022)	Nội dung đề xuất sửa đổi, bổ sung	Cơ sở/tham chiếu
	<p>4. Kiểm tra và nhân bản sao hoặc bản trích dẫn danh sách các cổ đông có quyền tham dự và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.</p> <p>5. Yêu cầu Ban kiểm soát kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của công ty khi xét thấy cần thiết. Yêu cầu phải được thể hiện bằng văn bản; phải có họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác đối với cổ đông là cá nhân; tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số quyết định thành lập hoặc số đăng ký kinh doanh đối với cổ đông là tổ chức; số lượng</p>	<p>2.4. Yêu cầu Ban kiểm soát kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết. Yêu cầu phải bằng văn bản và phải bao gồm các nội dung sau đây: họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức; địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần và thời điểm đăng ký cổ phần của từng cổ đông, tổng số cổ phần của cả nhóm cổ đông và tỷ lệ sở hữu trong tổng số cổ phần của công ty; vấn đề cần kiểm tra, mục đích kiểm tra.</p> <p>2.5. Kiến nghị vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải bằng văn bản và được gửi đến Công ty chậm nhất là ba (03) ngày làm việc trước ngày khai mạc. Kiến nghị phải ghi rõ tên cổ đông, số lượng từng loại cổ phần của cổ đông, vấn đề kiến nghị đưa vào chương trình họp.</p> <p>2.5. Các quyền khác theo quy định của pháp luật.</p> <p>Bổ khoản này</p> <p>Bổ khoản này</p>	

Điều, khoản	Quy định tại Điều lệ hiện hành (năm 2022)	Nội dung đề xuất sửa đổi, bổ sung	Cơ sở/tham chiếu
	<p>cổ phần và thời điểm đăng ký cổ phần của từng cổ đông, tổng số cổ phần của cả nhóm cổ đông và tỷ lệ sở hữu trong tổng số cổ phần của công ty; vấn đề cần kiểm tra, mục đích kiểm tra.</p>		
Điều 11	<p>Điều 11. Nghĩa vụ của cổ đông</p> <p>1. Thanh toán đủ và đúng thời hạn số cổ phần cam kết mua. Không được rút vốn đã góp bằng cổ phần ra khỏi công ty dưới mọi hình thức, trừ trường hợp được công ty hoặc người khác mua lại cổ phần.</p> <p>2. Tuân thủ Điều lệ và các quy chế quản lý nội bộ của Công ty;</p> <p>3. Chấp hành nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị Công ty;</p> <p>4. Cung cấp chính xác địa chỉ và các thông tin liên quan khi đăng ký mua cổ phần; thông báo lại cho Công ty khi có thay đổi các thông tin so với đăng ký ban đầu.</p>	<p>Điều 12. Nghĩa vụ của cổ đông</p> <p>1. Thanh toán đầy đủ và đúng hạn số cổ phần cam kết mua.</p> <p>2. Không được rút vốn đã góp bằng cổ phần phổ thông ra khỏi Công ty dưới mọi hình thức, trừ trường hợp được công ty hoặc người khác mua lại cổ phần. Trường hợp có cổ đông rút một phần hoặc toàn bộ vốn cổ phần đã góp trái với quy định tại khoản này thì cổ đông đó và người có lợi ích liên quan trong Công ty phải cùng liên đới chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của Công ty trong phạm vi giá trị cổ phần đã bị rút và các thiệt hại xảy ra.</p> <p>3. Tuân thủ Điều lệ Công ty và các quy chế quản lý nội bộ của Công ty.</p> <p>4. Chấp hành Nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị.</p> <p>5. Bảo mật các thông tin được Công ty cung cấp theo quy định tại Điều lệ Công ty và pháp luật; chỉ sử dụng thông tin được cung cấp để thực hiện và bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình; nghiêm cấm phát tán hoặc sao, gửi thông tin được Công ty cung cấp cho tổ chức, cá nhân khác.</p> <p>6. Tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết thông qua các hình thức sau:</p> <p>6.1. Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp.</p>	Tham chiếu Điều 13 Điều lệ mẫu

Điều, Khoản	Quy định tại Điều lệ hiện hành (năm 2022)	Nội dung đề xuất sửa đổi, bổ sung	Cơ sở/tham chiếu
	<p>5. Thực hiện các nghĩa vụ khác theo quy định Luật pháp và Điều lệ Công ty.</p>	<p>6.2. Ủy quyền cho cá nhân, tổ chức khác tham dự và biểu quyết tại cuộc họp.</p> <p>6.3. Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác.</p> <p>6.4. Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử.</p> <p>7. Chịu trách nhiệm cá nhân khi nhân danh công ty dưới mọi hình thức để thực hiện một trong các hành vi sau đây:</p> <p>7.1. Vi phạm pháp luật.</p> <p>7.2. Tiến hành kinh doanh và các giao dịch khác để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác.</p> <p>7.3. Thanh toán các khoản nợ chưa đến hạn trước nguy cơ tài chính có thể xảy ra đối với Công ty.</p> <p>7.4. Hoàn thành các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật hiện hành.</p>	
Khoản 1, Điều 12	<p>Điều 12. Đại hội đồng cổ đông</p> <p>1. Đại hội đồng cổ đông gồm tất cả cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan quyết định cao nhất của Công ty. Đại hội đồng cổ đông tổ chức họp thường niên mỗi năm một lần và phải họp trong thời hạn <u>ba tháng</u>, kể từ ngày kết thúc năm tài chính.</p>	<p>Điều 13. Đại hội đồng cổ đông</p> <p>1. Đại hội đồng cổ đông gồm tất cả cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan quyết định cao nhất của Công ty. Đại hội đồng cổ đông họp thường niên mỗi năm một lần và trong thời hạn bốn (04) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Hội đồng quản trị quyết định gia hạn họp Đại hội đồng cổ đông thường niên trong trường hợp cần thiết, nhưng không quá sáu (06) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Ngoài cuộc họp thường niên, Đại hội đồng cổ đông có thể họp bất thường. Địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông được xác định là</p>	Tham chiếu Điều 14 Điều lệ mẫu

Điều, khoản	Quy định tại Điều lệ hiện hành (năm 2022)	Nội dung đề xuất sửa đổi, bổ sung	Cơ sở/tham chiếu
	<p>2. Hội đồng quản trị của Công ty có trách nhiệm tổ chức triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và lựa chọn địa điểm phù hợp. Đại hội đồng cổ đông họp thường niên quyết định những vấn đề sau:</p> <p>2.1. Kế hoạch kinh doanh hằng năm của Công ty;</p> <p>2.2. Báo cáo tài chính kiểm toán hàng năm: Báo cáo trước 28 tháng 02 năm hoạt động kế tiếp</p> <p>2.3. Báo cáo của Hội đồng quản trị về quản trị Công ty và kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị và từng thành viên Hội đồng quản trị;</p> <p>2.4. Báo cáo của Ban kiểm soát về kết quả kinh doanh của Công ty, kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và kết quả hoạt động của Ban kiểm soát;</p> <p>2.5. Mức cổ tức và quyền đối với mỗi cổ phần. Mức cổ tức này không cao hơn mức mà Hội đồng quản trị đề nghị sau khi đã tham khảo ý kiến các cổ đông tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông;</p> <p>2.6. Các vấn đề khác thuộc thẩm quyền theo chương trình họp Đại hội đồng cổ đông mà người triệu tập cuộc họp Hội đồng quản trị chuẩn bị và đề xuất theo quy định của pháp luật và Điều lệ.</p> <p>Các kiểm toán viên độc lập có thể được mời tham dự họp đại hội để tư vấn cho việc thông qua các báo cáo tài chính hàng năm (nếu thấy cần thiết).</p> <p>3. Hội đồng quản trị công ty sẽ triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường trong các trường hợp sau:</p> <p>3.1. Hội đồng quản trị xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty;</p>	<p>nơi chủ tọa tham dự họp và phải ở trên lãnh thổ Việt Nam;</p> <p>2. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và lựa chọn địa điểm phù hợp. Đại hội đồng cổ đông thường niên quyết định những vấn đề theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty, đặc biệt thông qua báo cáo tài chính năm được kiểm toán. Trường hợp Báo cáo tài chính năm báo cáo tài chính năm của Công ty có các khoản ngoại trừ trọng yếu, ý kiến kiểm toán trái ngược hoặc từ chối, Công ty phải mời đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận nêu trên có trách nhiệm tham dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên của Công ty.</p> <p>3. Hội đồng quản trị công ty sẽ triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường trong các trường hợp sau:</p>	Cơ sở/tham chiếu

Điều, khoản	Quy định tại Điều lệ hiện hành (năm 2022)	Nội dung đề xuất sửa đổi, bổ sung	Cơ sở/tham chiếu
	<p>3.2. Bảng cân đối kế toán hàng năm, các báo cáo quý hoặc nửa năm hoặc báo cáo kiểm toán của năm tài chính phản ánh vốn điều lệ của công ty đã bị mất một nửa;</p> <p>3.3. Khi số thành viên của Hội đồng quản trị ít hơn số thành viên mà luật pháp quy định hoặc còn lại ít hơn hai phần ba tổng số số thành viên quy định trong Điều lệ này;</p> <p>3.4. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại Điểm 3.2, Khoản 3, Điều 10 của Điều lệ này yêu cầu triệu tập Đại hội đồng cổ đông bằng một văn bản kiến nghị. Văn bản kiến nghị triệu tập phải nêu rõ lý do và mục đích cuộc họp, có chữ ký của các cổ đông liên quan (văn bản kiến nghị có thể lập thành nhiều bản để có đủ chữ ký của tất cả các cổ đông có liên quan);</p> <p>3.5. Ban kiểm soát yêu cầu triệu tập cuộc họp nếu Ban kiểm soát có lý do tin tưởng rằng các thành viên Hội đồng quản trị hoặc Người quản lý vi phạm nghiêm trọng các nghĩa vụ của họ theo Điều 160 Luật Doanh nghiệp hoặc Hội đồng quản trị hành động hoặc có ý định hành động ngoài phạm vi quyền hạn của mình;</p> <p>3.6. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.</p> <p>4. Triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường</p> <p>4.1. Hội đồng quản trị sẽ triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn ba mươi ngày kể từ ngày số thành viên Hội đồng quản trị còn lại như quy định tại <u>Điểm 3.3, Khoản 3, Điều 12</u> hoặc nhận được yêu cầu quy định tại <u>Điểm 3.4 và Điểm 3.5, Khoản 3, Điều 12</u> của Điều lệ này.</p> <p>4.2. Trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điểm 4.1,</p>	<p>3.1. Hội đồng quản trị xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty;</p> <p>Bổ điểm này</p> <p>3.2. Số lượng thành viên của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát còn lại ít hơn số lượng thành viên tối thiểu theo quy định của pháp luật;</p> <p>3.3. Theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 của Luật Doanh nghiệp. Yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải được thể hiện bằng văn bản, trong đó nêu rõ lý do và mục đích cuộc họp, có đủ chữ ký của các cổ đông liên quan hoặc văn bản yêu cầu được lập thành nhiều bản và tập hợp đủ chữ ký của các cổ đông có liên quan;</p> <p>3.4. Theo yêu cầu của Ban kiểm soát;</p> <p>3.5. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.</p> <p>4. Triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường</p> <p>4.1. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn ba mươi (30) ngày kể từ ngày số thành viên Hội đồng quản trị hoặc thành viên Ban kiểm soát còn lại như quy định tại điểm 3.2 khoản 3 Điều này</p>	

Điều, khoản	Quy định tại Điều lệ hiện hành (năm 2022)	Nội dung đề xuất sửa đổi, bổ sung	Cơ sở/tham chiếu
	<p>Khoản 4 nêu trên thì trong thời hạn ba mươi ngày tiếp theo, Ban Kiểm soát phải thay <u>mất Hội đồng quản trị</u> triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định <u>Khoản 5 Điều 136</u> Luật Doanh nghiệp.</p> <p>4.3. Trường hợp Ban Kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại <u>Điểm 4.2, Khoản 4 nêu trên thì trong thời hạn ba mươi ngày tiếp theo, cổ đông, nhóm cổ đông có yêu cầu quy định tại Điểm 3.4, Khoản 3, Điều 12 của Điều lệ này có quyền thay mặt Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định Khoản 5 Điều 136</u> Luật Doanh nghiệp.</p> <p>Trong trường hợp này, cổ đông hoặc nhóm cổ đông triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có thể đề nghị cơ quan đăng ký kinh doanh giám sát việc triệu tập và tiến hành họp nếu xét thấy cần thiết.</p> <p>4.4. Tất cả chi phí cho việc triệu tập và tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông sẽ được Công ty hoàn lại. Chi phí này không bao gồm những chi phí do cổ đông chi tiêu khi tham dự họp Đại hội đồng cổ đông, kể cả chi phí ăn ở và đi lại.</p>	<p>hoặc nhận được yêu cầu quy định tại điểm 3.3 và điểm 3.4 khoản 3 Điều này.</p> <p>4.2. Trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm 4.1 khoản 4 Điều này thì trong thời hạn ba mươi (30) ngày tiếp theo, Ban kiểm soát phải thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định Khoản 3 Điều 140 Luật Doanh nghiệp.</p> <p>4.3. Trường hợp Ban kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm 4.2, khoản 4, Điều này thì cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại điểm 3.3 khoản 3 Điều này có quyền yêu cầu đại diện Công ty triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Luật Doanh nghiệp.</p> <p>Trong trường hợp này, cổ đông hoặc nhóm cổ đông triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có thể đề nghị cơ quan đăng ký kinh doanh giám sát trình tự, thủ tục triệu tập, tiến hành họp và ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Tất cả chi phí cho việc triệu tập và tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông sẽ được Công ty hoàn lại. Chi phí này không bao gồm những chi phí do cổ đông chi tiêu khi tham dự Đại hội đồng cổ đông, kể cả chi phí ăn ở và đi lại.</p> <p>4.4. “Thủ tục để tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 5 Điều 140 Luật Doanh nghiệp.”</p>	<p>Điều 138 và Điều 139 Luật Doanh nghiệp và</p>
Điều 13	<p>Điều 13. Quyền và nhiệm vụ của Đại hội đồng cổ đông</p> <p>1. Đại hội đồng cổ đông có các quyền và nhiệm vụ sau:</p>	<p>Điều 14. Quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông</p>	<p>Điều 138 và Điều 139 Luật Doanh nghiệp và</p>

Điều, khoản	Quy định tại Điều lệ hiện hành (năm 2022)	Nội dung đề xuất sửa đổi, bổ sung	Cơ sở/tham chiếu
	<p>1.1. Thông qua định hướng phát triển của Công ty</p> <p>1.2. Quyết định mức cổ tức thanh toán hàng năm cho cổ phần phù hợp với Luật Doanh nghiệp và các quyền gắn liền với loại cổ phần đó. Mức cổ tức này không cao hơn mức mà Hội đồng quản trị đề nghị sau khi đã tham khảo ý kiến các cổ đông tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông;</p> <p>1.3 <u>Lựa chọn công ty kiểm toán:</u></p> <p>1.4. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm và thay thế thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên;</p> <p>1.5. Tổng số tiền thù lao của các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát và Báo cáo tiền thù lao của Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát;</p> <p>1.6. Bổ sung, sửa đổi Điều lệ này;</p> <p>1.7. Quyết định số lượng cổ phần được quyền chào bán mà căn cứ vào đó Hội đồng quản trị sẽ có quyền quyết định chào bán cổ phần mới trong phạm vi số cổ phần được quyền chào bán.</p> <p>1.8. Tổ chức lại, giải thể Công ty và chỉ định người thanh lý;</p> <p>1.9. Kiểm tra và xử lý các vi phạm của Hội đồng Quản trị hoặc Ban Kiểm soát gây thiệt hại cho Công ty và các cổ đông của Công ty;</p>	<p>1. Đại hội đồng cổ đông có các quyền và nghĩa vụ sau đây:</p> <p>1.1. Thông qua định hướng phát triển của Công ty</p> <p>1.2. Quyết định mức cổ tức thanh toán hàng năm cho cổ phần phù hợp với Luật Doanh nghiệp và các quyền gắn liền với loại cổ phần đó. Mức cổ tức này không cao hơn mức mà Hội đồng quản trị đề nghị sau khi đã tham khảo ý kiến các cổ đông tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.</p> <p>1.3. Phê duyệt danh sách công ty kiểm toán độc lập; quyết định công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm tra hoạt động của công ty, bãi miễn kiểm toán viên độc lập khi xét thấy cần thiết.</p> <p>1.4. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng Quản trị, Kiểm soát viên.</p> <p>1.5. Quyết định ngân sách hoặc tổng mức thù lao, thưởng và lợi ích khác cho Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát;</p> <p>1.6. Bổ sung và sửa đổi Điều lệ Công ty;</p> <p>1.7. Thông qua báo cáo tài chính hằng năm;</p> <p>1.8. Quyết định loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại được quyền chào bán; quyết định mức cổ tức hằng năm của từng loại cổ phần;</p> <p>1.9. Tổ chức lại, giải thể Công ty;</p> <p>1.10. Xem xét, xử lý các vi phạm của thành viên Hội đồng Quản trị, thành viên Ban Kiểm soát gây thiệt hại cho Công ty và các cổ đông của Công ty;</p>	<p>tham chiếu Điều 15 Điều lệ mẫu</p>

Điều, khoản	Quy định tại Điều lệ hiện hành (năm 2022)	Nội dung đề xuất sửa đổi, bổ sung	Cơ sở/tham chiếu
	<p>1.10. Quyết định các giao dịch chuyển, nhượng, mua, bán tài sản của Công ty có giá trị từ trên 35% tổng giá trị tài sản của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất;</p> <p>1.11. Quyết định việc đầu tư các dự án có tổng vốn đầu tư lớn hơn hoặc bằng ba lần tổng giá trị tài sản của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất.</p> <p>1.12. Quyết định việc Công ty mua lại hơn 10% trở lên tổng số cổ phần phát hành;</p> <p>1.13. Công ty ký kết hợp đồng, giao dịch với những người được quy định tại Khoản 1, Điều 162 của Luật Doanh nghiệp với giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất. Trong trường hợp này, các cổ đông có liên quan không có quyền biểu quyết; hợp đồng, giao dịch chỉ được chấp thuận khi có số cổ đông đại diện ít nhất 65% tổng số phiếu biểu quyết còn lại đồng ý;</p> <p>1.14. Các vấn đề khác theo quy định của Điều lệ này và các quy chế khác của Công ty.</p> <p>2. Cổ đông không được tham gia bỏ phiếu trong các trường hợp sau đây:</p> <p>2.1. Các hợp đồng quy định tại Khoản 1 Điều này khi cổ đông đó hoặc người liên quan tới cổ đông là một bên của hợp đồng;</p>	<p>1.11. Quyết định các giao dịch mua, bán tài sản (không bao gồm một phần hoặc toàn bộ các dự án đầu tư, quyền sử dụng đất và cơ sở hạ tầng trong các dự án đầu tư) của Công ty có giá trị từ 50% trở lên tổng giá trị tài sản của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất;</p> <p>1.12. Quyết định đầu tư dự án (bao gồm cả chuyển nhượng và nhận chuyển nhượng một phần hoặc toàn bộ các dự án đầu tư, quyền sử dụng đất, cơ sở hạ tầng trong các dự án) có tổng vốn đầu tư lớn hơn hoặc bằng ba (03) lần tổng giá trị tài sản của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất;</p> <p>1.13. Quyết định mua lại trên 10% tổng số cổ phần đã bán của mỗi loại;</p> <p>Bổ khoản này</p> <p>1.14. Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật.</p> <p>Bổ khoản này</p>	

Điều, khoản	Quy định tại Điều lệ hiện hành (năm 2022)	Nội dung đề xuất sửa đổi, bổ sung	Cơ sở/tham chiếu
	<p>2.2. Việc mua lại cổ phần của cổ đông đó hoặc của người có liên quan tới cổ đông đó. Tuy nhiên, trong trường hợp Công ty quyết định mua lại hơn 10% tổng số cổ phần phát hành của Công ty từ từng cổ đông tương ứng với tỷ lệ cổ phần của họ trong Công ty theo quyết định của Công ty như quy định tại Khoản 3, Điều 130 Luật doanh nghiệp, thì tất cả các cổ đông sẽ có quyền biểu quyết về vấn đề này.</p>	<p>2. Đại hội đồng cổ đông thảo luận và thông qua các vấn đề sau:</p> <p>2.1. Kế hoạch sản xuất kinh doanh hằng năm của Công ty.</p> <p>2.2. Báo cáo tài chính hằng năm đã được kiểm toán.</p> <p>2.3. Báo cáo của Hội đồng quản trị về quản trị và kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị và từng thành viên Hội đồng quản trị.</p> <p>2.4. Báo cáo của Ban kiểm soát về kết quả kinh doanh của Công ty, kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc.</p> <p>2.5. Báo cáo tự đánh giá kết quả hoạt động của Ban kiểm soát và thành viên Ban kiểm soát.</p> <p>2.6. Mức cổ tức đối với mỗi cổ phần của từng loại.</p> <p>2.7. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát.</p> <p>2.8. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát.</p> <p>2.9. Quyết định ngân sách hoặc tổng mức thù lao, thưởng và lợi ích khác đối với Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát.</p> <p>2.10. Phê duyệt danh sách công ty kiểm toán được</p>	

Điều, khoản	Quy định tại Điều lệ hiện hành (năm 2022)	Nội dung đề xuất sửa đổi, bổ sung	Cơ sở/tham chiếu
		<p>chấp thuận; quyết định công ty kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra các hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết.</p> <p>2.11. Bổ sung và sửa đổi Điều lệ công ty.</p> <p>2.12. Loại cổ phần và số lượng cổ phần mới được phát hành đối với mỗi loại cổ phần và việc chuyển nhượng cổ phần của thành viên sáng lập trong vòng ba (03) năm đầu tiên kể từ ngày thành lập.</p> <p>2.13. Chia, tách, hợp nhất, sáp nhập hoặc chuyển đổi Công ty.</p> <p>2.14. Tổ chức lại và giải thể (thanh lý) Công ty và chỉ định người thanh lý.</p> <p>2.15. Quyết định các giao dịch mua, bán tài sản (không bao gồm một phần hoặc toàn bộ các dự án đầu tư, quyền sử dụng đất và cơ sở hạ tầng trong các dự án đầu tư) của Công ty có giá trị từ 50% trở lên tổng giá trị tài sản của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất.</p> <p>2.16. Quyết định đầu tư dự án (bao gồm cả chuyển nhượng và nhận chuyển nhượng một phần hoặc toàn bộ các dự án đầu tư, quyền sử dụng đất, cơ sở hạ tầng trong các dự án) có tổng vốn đầu tư lớn hơn hoặc bằng ba (03) lần tổng giá trị tài sản của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất.</p> <p>2.17. Quyết định mua lại trên 10% tổng số cổ phần đã bán của mỗi loại.</p> <p>2.18. Công ty ký kết hợp đồng, giao dịch với những người được quy định tại khoản 1 Điều 167 của Luật Doanh nghiệp với giá trị bằng hoặc lớn hơn 35%</p>	

Điều, khoản	Quy định tại Điều lệ hiện hành (năm 2022)	Nội dung đề xuất sửa đổi, bổ sung	Cơ sở/tham chiếu
	<p>3. Tất cả các Nghị quyết và các vấn đề đã được đưa vào chương trình họp phải được đưa ra thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.</p>	<p>tổng giá trị tài sản của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất.</p> <p>2.19. Chấp thuận các giao dịch quy định tại khoản 4 Điều 293 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán.</p> <p>2.20. Phê duyệt Quy chế quản trị nội bộ; Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Quy chế hoạt động Ban kiểm soát.</p> <p>2.21. Các vấn đề khác theo quy định của pháp Luật.</p> <p>3. Tất cả các Nghị quyết và các vấn đề đã được đưa vào chương trình họp phải được đưa ra thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.</p>	
Điều 14, khoản 1	<p>Điều 14. Thực hiện quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông</p> <p>1. Các cổ đông là cá nhân, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông có thể trực tiếp tham dự hoặc uỷ quyền cho đại diện của mình tham dự. <u>Trường hợp có nhiều hơn một người đại diện theo ủy quyền được cử thì phải xác định cụ thể số cổ phần và số phiếu bầu của mỗi người đại diện.</u></p>	<p>Điều 15. Thực hiện quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông</p> <p>1. Cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức có thể trực tiếp tham dự họp, ủy quyền bằng văn bản cho một hoặc một số cá nhân, tổ chức khác dự họp hoặc dự họp thông qua một hình thức khác theo quy tại khoản 3 Điều 144 Luật Doanh nghiệp.</p>	Tham chiếu khoản 1, Điều 16, Điều lệ mẫu
Điều 14, khoản 2	<p>2. Việc ủy quyền cho người đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông phải lập thành văn bản theo mẫu của công ty và phải có chữ ký theo quy định sau đây:</p> <p>2.1. Trường hợp cổ đông cá nhân là người ủy quyền thì văn bản ủy quyền phải có chữ ký của cổ đông đó và người được ủy quyền dự họp;</p> <p>2.2. Trường hợp người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là một tổ chức thì tổ chức đó phải có văn bản ủy quyền có chữ ký của người đại diện cho tổ chức hoặc</p>	<p>2. Việc ủy quyền cho cá nhân, tổ chức đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 1 Điều này phải được lập thành văn bản. Văn bản ủy quyền được lập theo quy định của pháp luật về dân sự và phải nêu rõ tên cổ đông ủy quyền, tên cá nhân, tổ chức được ủy quyền, phạm vi ủy quyền, thời hạn ủy quyền, chữ ký của bên ủy quyền và bên được ủy quyền.</p>	Tham chiếu khoản, Điều 16 Điều lệ mẫu

Điều, khoản	Quy định tại Điều lệ hiện hành (năm 2022)	Nội dung đề xuất sửa đổi, bổ sung	Cơ sở/tham chiếu
	<p>người đại diện theo pháp luật của tổ chức đó và người được ủy quyền đến dự họp.</p> <p>2.3. Trong trường hợp khác thì phải có chữ ký của người đại diện theo pháp luật của cổ đông và người được ủy quyền dự họp.</p> <p>2.4. Người được ủy quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải nộp văn bản ủy quyền trước khi vào phòng họp.</p>	<p>Người được ủy quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải nộp văn bản ủy quyền khí đăng ký dự họp. Trường hợp ủy quyền lại thì người tham dự họp phải xuất trình thêm văn bản ủy quyền ban đầu của cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức (nếu trước đó chưa đăng ký với công ty).</p>	
Điều 14, khoản 3	<p>3. <u>Trường hợp luật sư thay mặt cho người ủy quyền ký giấy chỉ định đại diện, việc chỉ định đại diện trong trường hợp này chỉ được coi là có hiệu lực nếu giấy chỉ định đại diện đó được xuất trình cùng với thư ủy quyền cho luật sư ký bởi đại diện theo pháp luật của cổ đông là tổ chức hoặc của cổ đông cá nhân trong đó quy định rõ rằng rằng luật sư này được ủy quyền thay mặt cổ đông đó thực hiện các quyền của cổ đông (trong đó có quyền dự họp và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông về các vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông) và có quyền được ủy quyền lại cho người khác thực hiện các quyền này hoặc bản sao của thư ủy quyền đó có xác nhân sao y bản chính của cơ quan có thẩm quyền theo pháp luật về công chứng và chứng thực (nếu trước đó việc ủy quyền cho luật sư này chưa được đăng ký với Công ty).</u></p>	<p>Bỏ khoản này</p>	
Điều 14, khoản 4	<p>4. <u>Trừ trường hợp quy định tại Khoản 3, Điều 14 Điều lệ này, phiếu biểu quyết của người được ủy quyền dự họp trong phạm vi được ủy quyền vẫn có hiệu lực khi có một trong các trường hợp sau đây:</u></p>	<p>3. Phiếu biểu quyết của người được ủy quyền dự họp trong phạm vi được ủy quyền vẫn có hiệu lực khi có một trong các trường hợp sau đây:</p>	<p>Tham chiếu khoản 3, Điều 16</p>

Điều, khoản	Quy định tại Điều lệ hiện hành (năm 2022)	Nội dung đề xuất sửa đổi, bổ sung	Cơ sở/tham chiếu
	<p>4.1. Người ủy quyền đã chết, bị hạn chế năng lực hành vi dân sự hoặc bị mất năng lực hành vi dân sự;</p> <p>4.2. Người ủy quyền đã hủy bỏ việc chỉ định ủy quyền;</p> <p>4.3. Người ủy quyền đã hủy bỏ thẩm quyền của người thực hiện việc ủy quyền.</p> <p>Điều khoản này sẽ không áp dụng trong trường hợp Công ty nhận được thông báo về một trong các sự kiện ở trên ít nhất bốn mươi tám giờ trước khi khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông hoặc trước khi cuộc họp được triệu tập lại.</p>	<p>3.1. Người ủy quyền đã chết, bị hạn chế năng lực hành vi dân sự hoặc bị mất năng lực hành vi dân sự;</p> <p>3.2. Người ủy quyền đã hủy bỏ việc chỉ định ủy quyền;</p> <p>3.3. Người ủy quyền đã hủy bỏ thẩm quyền của người thực hiện việc ủy quyền.</p> <p>Điều khoản này sẽ không áp dụng trong trường hợp Công ty nhận được thông báo về một trong các sự kiện trên trước giờ khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông hoặc trước khi cuộc họp được triệu tập lại.</p>	
Điều 15, khoản 1	<p>Điều 15. Triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông, chương trình họp và thông báo họp Đại hội đồng cổ đông</p> <p>1. Hội đồng Quản trị triệu tập Đại hội đồng cổ đông, hoặc Đại hội đồng cổ đông được triệu tập họp theo các trường hợp quy định tại Điểm 4.2 và 4.3 khoản 4 Điều 12 Điều lệ này.</p>	<p>Điều 16. Triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông, chương trình họp và thông báo họp Đại hội đồng cổ đông</p> <p>1. Hội đồng Quản trị triệu tập Đại hội đồng cổ đông thường niên và bất thường. Hội đồng Quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có đồng bất thường theo các trường hợp quy định tại Khoản 3 Điều 13 Điều lệ này.</p>	Khoản 1, Điều 140 Luật Doanh nghiệp và tham chiếu khoản 1, Điều 18 Điều lệ mẫu
Điều 15, khoản 2	<p>2. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải thực hiện những nhiệm vụ sau đây:</p> <p>2.1. Chuẩn bị danh sách các cổ đông đủ điều kiện tham gia và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông. Danh sách cổ đông có quyền tham dự Đại hội đồng cổ đông được lập không quá 10 ngày trước ngày gửi thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông. Công ty phải công bố thông tin về việc lập danh sách cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông tối thiểu 20 ngày trước ngày đăng ký cuối cùng;</p> <p>2.2. Chuẩn bị chương trình, nội dung đại hội.</p> <p>2.3. Chuẩn bị tài liệu cho đại hội.</p>		Điều 144 Luật Doanh nghiệp và tham chiếu Khoản 2, Điều 18 Điều lệ mẫu

Điều, khoản	Quy định tại Điều lệ hiện hành (năm 2022)	Nội dung đề xuất sửa đổi, bổ sung	Cơ sở/tham chiếu
	<p>2.2. Xác định thời gian và địa điểm tổ chức đại hội;</p> <p>2.3. Thông báo và gửi thông báo họp Đại hội đồng cổ đông cho tất cả các cổ đông có quyền dự họp.</p>	<p>2.4. Dự thảo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông theo nội dung dự kiến của cuộc họp;</p> <p>2.5. Xác định thời gian và địa điểm tổ chức đại hội.</p> <p>2.6. Thông báo và gửi thông báo họp Đại hội đồng cổ đông cho tất cả các cổ đông có quyền dự họp.</p> <p>2.7. Các công việc khác phục vụ cuộc họp.</p>	
Điều 15, khoản 3	<p>3. Thông báo họp Đại hội đồng cổ đông phải bao gồm chương trình họp và các thông tin liên quan về các vấn đề sẽ được thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp. Thông báo họp Đại hội đồng cổ đông được gửi cho cổ đông bằng cách chuyển tận tay hoặc gửi qua bưu điện bằng phương thức bảo đảm tới địa chỉ đã đăng ký của cổ đông, hoặc tới địa chỉ do cổ đông đó cung cấp để phục vụ việc gửi thông tin. Trường hợp cổ đông đã thông báo cho Công ty bằng văn bản về số fax hoặc địa chỉ thư điện tử, thông báo họp Đại hội đồng cổ đông có thể được gửi tới số fax hoặc địa chỉ thư điện tử đó. Thông báo họp Đại hội đồng cổ đông phải được gửi trước ít nhất mười ngày trước ngày họp Đại hội đồng cổ đông, (tính từ ngày mà thông báo được gửi bằng các hình thức nêu trên). Trường hợp Công ty có website, thông báo họp Đại hội đồng cổ đông phải được công bố trên website của Công ty đồng thời với việc gửi thông báo cho các cổ đông.</p>	<p>3. Thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông được gửi cho tất cả các cổ đông bằng phương thức để bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của cổ đông; đồng thời công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải gửi thông báo mời họp đến tất cả các cổ đông trong Danh sách cổ đông có quyền dự họp chậm nhất hai mươi một (21) ngày trước ngày khai mạc Đại hội đồng cổ đông (tính từ ngày mà thông báo được gửi hoặc chuyển đi một cách hợp lệ). Chương trình họp Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu liên quan đến các vấn đề sẽ được biểu quyết tại đại hội được gửi cho các cổ đông hoặc/và đăng trên trang thông tin điện tử của Công ty. Trong trường hợp tài liệu không được gửi kèm thông báo họp Đại hội đồng cổ đông, thông báo mời họp phải nêu rõ đường dẫn đến toàn bộ tài liệu họp để các cổ đông có thể tiếp cận, bao gồm:</p> <p>a. Chương trình họp, các tài liệu sử dụng trong cuộc họp;</p> <p>b. Danh sách và thông tin chi tiết của các ứng viên trong trường hợp bầu thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát;</p> <p>c. Phiếu biểu quyết;</p>	Khoản 2 và 3 Điều 143 Luật Doanh nghiệp và tham chiếu khoản 3, Điều 18, Điều lệ mẫu

Điều, khoản	Quy định tại Điều lệ hiện hành (năm 2022)	Nội dung đề xuất sửa đổi, bổ sung	Cơ sở/tham chiếu
Điều 15, khoản 4	<p>4. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông được đề cập tại <u>Khoản 3, Điều 10</u> của Điều lệ này có quyền đề xuất các vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. <u>Đề xuất</u> phải được làm bằng văn bản và phải được gửi cho Công ty ít nhất ba ngày làm việc trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông. <u>Đề xuất</u> phải <u>bao gồm</u> họ tên cổ đông, số lượng, loại cổ phần người đó nắm giữ và nội dung đề nghị đưa vào chương trình họp.</p>	<p>d. Dự thảo nghị quyết đối với từng vấn đề trong chương trình họp.</p> <p>4. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông được đề cập tại Khoản 2, Điều 11 của Điều lệ này có quyền đề nghị các vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Đề nghị phải được làm bằng văn bản và phải được gửi cho Công ty chậm nhất ba (03) ngày làm việc trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải ghi rõ họ tên cổ đông, số lượng, loại cổ phần người đó nắm giữ và vấn đề kiến nghị đưa vào chương trình họp.</p>	Khoản 2, Điều 142, Luật Doanh nghiệp và tham chiếu khoản 4, Điều 18, Điều lệ mẫu
Điều 15, khoản 5,	<p>5. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có quyền từ chối những <u>đề xuất</u> quy định tại Khoản 4 nêu trên trong các trường hợp sau:</p> <p>5.1. <u>Đề xuất</u> được gửi đến không đúng thời hạn hoặc không đủ, không đúng nội dung;</p> <p>5.2. Vào thời điểm <u>đề xuất</u>, cổ đông hoặc nhóm cổ đông không có đủ ít nhất 5% cổ phần phổ thông trong thời gian liên tục ít nhất sáu tháng;</p> <p>5.3. Vấn đề <u>đề xuất</u> không thuộc phạm vi thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông bàn bạc và thông qua.</p>	<p>5. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có quyền từ chối những kiến nghị quy định tại Khoản 4 nêu trên trong các trường hợp sau:</p> <p>5.1. Kiến nghị được gửi đến không đúng quy định tại khoản 4 Điều này.</p> <p>5.2. Vào thời điểm kiến nghị, cổ đông hoặc nhóm cổ đông không nắm giữ đủ từ 5% cổ phần phổ thông trở lên theo quy định tại khoản 3 Điều 10 Điều lệ này.</p> <p>5.3. Vấn đề kiến nghị không thuộc phạm vi thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông bàn bạc và thông qua.</p>	Khoản 3, Điều 142 Luật Doanh nghiệp và tham chiếu khoản 5, Điều 18, Điều lệ mẫu
Điều 15, khoản 6	<p>6. Hội đồng quản trị phải chuẩn bị dự thảo nghị quyết cho từng vấn đề trong chương trình họp Đại hội đồng cổ đông.</p>	<p>Bổ khoản này</p>	Tham chiếu Điều 18 Điều lệ mẫu
Điều 15, khoản 7	<p>7. Các quyết định được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông với số cổ đông trực tiếp và uỷ quyền tham dự đại diện 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết là hợp pháp và có hiệu lực ngay cả khi trình tự và thủ tục <u>triều tập, nội dung chương trình họp và thể thức tiến hành</u></p>	<p>6. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải chấp nhận và đưa kiến nghị quy định tại khoản 4 Điều này vào dự kiến chương trình và nội dung cuộc họp, trừ trường hợp quy định tại khoản 5 Điều này; kiến nghị được chính thức bổ sung vào chương trình</p>	Tham chiếu khoản 6 Điều 18 Điều lệ mẫu

Điều, khoản	Quy định tại Điều lệ hiện hành (năm 2022)	Nội dung đề xuất sửa đổi, bổ sung	Cơ sở/tham chiếu
Điều 16, khoản 1	<p>hợp không được thực hiện đúng như quy định hoặc nội dung biểu quyết không có trong chương trình.</p> <p>Điều 16. Các điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông</p> <p>1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện cho ít nhất 51% cổ phần có quyền biểu quyết.</p>	<p>và nội dung cuộc họp nếu được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận.</p> <p>Điều 17. Các điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông</p> <p>1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện trên 50% tổng số phiếu có quyền biểu quyết.</p>	Khoản 1, Điều 145 Luật Doanh nghiệp và tham chiếu khoản 1 Điều 19 Điều lệ mẫu
Điều 16, khoản 2,	<p>2. Trường hợp không có đủ số lượng đại biểu cần thiết trong vòng 30 phút kể từ thời điểm ấn định khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lâu hơn nếu chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông xét thấy cần thiết, cuộc họp của Đại hội đồng cổ đông lần thứ hai phải được triệu tập lại trong vòng ba mươi ngày kể từ ngày dự định tổ chức cuộc họp của Đại hội đồng cổ đông lần thứ nhất. Cuộc họp của Đại hội đồng cổ đông triệu tập lần thứ hai chỉ được tiến hành khi có thành viên tham dự là các cổ đông và những đại diện được ủy quyền dự họp đại diện cho ít nhất 33% cổ phần có quyền biểu quyết.</p>	<p>2. Trường hợp cuộc họp lần thứ nhất không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại khoản 1 Điều này thì thông báo mời họp lần thứ hai được gửi trong thời hạn ba mươi (30) ngày, kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ hai được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện từ 33% tổng số phiếu biểu quyết trở lên.</p>	Khoản 2, Điều 145 Luật Doanh nghiệp và tham chiếu khoản 2, Điều 19 Điều lệ mẫu
Điều 16, khoản 3,	<p>3. Trường hợp cuộc họp của Đại hội đồng cổ đông lần thứ hai không được tiến hành do không có đủ số đại biểu cần thiết trong vòng ba mươi phút kể từ thời điểm ấn định khai mạc cuộc họp của Đại hội đồng cổ đông hoặc lâu hơn nếu chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông xét thấy cần thiết, cuộc họp của Đại hội đồng cổ đông có thể được triệu tập lần thứ ba trong vòng hai mươi ngày kể từ ngày dự định tiến hành cuộc họp của Đại hội đồng cổ đông lần hai, và trong trường hợp này cuộc họp của Đại hội đồng cổ đông được tiến hành không phụ thuộc vào số lượng cổ đông hay đại diện uỷ quyền tham dự và được coi là họp</p>	<p>3. Trường hợp cuộc họp lần thứ hai không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại khoản 2 Điều này thì thông báo mời họp lần thứ ba phải được gửi trong vòng hai mươi (20) ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ hai. Cuộc họp của Đại hội đồng cổ đông lần thứ ba được tiến hành không phụ thuộc vào tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp.</p>	Khoản 3, Điều 145 Luật Doanh nghiệp và tham chiếu Điều 19 Điều lệ mẫu

Điều, khoản	Quy định tại Điều lệ hiện hành (năm 2022)	Nội dung đề xuất sửa đổi, bổ sung	Cơ sở/tham chiếu
Điều 16, khoản 4,	<p>lệ và có quyền quyết định tất cả các vấn đề mà cuộc họp của Đại hội đồng cổ đông lần thứ nhất có thể phê chuẩn.</p> <p>4. Theo đề nghị Chủ tọa Đại hội đồng cổ đông có quyền thay đổi chương trình họp đã được gửi kèm theo thông báo mời họp theo quy định tại khoản 3, Điều 15 của Điều lệ này.</p>	<p>Bổ khoản này</p>	<p>Đề xuất bổ khoản này vì điều này chỉ quy định về điều kiện tiến hành đại hội</p>
Điều 17, khoản 1, 2, 3	<p>Điều 17. Thế thức tiến hành họp và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông</p> <p>1. Vào ngày tổ chức cuộc họp của Đại hội đồng cổ đông, Công ty phải thực hiện thủ tục đăng ký cổ đông và phải thực hiện việc đăng ký cho đến khi các cổ đông có quyền dự họp có mặt đăng ký hết.</p> <p>2. Khi tiến hành đăng ký cổ đông, Công ty sẽ cấp cho từng cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền có quyền biểu quyết một thẻ biểu quyết, trên đó có ghi số đăng ký, họ và tên của cổ đông, họ và tên đại diện được ủy quyền và số phiếu biểu quyết của cổ đông đó. Chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông sẽ tổ chức để Đại hội đồng cổ đông thảo luận và biểu quyết về các vấn đề trong nội dung chương trình. Việc biểu quyết trước hết có thể được tiến hành theo hình thức giơ phiếu biểu quyết và ban kiểm phiếu sẽ thực hiện việc thống kê sơ bộ về kết quả biểu quyết theo hình thức này. Chủ tọa sẽ thông báo sơ bộ với Đại hội đồng cổ đông về kết quả biểu quyết về các vấn đề sau khi tiến hành theo hình thức giơ phiếu biểu quyết tại cuộc họp. Các cổ đông sẽ biểu quyết về từng vấn đề trong nội dung chương trình bằng cách ghi vào thẻ biểu quyết theo hướng dẫn của chủ tọa, quy chế làm việc, các nguyên tắc và thể lệ của đại hội. Sau khi hoàn thành việc thảo</p>	<p>Điều 18. Thế thức tiến hành họp và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông</p> <p>1. Trước khi khai mạc cuộc họp, Công ty phải thực hiện thủ tục đăng ký cổ đông và phải thực hiện việc đăng ký cho đến khi các cổ đông có quyền dự họp có mặt đăng ký hết theo trình tự sau:</p> <p>1.1. Khi tiến hành đăng ký cổ đông, Công ty cấp cho từng cổ đông hoặc đại diện theo ủy quyền có quyền biểu quyết một thẻ biểu quyết, trên đó có ghi số đăng ký, họ và tên của cổ đông, họ và tên đại diện được ủy quyền và số phiếu biểu quyết của cổ đông đó. Đại hội đồng cổ đông thảo luận và biểu quyết về các vấn đề trong nội dung chương trình. Việc biểu quyết được tiến hành bằng biểu quyết tán thành, không tán thành và không có ý kiến. Tại Đại hội, số thẻ tán thành nghị quyết được thu trước, số thẻ không tán thành nghị quyết được thu sau, cuối cùng đếm tổng số phiếu tán thành hoặc không tán thành để quyết định. Kết quả kiểm phiếu được Chủ tọa công bố ngay trước khi bế mạc cuộc họp. Đại hội bầu những người chịu trách nhiệm kiểm phiếu hoặc giám sát kiểm phiếu theo đề nghị của Chủ tọa. Số thành viên của Ban kiểm phiếu do</p>	<p>Điều 146, Luật Doanh nghiệp và tham chiếu, khoản 1, Điều 20 Điều lệ mẫu</p>

Điều, khoản	Quy định tại Điều lệ hiện hành (năm 2022)	Nội dung đề xuất sửa đổi, bổ sung	Cơ sở/tham chiếu
	<p>luân và biểu quyết về các vấn đề trong nội dung chương trình, ban kiểm phiếu sẽ thu các thẻ biểu quyết và tiến hành công tác kiểm phiếu. Sau khi có kết quả kiểm phiếu của Ban kiểm phiếu từ việc kiểm tra các thẻ biểu quyết. Chủ tọa sẽ công bố kết quả biểu quyết về từng vấn đề bao gồm tổng số phiếu ủng hộ, tổng số phiếu phản đối từng vấn đề hoặc bỏ phiếu trắng. Ban kiểm phiếu sẽ bao gồm từ ba đến năm thành viên do chủ tọa đoàn chủ tịch giới thiệu trong số những đại biểu tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và được Đại hội đồng cổ đông thông qua.</p> <p>3. Cổ đông đến dự cuộc họp của Đại hội đồng cổ đông muộn có quyền đăng ký ngay và sau đó có quyền tham gia và biểu quyết ngay tại cuộc họp. Chủ tọa không có trách nhiệm dừng cuộc họp của Đại hội đồng cổ đông để cho cổ đông đến muộn đăng ký và hiệu lực của các đợt biểu quyết đã tiến hành trước khi cổ đông đến muộn tham dự sẽ không bị ảnh hưởng.</p>	<p>Nội dung đề xuất sửa đổi, bổ sung</p> <p>Đại hội đồng cổ đông quyết định căn cứ đề nghị của Chủ tọa cuộc họp.</p> <p>1.2. Cổ đông hoặc người được đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức hoặc người được ủy quyền đến sau khi cuộc họp đã khai mạc có quyền đăng ký ngay và sau đó có quyền tham gia và biểu quyết tại đại hội ngay sau khi đăng ký. Chủ tọa không có trách nhiệm dừng đại hội để cho cổ đông đến muộn đăng ký và hiệu lực của những nội dung đã được biểu quyết trước đó không thay đổi.</p>	Tham chiếu khoản 2, Điều 20 Điều lệ mẫu
Điều 17, khoản 4	<p>4. Cuộc họp của Đại hội đồng cổ đông sẽ do Chủ tịch Hội đồng quản trị làm chủ tọa, trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị vắng mặt thì Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị sẽ chủ tọa cuộc họp của Đại hội đồng cổ đông. Trường hợp cả Chủ tịch Hội đồng quản trị và Phó chủ tịch Hội đồng quản trị vắng mặt thì các thành viên Hội đồng quản trị còn lại bầu một người trong số họ làm chủ tọa cuộc họp này. Trường hợp không ai trong số họ có thể chủ tọa cuộc họp của Đại hội đồng cổ đông, các thành viên Hội đồng quản trị sẽ đề cử một cổ đông có mặt để Đại hội đồng cổ đông bầu ra Chủ tọa của Đại hội đồng cổ đông. Chủ tọa</p>	<p>2. Việc bầu chủ tọa, thư ký và ban kiểm phiếu được quy định như sau:</p> <p>2.1. Chủ tịch Hội đồng quản trị làm chủ tọa hoặc ủy quyền cho thành viên Hội đồng quản trị khác làm chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông do Hội đồng quản trị triệu tập. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị vắng mặt hoặc tạm thời mất khả năng làm việc thì các thành viên Hội đồng quản trị còn lại bầu một người trong số họ làm chủ tọa cuộc họp theo nguyên tắc đa số; trường hợp không bầu được người làm chủ tọa, Trường Ban kiểm soát điều hành để Đại</p>	

Điều, khoản	Quy định tại Điều lệ hiện hành (năm 2022)	Nội dung đề xuất sửa đổi, bổ sung	Cơ sở/tham chiếu
	<p>cuộc họp Đại hội đồng cổ đông để cử một tổ thư ký để lập biên bản cuộc họp của Đại hội đồng cổ đông. Trường hợp bầu Chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, tên của Chủ tọa được đề cử và số phiếu bầu cho Chủ tọa phải được công bố.</p>	<p>Nội dung đề xuất sửa đổi, bổ sung</p> <p>hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp trong số những người dự họp và người có phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp.</p> <p>2.2. Trường hợp quy định tại điểm 2.1 khoản này, người ký tên triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông điều hành để Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp và người có số phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp.</p> <p>2.3. Chủ tọa cử một hoặc một số người làm thư ký cuộc họp.</p> <p>2.4. Đại hội đồng cổ đông bầu một hoặc một số người vào ban kiểm phiếu theo đề nghị của chủ tọa cuộc họp.</p>	
Điều 17, khoản 5	<p>5. Quyết định của Chủ tọa về trình tự, thủ tục hoặc các sự kiện phát sinh ngoài chương trình của Đại hội đồng cổ đông sẽ mang tính phán quyết cao nhất.</p>	<p>Bỏ khoản này</p>	<p>Đề xuất bỏ sung khoản này trên cơ sở tham chiếu khoản 3, Điều 20 Điều lệ mẫu</p>
Điều 17, khoản 6	<p>6. Chủ tọa họp Đại hội đồng cổ đông có thể hoãn họp đại hội ngay cả trong trường hợp đã có đủ số đại biểu cần thiết đến một thời điểm khác và tại một địa điểm do chủ tọa quyết định mà không cần lấy ý kiến của Đại hội đồng cổ đông nếu nhận thấy rằng:</p> <p>6.1. Các thành viên tham dự không thể có chỗ ngồi thuận tiện ở địa điểm tổ chức đại hội.</p>	<p>3. Chương trình và nội dung cuộc họp phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trong phiên khai mạc. Chương trình phải xác định rõ và chi tiết thời gian đối với từng vấn đề trong nội dung chương trình họp.</p> <p>4. Chủ tọa có quyền hoãn cuộc họp Đại hội đồng cổ đông đã có đủ số người đăng ký dự họp tối đa không quá ba (03) ngày làm việc kể từ ngày cuộc họp dự định khai mạc và chỉ được hoãn cuộc họp hoặc thay đổi địa điểm họp trong trường hợp sau đây:</p> <p>4.1. Địa điểm họp không có đủ chỗ ngồi thuận tiện cho tất cả người dự họp.</p>	<p>Tham chiếu khoản 4, Điều 20</p>

Điều, khoản	Quy định tại Điều lệ hiện hành (năm 2022)	Nội dung đề xuất sửa đổi, bổ sung	Cơ sở/tham chiếu
	<p>6.2. Hành vi của những người có mặt làm mất trật tự hoặc có khả năng làm mất trật tự của cuộc họp.</p> <p>6.3. Sự trì hoãn là cần thiết để các công việc của cuộc họp được tiến hành một cách hợp lệ.</p> <p>6.4. Chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông đại hội có thể hoãn họp khi có sự nhất trí hoặc yêu cầu của Đại hội đồng cổ đông đã có đủ số lượng đại biểu dự họp cần thiết. Thời gian hoãn tối đa không quá ba ngày kể từ ngày dự định khai mạc cuộc họp. Đại hội đồng cổ đông họp lại sẽ chỉ xem xét các công việc lẽ ra đã được giải quyết hợp pháp tại cuộc họp bị trì hoãn trước đó.</p>	<p>4.2. Các phương tiện thông tin tại địa điểm họp không bảo đảm cho cổ đông dự họp tham gia, thảo luận và biểu quyết.</p> <p>4.3. Có người dự họp cản trở, gây rối trật tự, có nguy cơ làm cho cuộc họp không được tiến hành một cách công bằng và hợp pháp.</p>	
		<p>5. Đại hội đồng cổ đông thảo luận và biểu quyết theo từng vấn đề trong nội dung chương trình. Việc biểu quyết được tiến hành bằng biểu quyết tán thành, không tán thành và không có ý kiến. Kết quả kiểm phiếu được chủ tọa công bố ngay trước khi bế mạc cuộc họp.</p>	<p>Bổ sung khoản này trên cơ sở tham chiếu khoản 5, Điều 20 Điều lệ mẫu</p>
		<p>6. Cổ đông hoặc người được ủy quyền dự họp đến sau khi cuộc họp đã khai mạc vẫn được đăng ký và có quyền tham gia biểu quyết ngay sau khi đăng ký; trong trường hợp này, hiệu lực của những nội dung đã được biểu quyết trước đó không thay đổi.</p>	<p>Bổ sung khoản này trên cơ sở tham chiếu khoản 6, Điều 20 Điều lệ mẫu</p>
Điều 17, khoản 7	<p>7. Trường hợp Ban kiểm soát (nếu Hội đồng quản trị triệu tập cuộc họp) hoặc quá một nửa số thành viên Hội đồng quản trị có mặt (nếu Ban kiểm soát triệu tập cuộc họp) hoặc cả Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát (trong trường hợp nhóm cổ đông triệu tập họp theo Mục 4.3, Khoản 4, Điều 12) đồng ý rằng chủ tọa hoãn hoặc tạm dừng họp</p>	<p>7. Trường hợp chủ tọa hoãn hoặc tạm dừng Đại hội đồng cổ đông trái với quy định tại khoản 8 Điều này, Đại hội đồng cổ đông bầu một người khác trong số những người dự họp để thay thế chủ tọa điều hành cuộc họp cho đến lúc kết thúc; tất cả nghị quyết được thông qua tại cuộc họp đó đều có hiệu lực thi hành.</p>	<p>Tham chiếu khoản 7, Điều 20 Điều lệ mẫu</p>

Điều, khoản	Quy định tại Điều lệ hiện hành (năm 2022)	Nội dung đề xuất sửa đổi, bổ sung	Cơ sở/tham chiếu
	<p>Đại hội đồng cổ đông là trái với quy định tại Khoản 6, Điều 17, Ban kiểm soát, Hội đồng quản trị hoặc cả hai (tùy từng trường hợp tương ứng) sẽ tổ chức để Đại hội đồng cổ đông bầu một người khác trong số những thành viên tham dự mà họ giới thiệu để thay thế chủ tọa điều hành cuộc họp cho đến lúc kết thúc và hiệu lực các biểu quyết tại cuộc họp đó không bị ảnh hưởng.</p>		
Điều 17, khoản 8, khoản 9	<p>8. Chủ tọa của cuộc họp hoặc Thư ký cuộc họp có thể tiến hành các hoạt động mà họ thấy cần thiết để điều khiển cuộc họp Đại hội đồng cổ đông một cách hợp lệ và có trật tự; hoặc để cuộc họp phản ánh được mong muốn của đa số tham dự.</p> <p>9. Hội đồng quản trị có thể yêu cầu các cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông chịu sự kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh mà Hội đồng quản trị cho là thích hợp. Trường hợp có cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền không chịu tuân thủ những quy định về kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh nói trên, Hội đồng quản trị sau khi xem xét một cách cẩn trọng có thể từ chối hoặc trục xuất cổ đông hoặc đại diện nói trên không được tham dự cuộc họp.</p>	<p>8. Người triệu tập họp hoặc chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông quyền sau đây:</p> <p>8.1. Yêu cầu tất cả người dự họp chịu sự kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh hợp pháp, hợp lý khác.</p> <p>8.2. Yêu cầu cơ quan có thẩm quyền duy trì trật tự cuộc họp; trục xuất những người không tuân thủ quyền điều hành của chủ tọa, có ý gây rối trật tự, ngăn cản tiến triển bình thường của cuộc họp hoặc không tuân thủ các yêu cầu về kiểm tra an ninh ra khỏi cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.</p>	Tham chiếu khoản 8 Điều 20 Điều lệ mẫu
Điều 17, khoản 10	<p>10. Hội đồng quản trị, sau khi đã xem xét một cách cẩn trọng, có thể tiến hành các biện pháp được Hội đồng quản trị cho là thích hợp để:</p> <p>10.1. Điều chỉnh số người có mặt tại địa điểm chính họp Đại hội.</p> <p>10.2. Bảo đảm an toàn cho mọi người có mặt tại địa điểm đó.</p>	<p>9. Chủ tọa của đại hội có quyền thực hiện các biện pháp cần thiết và hợp lý để điều hành cuộc họp Đại hội đồng cổ đông một cách có trật tự, đúng theo chương trình đã được thông qua và phản ánh được mong muốn của đa số người dự họp:</p> <p>9.1. Bố trí chỗ ngồi tại địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông.</p>	Tham chiếu khoản 8 Điều 20 Điều lệ mẫu

Điều, khoản	Quy định tại Điều lệ hiện hành (năm 2022)	Nội dung đề xuất sửa đổi, bổ sung	Cơ sở/tham chiếu
	<p>10.3. Tạo điều kiện cho cổ đông tham dự (hoặc tiếp tục tham dự) cuộc họp.</p> <p><u>Hội đồng quản trị</u> có toàn quyền thay đổi những biện pháp nêu trên và áp dụng tất cả các biện pháp nếu <u>Hội đồng quản trị</u> thấy cần thiết. Các biện pháp áp dụng có thể là cấp giấy vào cửa hoặc sử dụng những hình thức lựa chọn khác.</p>	<p>9.2. Bảo đảm an toàn cho mọi người có mặt tại địa điểm họp.¹</p> <p>9.3. Tạo điều kiện cho cổ đông tham dự (hoặc tiếp tục tham dự) đại hội. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có toàn quyền thay đổi những biện pháp nêu trên và áp dụng tất cả các biện pháp cần thiết. Các biện pháp áp dụng có thể là cấp giấy vào cửa hoặc sử dụng những hình thức lựa chọn khác.</p>	
Điều 17, khoản 11	<p>11. Trong trường hợp tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông có áp dụng các biện pháp nói trên, Hội đồng quản trị khi xác định địa điểm họp có thể:</p> <p>11.1. Thông báo rằng cuộc họp sẽ được tiến hành tại địa điểm ghi trong thông báo và chủ tọa đại hội sẽ có mặt tại đó (“Địa điểm chính của cuộc họp”);</p> <p>11.2. Bổ trí, tổ chức để những cổ đông hoặc đại diện được uỷ quyền không dự họp được theo Điều khoản này hoặc những người muốn tham gia ở địa điểm khác với địa điểm chính của cuộc họp có thể đồng thời tham dự cuộc họp; Thông báo về việc tổ chức cuộc họp đại hội không cần nêu chi tiết những biện pháp tổ chức theo Điều khoản này.</p>	<p>Bổ khoản này</p>	<p>Đề xuất bỏ khoản này trên cơ sở tham chiếu Điều 20 Điều lệ mẫu</p>
Điều 17, khoản 12	<p>12. Trong Điều lệ này (trừ khi hoàn cảnh yêu cầu khác), mọi cổ đông sẽ được coi là tham gia cuộc họp ở địa điểm chính của cuộc họp.</p>	<p>Bổ khoản này</p>	<p>Tham chiếu Điều 20, Điều lệ mẫu</p>
Điều 17, khoản 13	<p>13. Hội đồng cổ đông có thể được tổ chức bằng hình thức gửi nội dung các vấn đề thuộc thẩm quyền quyết định của cuộc họp bằng văn bản cho cổ đông biểu quyết; Và được coi như đã tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông.</p>	<p>Bổ khoản này</p>	<p>Tham chiếu Điều 20, Điều lệ mẫu</p>

Điều, khoản	Quy định tại Điều lệ hiện hành (năm 2022)	Nội dung đề xuất sửa đổi, bổ sung	Cơ sở/tham chiếu
		<p>10. Trường hợp Công ty áp dụng công nghệ hiện đại để tổ chức Đại hội đồng cổ đông thông qua họp trực tuyến, Công ty có trách nhiệm đảm bảo để cổ đông tham dự, biểu quyết bằng hình thức bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác theo quy định tại Điều 144 Luật Doanh nghiệp và khoản 3 Điều 273 Nghị định số 155/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán.</p>	<p>Đề xuất bổ sung khoản này trên cơ sở tham chiếu khoản 10 Điều 20 Điều lệ mẫu</p>
Điều 18, khoản 1,	<p>Điều 18. Thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông</p> <p>1. Trừ trường hợp quy định tại Khoản 2 và Khoản 3 của Điều này, các quyết định của Đại hội đồng cổ đông sẽ được thông qua khi các cổ đông (có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền) đại diện cho ít nhất 51% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả các cổ đông có mặt tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông tán thành.</p>	<p>Điều 19. Điều kiện để nghị quyết Đại hội đồng cổ đông được thông qua:</p> <p>1. Trừ trường hợp quy định tại khoản 2 và khoản 3 Điều này các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thông qua khi có từ trên 50% trở lên tổng số phiếu biểu quyết của tất cả các cổ đông dự họp tán thành.</p>	<p>Khoản 1, Điều 148 Luật Doanh nghiệp và tham chiếu khoản 1, Điều 21 Điều lệ mẫu.</p> <p>(Luật Doanh nghiệp cho phép, Điều lệ quy định một tỷ lệ cụ thể trên 50% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp tán thành)</p>
Điều 18, khoản 2,	<p>2. Nghị quyết của Đại hội đồng về các vấn đề sau đây sẽ chỉ được thông qua khi các cổ đông đại diện cho ít nhất 65% tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông có quyền biểu quyết có mặt tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông tán thành:</p> <p>2.1. Số lương cổ phần phát hành;</p> <p>2.2. Thay đổi ngành, nghề và lĩnh vực kinh doanh;</p> <p>2.3. Thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý Công ty;</p>	<p>2. Nghị quyết về nội dung sau đây được thông qua nếu được số cổ đông đại diện từ 65% tổng số phiếu biểu quyết trở lên của tất cả các cổ đông dự họp tán thành:</p> <p>2.1. Loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại.</p> <p>2.2. Thay đổi ngành, nghề và lĩnh vực kinh doanh.</p> <p>2.3. Thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý Công ty.</p> <p>2.4. Quyết định các giao dịch mua, bán tài sản (không bao gồm một phần hoặc toàn bộ các dự án</p>	<p>Tham chiếu khoản 1, Điều 21, Điều lệ mẫu</p>

Điều, khoản	Quy định tại Điều lệ hiện hành (năm 2022)	Nội dung đề xuất sửa đổi, bổ sung	Cơ sở/tham chiếu
Điều 18, khoản 3	<p>2.4. Dự án đầu tư hoặc bán tài sản có giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản Công ty theo báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất;</p> <p>2.5. Tổ chức lại, giải thể Công ty;</p> <p>2.6. Sửa đổi và bổ sung Điều lệ;</p> <p>3. Việc biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát và cổ đông có quyền dồn hết tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên.</p>	<p>đầu tư, quyền sử dụng đất và cơ sở hạ tầng trong các dự án đầu tư) của Công ty có giá trị từ 50% trở lên tổng giá trị tài sản của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất.</p> <p>2.5. Quyết định đầu tư dự án (bao gồm cả chuyển nhượng và nhận chuyển nhượng một phần hoặc toàn bộ các dự án đầu tư, quyền sử dụng đất, cơ sở hạ tầng trong các dự án) có tổng vốn đầu tư lớn hơn hoặc bằng ba (03) lần tổng giá trị tài sản của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất.</p> <p>2.6. Tổ chức lại, giải thể Công ty.</p> <p>2.7. Sửa đổi và bổ sung Điều lệ.</p> <p>3. Việc biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát và cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên. Người trúng cử thành viên Hội đồng quản trị hoặc Kiểm soát viên được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều lệ công ty. Trường hợp có từ 02 ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí quy định tại quy chế bầu cử hoặc Điều lệ này.</p>	Khoản 3, Điều 148 Luật Doanh nghiệp

Điều, khoản	Quy định tại Điều lệ hiện hành (năm 2022)	Nội dung đề xuất sửa đổi, bổ sung	Cơ sở/tham chiếu
Điều 19, khoản 1	<p>Điều 19. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông</p> <p>1. <u>Tất cả vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông có thể được thông qua bằng hình thức lấy ý kiến bằng văn bản. Khi xét thấy vì lợi ích của Công ty, Hội đồng quản trị có quyền lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông bất cứ lúc nào về bất kỳ vấn đề gì thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.</u></p>	<p>4. Các Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông được thông qua bằng 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết là hợp pháp và có hiệu lực ngay cả khi trình tự, thủ tục triệu tập họp và thông qua nghị quyết đó vi phạm quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty.</p> <p>Điều 20. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông</p> <p>1. Hội đồng quản trị có quyền lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông khi xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty, trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 19 Điều lệ này.</p>	Tham chiếu khoản 3, Điều 21 Điều lệ mẫu
Điều 19, khoản 2	<p>2. Hội đồng quản trị phải chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, dự thảo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và các tài liệu giải trình các vấn đề xin ý kiến. <u>Phiếu lấy ý kiến kèm theo dự thảo nghị quyết và tài liệu giải trình phải được gửi báo đảm đến được từng cổ đông chậm nhất 10 ngày trước thời hạn phải gộp lại phiếu lấy ý kiến;</u></p>	<p>2. Hội đồng quản trị chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, dự thảo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu giải trình dự thảo nghị quyết và gửi đến tất cả các cổ đông có quyền biểu quyết chậm nhất mười (10) ngày trước thời hạn phải gửi lại phiếu lấy ý kiến. Yêu cầu và cách thức gửi phiếu lấy ý kiến và tài liệu kèm theo được thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 16 Điều lệ này.</p>	Tham chiếu khoản 1, Điều 22 Điều lệ mẫu
Điều 19, khoản 3	<p>3. Phiếu lấy ý kiến phải có các nội dung chủ yếu sau đây:</p> <p>3.1. Tên, địa chỉ trụ sở chính, số và ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, nơi đăng ký kinh doanh của Công ty;</p> <p>3.2. Mục đích lấy ý kiến;</p>	<p>3. Phiếu lấy ý kiến phải có các nội dung chủ yếu sau đây:</p> <p>3.1. Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;</p> <p>3.2. Mục đích lấy ý kiến;</p>	Khoản 3, Điều 149 Luật Doanh nghiệp và tham chiếu khoản 3, Điều 22 Điều lệ mẫu

Điều, khoản	Quy định tại Điều lệ hiện hành (năm 2022)	Nội dung đề xuất sửa đổi, bổ sung	Cơ sở/tham chiếu
	<p>3.3. Họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của cổ đông là cá nhân; tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số quyết định thành lập hoặc số đăng ký kinh doanh của cổ đông hoặc đại diện theo uỷ quyền của cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần của từng loại và số phiếu biểu quyết của cổ đông;</p> <p>3.4. Những vấn đề cần lấy ý kiến Đại hội đồng cổ đông;</p> <p>3.5. Kết quả biểu quyết gồm tán thành, không tán thành và không có ý kiến;</p> <p>3.6. Thời hạn gửi Phiếu lấy ý kiến về Công ty đã được trả lời;</p> <p>3.7. Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty.</p>	<p>3.3. Họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức đối với cổ đông là tổ chức hoặc họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với đại diện của cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần của từng loại và số phiếu biểu quyết của cổ đông;</p> <p>3.4. Vấn đề cần lấy ý kiến đề thông qua quyết định;</p> <p>3.5. Phương án biểu quyết bao gồm tán thành, không tán thành và không có ý kiến;</p> <p>3.6. Thời hạn phải gửi về Công ty phiếu lấy ý kiến đã được trả lời;</p> <p>3.7. Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị.</p>	Tham chiếu khóa 4, Điều 22 Điều lệ mẫu
Điều 19, khoản 4,	<p>4. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời phải có chữ ký của cổ đông là cá nhân, của người đại diện theo uỷ quyền hoặc người đại diện theo pháp luật của cổ đông là tổ chức. Phiếu lấy ý kiến gửi về công ty phải được đựng trong phong bì dán kín và không ai được quyền mở trước khi kiểm phiếu. Các phiếu lấy ý kiến gửi về công ty sau thời hạn đã xác định tại nội dung phiếu lấy ý kiến hoặc đã bị mở đều không hợp lệ.</p>	<p>4. Cổ đông có thể gửi phiếu lấy ý kiến đã trả lời đến Công ty bằng hình thức gửi thư, fax hoặc thư điện tử theo quy định sau đây:</p> <p>4.1. Gửi thư: Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời phải có chữ ký của cổ đông là cá nhân, của người đại diện theo uỷ quyền hoặc người đại diện theo pháp luật của cổ đông là tổ chức. Phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty phải được đựng trong phong bì dán kín và không ai được quyền mở trước khi kiểm phiếu;</p> <p>4.2. Gửi fax hoặc thư điện tử: Phiếu lấy ý kiến gửi về công ty qua fax hoặc thư điện tử phải được giữ bí mật đến thời điểm kiểm phiếu;</p> <p>4.3. Các phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty sau thời hạn đã xác định tại nội dung phiếu lấy ý kiến hoặc đã bị mở trong trường hợp gửi thư và bị tiết lộ trong</p>	

Điều, khoản	Quy định tại Điều lệ hiện hành (năm 2022)	Nội dung đề xuất sửa đổi, bổ sung	Cơ sở/tham chiếu
Điều 19, khoản 5	<p>5. Hội đồng quản trị kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu dưới sự chứng kiến của Ban Kiểm soát hoặc của cổ đông không nắm giữ chức vụ quản lý Công ty. Biên bản kiểm phiếu phải có các nội dung chủ yếu sau đây:</p> <p>5.1. Tên, địa chỉ trụ sở chính, <u>số và ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp</u>, nơi đăng ký kinh doanh;</p> <p>5.2. Các vấn đề cần lấy ý kiến để Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết;</p> <p>5.3. Số cổ đông với tổng số cổ phần tham gia phiếu biểu quyết, trong đó phân biệt số phiếu biểu quyết hợp lệ và số biểu quyết không hợp lệ, kèm theo phụ lục danh sách cổ đông tham gia biểu quyết;</p> <p>5.4. Tổng số phiếu tán thành, không tán thành, không có ý kiến đối với từng vấn đề;</p> <p>5.5. <u>Các</u> vấn đề đã được thông qua;</p> <p>5.6. Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị và người giám sát kiểm phiếu. Hội đồng quản trị và người giám sát kiểm phiếu phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của biên bản kiểm phiếu; liên đới chịu trách nhiệm về các thiệt hại phát sinh từ các quyết định được thông qua do kiểm phiếu không thực, không chính xác;</p>	<p>trường hợp gửi fax, thư điện tử là không hợp lệ. Phiếu lấy ý kiến không được gửi về được coi là phiếu không tham gia biểu quyết.</p> <p>5. Hội đồng quản trị kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu dưới sự chứng kiến của Ban Kiểm soát hoặc của cổ đông không nắm giữ chức vụ quản lý Công ty. Biên bản kiểm phiếu phải có các nội dung chủ yếu sau đây:</p> <p>5.1. Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;</p> <p>5.2. Mục đích và các vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua nghị quyết;</p> <p>5.3. Số cổ đông với tổng số phiếu biểu quyết đã tham gia biểu quyết, trong đó phân biệt số phiếu biểu quyết hợp lệ và số biểu quyết không hợp lệ và phương thức gửi phiếu biểu quyết, kèm theo phụ lục danh sách cổ đông tham gia biểu quyết;</p> <p>5.4. Tổng số phiếu tán thành, không tán thành, không có ý kiến đối với từng vấn đề;</p> <p>5.5. Vấn đề được thông qua và tỷ lệ biểu quyết thông qua tương ứng.</p> <p>5.6. Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu;</p> <p>Các thành viên Hội đồng quản trị, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của biên bản kiểm phiếu; liên đới chịu trách nhiệm về các thiệt hại phát sinh từ các quyết định được thông qua do kiểm phiếu không trung thực, không chính xác.</p>	<p>Khoản 5, Điều 149 Luật Doanh nghiệp và tham chiếu khoản 5, Điều 22 Điều lệ mẫu</p>

Điều, khoản	Quy định tại Điều lệ hiện hành (năm 2022)	Nội dung đề xuất sửa đổi, bổ sung	Cơ sở/tham chiếu
Điều 19, khoản 6,	6. Biên bản kết quả kiểm phiếu phải được gửi đến các cổ đông trong vòng mười lăm ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm phiếu;	6. Biên bản kiểm phiếu và nghị quyết phải được gửi đến các cổ đông trong thời hạn mười lăm (15) ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm phiếu. Việc gửi biên bản kiểm phiếu và nghị quyết có thể thay thế bằng việc đăng tải trên trang thông tin điện tử của công ty trong thời hạn 24 giờ, kể từ thời điểm kết thúc kiểm phiếu.	Khoản 6, Điều 149 Luật Doanh nghiệp và tham chiếu khoản 6, Điều 22 Điều lệ mẫu
Điều 19, khoản 7	7. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời, biên bản kiểm phiếu, toàn văn nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo phiếu lấy ý kiến đều phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.	7. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời, biên bản kiểm phiếu, toàn văn nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo phiếu lấy ý kiến đều phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.	
Điều 19, khoản 8,	8. Các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thông qua dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản nếu được sự đồng ý của số cổ đông có quyền biểu quyết đại diện cho ít nhất 51% tổng số phiếu biểu quyết. Cổ đông có quyền biểu quyết chỉ được coi là đã tham gia biểu quyết nếu phiếu lấy ý kiến đã được trả lời thoả mãn các đặc điểm quy định tại Khoản 4, Điều 19 Điều lệ này và cổ đông phải thể hiện rõ ý kiến của mình trong đó. Nghị quyết được thông qua theo hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản có giá trị như nghị quyết được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.	8. Nghị quyết được thông qua dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản nếu được số cổ đông sở hữu trên 50% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông có quyền biểu quyết tán thành và có giá trị như Nghị quyết được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.	Khoản 8, Điều 149 Luật Doanh nghiệp và tham chiếu khoản 8, Điều 22 Điều lệ mẫu
Điều 19, khoản 9	9. Trong trường hợp các cổ đông, nhóm cổ đông, người được ủy quyền hợp pháp đăng ký và cập nhật các thông tin không đầy đủ, chính xác cho công ty sẽ tự chịu trách nhiệm về việc không nhận được các tài liệu liên quan đến thể thức này và các tài liệu khác.	Bổ khoản này	Đề xuất bỏ khoản này khi mà Luật Doanh nghiệp và Điều lệ mẫu không còn quy định
Điều 20	Điều 20. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông Người chủ toạ cuộc họp của Đại hội đồng cổ đông chịu trách nhiệm tổ chức lưu trữ các biên bản cuộc họp của	Điều 21. Nghị quyết, Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông	Đề xuất sửa đổi và bổ sung các quy định này.

Điều, khoản	Quy định tại Điều lệ hiện hành (năm 2022)	Nội dung đề xuất sửa đổi, bổ sung	Cơ sở/tham chiếu
	<p>Đại hội đồng cổ đông và gửi cho tất cả các cổ đông trong vòng 15 ngày từ khi cuộc họp của Đại hội đồng cổ đông kết thúc. Biên bản cuộc họp của Đại hội đồng cổ đông được coi là bằng chứng xác thực về những công việc đã được tiến hành tại cuộc họp của Đại hội đồng cổ đông và có hiệu lực kể từ ngày được Đại hội thông qua hoặc ngày ghi trong biên bản, trừ khi có ý kiến phản đối về nội dung biên bản được đưa ra theo đúng thủ tục quy định trong vòng mười ngày kể từ khi gửi biên bản. Biên bản phải được lập bằng tiếng Việt, có chữ ký xác nhận của Chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và Thư ký cuộc họp, được lập theo quy định của Luật Doanh nghiệp và tại Điều lệ này. Các bản ghi chép, biên bản, sổ chữ ký của các cổ đông dự họp và văn bản uỷ quyền tham dự phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.</p>	<p>Nội dung đề xuất sửa đổi, bổ sung</p> <p>1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải được ghi Biên bản và có thể ghi âm hoặc ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải lập bằng tiếng Việt, có thể lập thêm bằng tiếng nước ngoài và có các nội dung chủ yếu sau đây:</p> <p>1.1. Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp.</p> <p>1.2. Thời gian và địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông.</p> <p>1.3. Chương trình họp và nội dung cuộc họp.</p> <p>1.4. Họ, tên chủ tọa và thư ký.</p> <p>1.5. Tóm tắt diễn biến cuộc họp và các ý kiến phát biểu tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông về từng vấn đề trong chương trình họp.</p> <p>1.6. Số cổ đông và tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp, phụ lục danh sách đăng ký cổ đông, đại diện cổ đông dự họp với số cổ phần và số phiếu bầu tương ứng.</p> <p>1.7. Tổng số phiếu biểu quyết đối với từng vấn đề biểu quyết, trong đó ghi rõ phương thức biểu quyết, tổng số phiếu hợp lệ, không hợp lệ, tán thành, không tán thành và không có ý kiến; tỷ lệ tương ứng trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp.</p> <p>1.8. Các vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ phiếu biểu quyết thông qua tương ứng.</p> <p>1.9. Họ, tên và chữ ký của chủ tọa và thư ký. Trường hợp chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp thì biên bản này có hiệu lực nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại khoản này. Biên bản họp ghi rõ việc chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp.</p>	<p>Căn cứ Điều 150 Luật Doanh nghiệp và tham chiếu Điều 23 Điều lệ mẫu</p>

Điều, khoản	Quy định tại Điều lệ hiện hành (năm 2022)	Nội dung đề xuất sửa đổi, bổ sung	Cơ sở/tham chiếu
Điều 21	<p>Điều 21. Yêu cầu hủy bỏ nghị quyết của Đại hội đồng có đồng</p> <p>Trong thời hạn chín mươi ngày, kể từ ngày nhận biên bản họp Đại hội đồng hoặc biên bản kết quả kiểm phiếu lấy ý kiến Đại hội đồng có đồng; Cổ đồng, thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát có quyền yêu cầu Toà án hoặc Trọng tài xem xét, hủy bỏ nghị quyết của Đại hội đồng có đồng trong các trường hợp sau đây:</p>	<p>Nội dung đề xuất sửa đổi, bổ sung</p> <p>2. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải được lập xong và thông qua trước khi kết thúc cuộc họp. Chủ tọa và thư ký cuộc họp hoặc người khác ký tên trong biên bản họp phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của nội dung biên bản.</p> <p>3. Biên bản lập bằng tiếng Việt và tiếng nước ngoài có hiệu lực pháp lý như nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung giữa biên bản bằng tiếng Việt và bằng tiếng nước ngoài thì nội dung trong biên bản bằng tiếng Việt được áp dụng.</p> <p>4. Nghị quyết, Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông, phụ lục danh sách cổ đông đăng ký dự họp kèm chữ ký của cổ đông, văn bản ủy quyền tham dự họp, tất cả các tài liệu đính kèm Biên bản (nếu có) và tài liệu có liên quan kèm theo thông báo mời họp phải được công bố thông tin theo quy định pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán và phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.</p>	Điều 151 Luật Doanh nghiệp và tham chiếu Điều 24 Điều lệ mẫu
Điều 21	<p>Điều 21. Yêu cầu hủy bỏ nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông</p> <p>Trong thời hạn chín mươi ngày, kể từ ngày nhận biên bản họp Đại hội đồng hoặc biên bản kết quả kiểm phiếu lấy ý kiến Đại hội đồng có đồng; Cổ đồng, thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát có quyền yêu cầu Toà án hoặc Trọng tài xem xét, hủy bỏ nghị quyết của Đại hội đồng có đồng trong các trường hợp sau đây:</p>	<p>Điều 22. Yêu cầu hủy bỏ nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông</p> <p>Trong thời hạn chín mươi (90) ngày, kể từ ngày nhận được Nghị quyết hoặc Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông hoặc biên bản kết quả kiểm phiếu lấy ý kiến Đại hội đồng cổ đông, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 Luật Doanh nghiệp có quyền yêu cầu Toà án hoặc Trọng tài xem xét, hủy bỏ nghị quyết hoặc một phần nội dung nghị quyết Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:</p>	Điều 151 Luật Doanh nghiệp và tham chiếu Điều 24 Điều lệ mẫu

Điều, khoản	Quy định tại Điều lệ hiện hành (năm 2022)	Nội dung đề xuất sửa đổi, bổ sung	Cơ sở/tham chiếu
	<p>1. Trình tự và thủ tục triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông <u>không thực hiện đúng</u> theo quy định của Luật doanh nghiệp và Điều lệ này;</p> <p>2. Trình tự, thủ tục ra quyết định và nội dung quyết định vi phạm pháp luật, vi phạm Điều lệ này.</p>	<p>1. Trình tự, thủ tục triệu tập họp và ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông vi phạm nghiêm trọng quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty, trừ trường hợp quy định tại khoản 5 Điều 19 Điều lệ này;</p> <p>2. Nội dung nghị quyết vi phạm pháp luật hoặc Điều lệ Công ty.</p>	
CHƯƠNG VII	CHƯƠNG VII. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	CHƯƠNG VII. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	
		<p>Điều 23. Ứng cử, đề cử thành viên Hội đồng quản trị</p> <p>1. Trường hợp đã xác định được ứng cử viên Hội đồng quản trị, Công ty phải công bố thông tin liên quan đến các ứng cử viên tối thiểu mười (10) ngày trước ngày khai mạc họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của Công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng cử viên này trước khi bỏ phiếu, ứng cử viên Hội đồng quản trị phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực, cẩn trọng và vì lợi ích cao nhất của Công ty nếu được bầu làm thành viên Hội đồng quản trị. Thông tin liên quan đến ứng cử viên Hội đồng quản trị được công bố bao gồm:</p> <p>1.1. Họ tên, ngày, tháng, năm sinh;</p> <p>1.2. Trình độ chuyên môn;</p> <p>1.3. Quá trình công tác;</p> <p>1.4. Các chức danh quản lý khác (bao gồm cả chức danh Hội đồng quản trị của công ty khác);</p> <p>1.5. Lợi ích có liên quan tới Công ty và các bên có liên quan của Công ty;</p>	Tham chiếu Điều 25 Điều lệ mẫu

Điều, khoản	Quy định tại Điều lệ hiện hành (năm 2022)	Nội dung đề xuất sửa đổi, bổ sung	Cơ sở/tham chiếu
		<p>1.6. Công ty phải có trách nhiệm công bố thông tin về các công ty mà ứng cử viên đang nắm giữ chức vụ thành viên Hội đồng quản trị, các chức danh quản lý khác và các lợi ích có liên quan tới công ty của ứng cử viên Hội đồng quản trị (nếu có).</p> <p>2. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông từ 5% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền đề cử người vào Hội đồng quản trị. Việc đề cử người vào Hội đồng quản trị được thực hiện như sau:</p> <p>2.1. Các cổ đông phổ thông họp thành nhóm để đề cử người vào Hội đồng quản trị phải thông báo về việc họp nhóm cho các cổ đông dự họp biết trước khi khai mạc Đại hội đồng cổ đông.</p> <p>2.2. Căn cứ vào số lượng thành viên Hội đồng quản trị, cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ:</p> <p>Từ 5% đến dưới 10% được đề cử một ứng viên;</p> <p>Từ 10% đến dưới 30% được đề cử hai ứng viên;</p> <p>Từ 30% đến dưới 50% được đề cử ba ứng viên;</p> <p>Từ 50% đến dưới 65% được đề cử bốn ứng viên;</p> <p>Từ 65% trở lên được đề cử đủ số thành viên.</p> <p>3. Trường hợp số lượng ứng cử viên Hội đồng quản trị thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết theo quy định tại khoản 5 Điều 115 Luật Doanh nghiệp, Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo quy định tại Điều lệ công ty, Quy chế nội bộ về quản trị công ty và Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị. Việc Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên phải được công bố rõ ràng trước khi Đại</p>	

Điều, khoản	Quy định tại Điều lệ hiện hành (năm 2022)	Nội dung đề xuất sửa đổi, bổ sung	Cơ sở/tham chiếu
Điều 22, khoản 1	<p>Điều 22. Thành phần và nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị</p> <p>1. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị là năm (05) người. Nhiệm kỳ của Hội đồng quản trị là năm (05) năm. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị theo nhiệm kỳ của Hội đồng quản trị; thành viên Hội đồng quản trị có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Quyền đề cử thành viên Hội đồng quản trị:</p> <p>Các cổ đông nắm giữ ít nhất từ 5% số cổ phần có quyền biểu quyết trong thời hạn liên tục ít nhất sáu tháng có quyền góp số quyền biểu quyết của từng người lại với nhau để đề cử các ứng viên Hội đồng quản trị.</p> <p>Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ:</p> <p>Từ 5% đến dưới 10% được đề cử một thành viên;</p> <p>Từ 10% đến dưới 30% được đề cử hai thành viên;</p> <p>Từ 30% đến dưới 50% được đề cử ba thành viên;</p> <p>Từ 50% đến dưới 65% được đề cử bốn thành viên;</p> <p>Từ 65% trở lên được đề cử đủ số thành viên.</p>	<p>Nội dung đề xuất sửa đổi, bổ sung</p> <p>hội đồng cổ đông biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của pháp luật.</p> <p>4. Thành viên Hội đồng quản trị phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 155 Luật Doanh nghiệp.</p> <p>Điều 24. Thành phần và nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị</p> <p>1. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị là năm (05) người.</p> <p>2. Nhiệm kỳ của Hội đồng quản trị không quá năm (05) năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Trường hợp tất cả thành viên Hội đồng quản trị cùng kết thúc nhiệm kỳ thì các thành viên đó tiếp tục là thành viên Hội đồng quản trị cho đến khi có thành viên mới được bầu thay thế và tiếp quản công việc.</p> <p>3. Cơ cấu Hội đồng quản trị như sau:</p> <p>Cơ cấu Hội đồng quản trị Công ty phải đảm bảo tối thiểu 1/3 tổng số thành viên Hội đồng quản trị là thành viên không điều hành. Công ty hạn chế tối đa thành viên Hội đồng quản trị kiêm nhiệm chức danh điều hành của Công ty để đảm bảo tính độc lập của Hội đồng quản trị.</p>	<p>Điều 154, Luật Doanh nghiệp và khoản 1 Điều 176 Nghị định 155/2020/NĐ-CP và tham chiếu Điều 26, Điều lệ mẫu.</p> <p>(Phần đề cử thành viên Hội đồng quản trị đã được quy định tại Điều 23 Điều lệ này)</p>
Điều 22, khoản 3	<p>3. Thành viên Hội đồng quản trị sẽ không còn tư cách thành viên Hội đồng quản trị trong các trường hợp sau:</p> <p>3.1. Thành viên HĐQT đó không đủ tư cách làm thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của Luật Doanh</p>	<p>4. Thành viên Hội đồng quản trị không còn tư cách thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp bị Đại hội đồng cổ đông miễn nhiệm, bãi nhiệm, thay thế theo quy định tại Điều 160 Luật Doanh nghiệp.</p>	<p>Tham chiếu khoản 4, Điều 26 Điều lệ mẫu</p>

Điều, khoản	Quy định tại Điều lệ hiện hành (năm 2022)	Nội dung đề xuất sửa đổi, bổ sung	Cơ sở/tham chiếu
	<p>nghiệp hoặc bị luật pháp cấm làm thành viên Hội đồng quản trị;</p> <p>3.2. Thành viên HĐQT đó gửi đơn bằng văn bản xin từ chức đến trụ sở chính của Công ty;</p> <p>3.3. Thành viên Hội đồng quản trị đó bị rối loạn tâm thần và thành viên khác của Hội đồng quản trị có những bằng chứng chuyên môn chứng tỏ người đó không còn năng lực hành vi;</p> <p>3.4. Thành viên đó vắng mặt không tham dự các cuộc họp của Hội đồng quản trị liên tục trong vòng sáu tháng, và trong thời gian này Hội đồng quản trị không cho phép thành viên đó vắng mặt và đã phán quyết rằng chức vụ của người này bị bỏ trống;</p> <p>3.5. Thành viên đó bị cách chức thành viên Hội đồng quản trị theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông.</p>		
Điều 22, khoản 4	<p><u>4. Hội đồng quản trị có thể bổ nhiệm thành viên Hội đồng quản trị mới để thay thế chỗ trống phát sinh và thành viên mới này phải được chấp thuận tại Đại hội đồng cổ đông ngay tiếp sau đó. Sau khi được đại hội đồng cổ đông chấp thuận, việc bổ nhiệm thành viên mới đó sẽ được coi là có hiệu lực vào ngày Hội đồng quản trị bổ nhiệm, mọi biểu quyết của thành viên này về các vấn đề liên quan thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị sẽ có giá trị.</u></p>	Bổ khoản này	Không phù hợp với quy định của Luật Doanh nghiệp Điều 160
Điều 22, khoản 5	<p>5. Trường hợp số thành viên Hội đồng quản trị bị giảm quá 1/3 so với tổng số thành viên Hội đồng quản trị thì Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 60 ngày, kể từ ngày số thành viên bị giảm quá 1/3 để bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị.</p>	5. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông để bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị bị giảm quá 1/3 so với tổng số thành viên Hội đồng quản trị quy định tại Điều lệ thì Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn sáu mươi	

Điều, khoản	Quy định tại Điều lệ hiện hành (năm 2022)	Nội dung đề xuất sửa đổi, bổ sung	Cơ sở/tham chiếu
		(60) ngày, kể từ ngày số thành viên bị giảm quá 1/3 để bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị. Trừ trường hợp quy định tại khoản này, Đại hội đồng cổ đông bầu thành viên mới thay thế thành viên Hội đồng quản trị đã bị miễn nhiệm, bất nhiệm tại cuộc họp gần nhất.	
Điều 22, khoản 6,	6. Thành viên HĐQT không nhất thiết phải là người nắm giữ cổ phần của Công ty	6. Thành viên Hội đồng quản trị không nhất thiết phải là cổ đông của Công ty.	Tham chiếu khoản 6, Điều 26 Điều lệ mẫu
Điều 23, khoản 1	Điều 23. Quyền hạn và nhiệm vụ của Hội đồng quản trị 1. Hoạt động kinh doanh và các công việc của Công ty phải chịu sự quản lý hoặc chỉ đạo thực hiện của Hội đồng quản trị. Hội đồng quản trị là cơ quan có đầy đủ quyền hạn để thực hiện tất cả các quyền nhân danh Công ty trừ những thẩm quyền thuộc về Đại hội đồng cổ đông.	Điều 25. Quyền hạn và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị 1. Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý Công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định, thực hiện quyền và nghĩa vụ của Công ty, trừ các quyền và nghĩa vụ thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.	Khoản 1, Điều 153 Luật Doanh nghiệp và tham chiếu khoản 1, Điều 27 Điều lệ mẫu
Điều 23, khoản 2	2. Hội đồng quản trị có trách nhiệm giám sát Tổng giám đốc và những người quản lý khác của công ty.	Bổ khoản này	Tham chiếu Điều 27 Điều lệ mẫu
Điều 23, khoản 3	3. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị do luật pháp, Điều lệ, các quy chế nội bộ của Công ty và quyết định của Đại hội đồng cổ đông quy định. Cụ thể, Hội đồng quản trị có những <u>không bị giới hạn bởi</u> những quyền hạn và nhiệm vụ sau: 3.1. Quyết định chiến lược, kế hoạch phát triển sản xuất kinh doanh trung hạn, kế hoạch kinh doanh hàng năm và ngân sách hàng năm của Công ty; 3.2. Kiến nghị tổng số cổ phần được quyền chào bán;	2. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị do luật pháp, Điều lệ, các quy chế nội bộ của Công ty và quyết định của Đại hội đồng cổ đông quy định. Cụ thể, Hội đồng quản trị có những quyền hạn và nghĩa vụ sau: 2.1. Quyết định chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh hàng năm của Công ty. 2.2. Kiến nghị loại cổ phần và tổng số cổ phần được quyền chào bán của từng loại;	Tham chiếu khoản 2, Điều 27 Điều lệ mẫu

Điều, khoản	Quy định tại Điều lệ hiện hành (năm 2022)	Nội dung đề xuất sửa đổi, bổ sung	Cơ sở/tham chiếu
	<p>3.3. Quyết định bán cổ phần mới trong phạm vi số cổ phần được quyền chào bán của từng loại; Quyết định huy động vốn theo hình thức khác;</p> <p>3.4. Quyết định giá chào bán cổ phần và trái phiếu Công ty;</p> <p>3.5. Quyết định mua lại hoặc thu hồi không quá 10% tổng số cổ phần của từng loại theo quy định tại Khoản 1, Điều 130 của Luật doanh nghiệp. <u>Quyết định mức giá mua lại hoặc thu hồi cổ phần của Công ty;</u></p> <p>3.6. Quyết định phương án đầu tư và dự án đầu tư (một phần hoặc toàn bộ dự án) mà không thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông quy định tại Điều 12 Điều lệ này;</p> <p>3.7. Quyết định giải pháp phát triển thị trường, tiếp thị và công nghệ;</p> <p>3.8. Thông qua hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng khác có giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản của Công ty ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất. <u>Quy định này không áp dụng cho Điểm 2.4 Khoản 2 Điều 18 của Điều lệ này và các hợp đồng và giao dịch ký giữa Công ty hoặc Chi nhánh của Công ty với những người được qui định tại Khoản 1, Điều</u></p>	<p>2.3. Quyết định bán cổ phần chưa bán trong phạm vi số cổ phần được quyền chào bán của từng loại; quyết định huy động thêm vốn theo hình thức khác.</p> <p>2.4. Quyết định giá bán cổ phần và trái phiếu của Công ty.</p> <p>2.5. Quyết định việc Công ty mua lại không quá 10% tổng số cổ phần của từng loại đã bán trong thời hạn 12 tháng theo quy định tại khoản 1 và 2 Điều 133 Luật doanh nghiệp.</p> <p>2.6. Quyết định đầu tư dự án (bao gồm cả chuyển nhượng và nhận chuyển nhượng một phần hoặc toàn bộ các dự án đầu tư, quyền sử dụng đất, cơ sở hạ tầng trong các dự án) không thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông quy định tại Điều 13 Điều lệ này.</p> <p>2.7. Quyết định các giao dịch mua, bán tài sản (không bao gồm một phần hoặc toàn bộ các dự án đầu tư, quyền sử dụng đất và cơ sở hạ tầng trong các dự án đầu tư) không thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông quy định tại Điều 14 Điều lệ này.</p> <p>2.8. Quyết định giải pháp phát triển thị trường, tiếp thị và công nghệ.</p> <p>2.9. Thông qua hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng, giao dịch khác có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty và hợp đồng, giao dịch thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 138, khoản 1 và khoản 3 Điều 167 Luật Doanh nghiệp.</p>	

Điều, khoản	Quy định tại Điều lệ hiện hành (năm 2022)	Nội dung đề xuất sửa đổi, bổ sung	Cơ sở/tham chiếu
	<p>162 của Luật doanh nghiệp có giá trị nhỏ hơn 35% tổng giá trị tài sản của Công ty ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất. Trong trường hợp này, Tổng giám đốc có trách nhiệm gửi đến Hội đồng quản trị và giải trình với Hội đồng quản trị về nội dung của các hợp đồng giao dịch đó. Thành viên Hội đồng quản trị có liên quan không có quyền biểu quyết. Tổng giám đốc Công ty chỉ được ký các hợp đồng, giao dịch này sau khi đã có quyết định chấp thuận của Hội đồng quản trị.</p> <p>3.9. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch, Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị; Bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm và cách chức, khen thưởng, kỷ luật và quyết định mức lương đối với Tổng Giám đốc, các Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng, người đại diện phần vốn tại doanh nghiệp khác và các người quản lý khác của Công ty trừ những người quản lý thuộc thẩm quyền bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm, cách chức của Đại hội đồng cổ đông. Quyết định phân cấp việc bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm và cách chức, khen thưởng, kỷ luật và quyết định mức lương đối với các chức danh quản lý của Công ty thông qua các quy chế, nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị. Việc miễn nhiệm, bãi nhiệm nói trên không được trái với các quyền theo hợp đồng của những người bị miễn nhiệm, bãi nhiệm (nếu có). Hội đồng quản trị có quyền đăng ký thay đổi người đại diện theo pháp luật của Công ty trong Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp của Công ty tại cơ quan có thẩm quyền.</p>	<p>2.10. Về công tác cán bộ:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch Hội đồng quản trị; - Bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký kết hợp đồng, chấm dứt hợp đồng, khen thưởng, quyết định mức lương, thưởng đối với chức danh Tổng Giám đốc; - Bổ nhiệm Thư ký công ty và các chức danh giúp việc cho Hội đồng quản trị. - Trên cơ sở đề nghị của Tổng giám đốc hoặc theo quyết định của Hội đồng quản trị: bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm, khen thưởng, quyết định mức lương, thưởng đối với các chức danh: Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng, Người đại diện phần vốn của Công ty tại các doanh nghiệp khác; - Thông qua việc Tổng giám đốc bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm, khen thưởng, quyết định mức lương, thưởng đối với các chức danh: Trưởng phòng, ban Công ty, người đứng đầu các đơn vị trực thuộc. Trong trường hợp cần thiết, Hội đồng quản 	

Điều, khoản	Quy định tại Điều lệ hiện hành (năm 2022)	Nội dung đề xuất sửa đổi, bổ sung	Cơ sở/tham chiếu
	<p>3.10. Giám sát, chỉ đạo Tổng giám đốc và người quản lý khác trong điều hành công việc kinh doanh hàng ngày của Công ty;</p> <p>3.11. Quyết định cơ cấu tổ chức của Công ty, quyết định thành lập công ty con, lập chi nhánh, văn phòng đại diện và việc góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp khác; <u>quyết định cơ cấu tổ chức, luân chuyển, điều động, thay thế người quản lý của công ty con; điều động, luân chuyển, thay thế người quản lý của Công ty đến các đơn vị của công ty; chỉ đạo những người đại diện phần vốn thực hiện các công việc tại công ty con.</u></p> <p>3.12. Duyệt chương trình, nội dung tài liệu phục vụ họp Đại hội đồng cổ đông, triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến Đại hội đồng cổ đông thông qua quyết định;</p> <p>3.13. Trình báo cáo quyết toán tài chính đã được kiểm toán hàng năm lên Đại hội đồng cổ đông;</p> <p>3.14. Kiến nghị mức cổ tức được trả hàng năm; quyết định thời hạn và thủ tục chi trả cổ tức hoặc xử lý lỗ phát sinh trong quá trình kinh doanh;</p> <p>3.15. Kiến nghị việc tổ chức lại, giải thể, yêu cầu phá sản Công ty;</p> <p><u>3.16. Quyết định các vấn đề khác không thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông và không thuộc thẩm quyền của Tổng Giám đốc và các Người quản lý khác theo quy định của pháp luật (nếu có). Hội đồng quản trị có quyền ban hành, sửa đổi, bãi bỏ các quy chế quản lý nội bộ của Công ty, các nghị quyết, quyết định về mọi hoạt động của Công ty ở mọi lĩnh vực.</u></p>	<p>trị có thể trực tiếp thực hiện quyền này thay Tổng giám đốc:</p> <p>2.11. Giám sát, chỉ đạo Tổng giám đốc và người quản lý khác trong điều hành công việc kinh doanh hàng ngày của Công ty.</p> <p>2.12. Quyết định cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của Công ty, quyết định thành lập công ty con, chi nhánh, văn phòng đại diện và việc góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp khác.</p> <p>2.13. Duyệt chương trình, nội dung tài liệu phục vụ họp Đại hội đồng cổ đông, triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến để Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết.</p> <p>2.14. Trình báo cáo tài chính hàng năm đã được kiểm toán lên Đại hội đồng cổ đông.</p> <p>2.15. Kiến nghị mức cổ tức được trả; quyết định thời hạn và thủ tục trả cổ tức hoặc xử lý lỗ phát sinh trong quá trình kinh doanh.</p> <p>2.16. Kiến nghị việc tổ chức lại, giải thể Công ty; yêu cầu phá sản Công ty.</p> <p>2.17. Quyết định ban hành Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Quy chế nội bộ về quản trị công ty sau khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua.</p>	

Điều, khoản	Quy định tại Điều lệ hiện hành (năm 2022)	Nội dung đề xuất sửa đổi, bổ sung	Cơ sở/tham chiếu
Điều 23, khoản 4,	<p>4. Những vấn đề sau đây phải được Hội đồng quản trị phê chuẩn:</p> <p>4.1. Trừ các hợp đồng, giao dịch thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị có quyền quyết định việc ký kết, thực hiện, sửa đổi và hủy bỏ các hợp đồng, giao dịch khác của Công ty;</p> <p>4.2. Chỉ định và bãi nhiệm những người được Công ty uỷ nhiệm là đại diện thương mại và Luật sư của Công ty;</p> <p>4.3. Việc vay nợ và việc thực hiện các khoản thế chấp, bảo đảm, bảo lãnh và bồi thường của Công ty;</p> <p>4.4. Các khoản đầu tư không nằm trong kế hoạch kinh doanh và ngân sách hoặc các khoản đầu tư vượt quá 10% giá trị kế hoạch và ngân sách kinh doanh hàng năm;</p> <p>4.5. Việc mua hoặc bán cổ phần, phần vốn góp của những công ty khác được thành lập ở Việt Nam hay nước ngoài;</p> <p>4.6. Việc định giá các tài sản góp vào Công ty không phải bằng tiền liên quan đến việc phát hành cổ phiếu hoặc trái phiếu của Công ty, bao gồm vàng, quyền sử dụng đất, quyền sở hữu trí tuệ, công nghệ và bí quyết công nghệ;</p> <p>4.7. Các vấn đề kinh doanh, giao dịch, tổ chức, quản lý, điều hành mà Hội đồng quản trị quyết định cần phải có sự chấp thuận trong phạm vi quyền hạn và trách nhiệm của mình;</p>	<p>2.18. Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, quy định khác của pháp luật.</p> <p>Bổ khoản này</p>	<p>Đề xuất bỏ khoản này trên cơ sở tham chiếu Điều 27, Điều lệ mẫu</p>
Điều 23, khoản 5,	<p>5. Hội đồng quản trị phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông về hoạt động của mình, cụ thể là về việc giám sát của Hội</p>	<p>3. Hội đồng quản trị phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị theo quy định tại Điều 280 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP</p>	<p>Tham chiếu khoản 3, Điều 27 Điều lệ mẫu</p>

Điều, khoản	Quy định tại Điều lệ hiện hành (năm 2022)	Nội dung đề xuất sửa đổi, bổ sung	Cơ sở/tham chiếu
Điều 23, khoản 6,	<p><u>đồng quản trị đối với Tổng giám đốc và những Người quản lý khác trong năm tài chính.</u></p> <p>6. <u>Hội đồng quản trị có thể ủy quyền cho các Người quản lý và nhân viên cấp dưới thay mặt Hội đồng quản trị thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị, trừ khi luật pháp quy định khác.</u></p>	<p>ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán.</p> <p>Bổ khoản này</p>	<p>Đề xuất bỏ khoản này theo cơ sở tham chiếu Điều 27 Điều lệ mẫu</p>
Điều 23, khoản 7, 8, 9, 10	<p>7. Thành viên Hội đồng quản trị (không tính các đại diện được uỷ quyền thay thế) được nhận thù lao cho công việc của mình dưới tư cách là thành viên Hội đồng quản trị. Tổng mức thù lao cho Hội đồng quản trị sẽ do Đại hội đồng cổ đông quyết định. Khoản thù lao này sẽ được chia cho các thành viên Hội đồng quản trị theo thỏa thuận trong Hội đồng quản trị hoặc chia đều trong trường hợp không thỏa thuận được.</p> <p>8. Tổng số tiền trả thù lao cho các thành viên Hội đồng quản trị và số tiền thù lao cho từng thành viên phải được ghi chi tiết trong báo cáo thường niên của Công ty.</p> <p>9. Thành viên Hội đồng quản trị nắm giữ chức vụ điều hành (bao gồm cả chức vụ Chủ tịch hoặc Phó Chủ tịch), hoặc thành viên Hội đồng quản trị làm việc tại các tiểu ban của Hội đồng quản trị, hoặc thực hiện những công việc khác mà theo quan điểm của Hội đồng quản trị là nằm ngoài phạm vi nhiệm vụ thông thường của một thành viên Hội đồng quản trị, được trả tiền thù lao dưới dạng một khoản tiền lương (theo Quy chế lương của Công ty), trọn gói theo từng lần, hoa hồng, phần trăm lợi nhuận, hoặc dưới hình thức khác theo quyết định của Hội đồng quản trị.</p>	<p>Điều 26. Thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị</p> <p>1. Công ty có quyền trả thù lao, thưởng cho thành viên Hội đồng quản trị theo kết quả và hiệu quả kinh doanh.</p> <p>2. Thành viên hội đồng quản trị được hưởng thù lao công việc và thưởng. Thù lao công việc được tính theo số ngày công cần thiết hoàn thành nhiệm vụ của thành viên Hội đồng quản trị và mức thù lao mỗi ngày. Hội đồng quản trị dự tính mức thù lao cho từng thành viên theo nguyên tắc nhất trí. Tổng mức thù lao và thưởng của Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông quyết định tại cuộc họp thường niên.</p> <p>3. Thù lao của từng thành viên Hội đồng quản trị được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hàng năm của Công ty và phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.</p> <p>4. Thành viên Hội đồng quản trị nắm giữ chức vụ điều hành (bao gồm cả chức vụ Chủ tịch hoặc Phó Chủ tịch), hoặc thành viên Hội đồng quản trị làm việc tại các tiểu ban của Hội đồng quản trị hoặc thực</p>	<p>Đề xuất tách các khoản này thành 1 điều riêng quy định về thù, lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị trên cơ sở tham chiếu Điều 163 Luật Doanh nghiệp và Điều 28 Điều lệ mẫu</p>

Điều, khoản	Quy định tại Điều lệ hiện hành (năm 2022)	Nội dung đề xuất sửa đổi, bổ sung	Cơ sở/tham chiếu
	<p>10. Thành viên Hội đồng quản trị có quyền được thanh toán tất cả các chi phí đi lại, ăn, ở và các khoản chi phí hợp lý khác mà họ đã phải chi trả khi thực hiện trách nhiệm thành viên Hội đồng quản trị của mình, bao gồm cả các chi phí phát sinh trong việc tới tham dự các cuộc họp của Hội đồng quản trị, hoặc các tiêu ban của Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông.</p>	<p>hiện những công việc khác ngoài phạm vi nhiệm vụ thông thường của một thành viên Hội đồng quản trị, có thể được trả thêm thù lao dưới dạng một khoản tiền công trọn gói theo từng lần, lương, hoa hồng, phần trăm lợi nhuận hoặc dưới hình thức khác theo quyết định của Hội đồng quản trị.</p> <p>5. Thành viên Hội đồng quản trị có quyền được thanh toán tất cả các chi phí đi lại, ăn, ở và các khoản chi phí hợp lý khác mà họ đã phải chi trả khi thực hiện trách nhiệm thành viên Hội đồng quản trị của mình, bao gồm cả các chi phí phát sinh trong việc tới tham dự các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị hoặc các tiêu ban của Hội đồng quản trị.</p> <p>6. Thành viên Hội đồng quản trị có thể được Công ty mua bảo hiểm trách nhiệm sau khi có sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông. Bảo hiểm này không bao gồm bảo hiểm cho những trách nhiệm của thành viên Hội đồng quản trị liên quan đến việc vi phạm pháp luật và Điều lệ công ty.</p>	
Điều 24, khoản 1	<p>Điều 24. Chủ tịch, Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị</p> <p>1. Hội đồng quản trị phải lựa chọn trong số các thành viên Hội đồng quản trị để bầu ra một Chủ tịch Hội đồng quản trị và một Phó chủ tịch.</p>	<p>Điều 27. Chủ tịch, Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị</p> <p>1. Hội đồng quản trị phải lựa chọn trong số các thành viên Hội đồng quản trị để bầu ra một Chủ tịch Hội đồng quản trị và một Phó chủ tịch.</p>	
Điều 24, khoản 2	<p>2. Chủ tịch Hội đồng quản trị có trách nhiệm triệu tập và chủ toạ cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và các cuộc họp của Hội đồng quản trị, đồng thời có những quyền và trách nhiệm khác quy định tại Điều lệ này và Luật Doanh nghiệp. Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị có các quyền và</p>	<p>2. Chủ tịch Hội đồng quản trị có quyền và nghĩa vụ sau đây:</p> <p>2.1. Lập chương trình, kế hoạch hoạt động của Hội đồng quản trị.</p>	<p>Điều 156 Luật Doanh nghiệp và tham chiếu Điều 29 Điều lệ mẫu</p>

Điều, khoản	Quy định tại Điều lệ hiện hành (năm 2022)	Nội dung đề xuất sửa đổi, bổ sung	Cơ sở/tham chiếu
	<p>nghĩa vụ như Chủ tịch trong trường hợp được Chủ tịch ủy quyền nhưng chỉ trong trường hợp Chủ tịch đã thông báo cho Hội đồng quản trị rằng mình vắng mặt hoặc phải vắng mặt vì những lý do bất khả kháng hoặc mất khả năng thực hiện nhiệm vụ của mình. Trong trường hợp nêu trên, nếu Chủ tịch không chỉ định Phó Chủ tịch hành động như vậy, các thành viên còn lại của Hội đồng quản trị sẽ chỉ định Phó Chủ tịch thực hiện các quyền và nghĩa vụ này của Chủ tịch Hội đồng quản trị. Trường hợp cả Chủ tịch và Phó Chủ tịch tạm thời không thể thực hiện nhiệm vụ của họ vì lý do nào đó, Hội đồng quản trị có thể bổ nhiệm một người khác trong số họ để thực hiện nhiệm vụ của Chủ tịch Hội đồng quản trị theo nguyên tắc đa số quá bán.</p> <p>3. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải có trách nhiệm đảm bảo việc Hội đồng quản trị gửi báo cáo tài chính hàng năm, báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị, báo cáo kiểm toán cho các cổ đông tại Đại hội đồng cổ đông.</p> <p>4. Trường hợp cả Chủ tịch và Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị từ chức hoặc bị bãi miễn, Hội đồng quản trị phải bầu người thay thế trong thời hạn mười ngày.</p>	<p>2.2. Chuẩn bị chương trình, nội dung, tài liệu phục vụ cuộc họp; triệu tập, chủ trì và làm chủ tọa cuộc họp Hội đồng quản trị.</p> <p>2.3. Tổ chức việc thông qua nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị.</p> <p>2.4. Giám sát quá trình tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị.</p> <p>2.5. Chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.</p> <p>2.6. Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp.</p> <p>3. Trường hợp cả Chủ tịch và Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị có đơn từ chức hoặc bị bãi nhiệm, miễn nhiệm, Hội đồng quản trị phải bầu người thay thế trong thời hạn mười (10) ngày kể từ ngày nhận đơn từ chức hoặc bị bãi nhiệm, miễn nhiệm.</p> <p>4. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị vắng mặt hoặc không thể thực hiện được nhiệm vụ của mình thì phải ủy quyền bằng văn bản cho Phó Chủ tịch thực hiện quyền và nghĩa vụ của Chủ tịch Hội đồng quản trị nhưng chỉ trong trường hợp Chủ tịch đã thông báo cho Hội đồng quản trị rằng mình vắng mặt hoặc phải vắng mặt vì những lý do bất khả kháng hoặc mất khả năng thực hiện nhiệm vụ của mình. Trường hợp không có người được ủy quyền hoặc Chủ tịch Hội đồng quản trị chết, mất tích, bị tạm giam, đang chấp hành hình phạt tù, đang chấp hành biện pháp xử lý hành chính tại cơ sở cai nghiện bắt buộc, cơ sở giáo dục bắt buộc, trốn khỏi nơi cư trú, bị hạn chế hoặc mất năng lực hành vi dân sự, có</p>	

Điều, khoản	Quy định tại Điều lệ hiện hành (năm 2022)	Nội dung đề xuất sửa đổi, bổ sung	Cơ sở/tham chiếu
Điều 25	<p><u>Điều 25. Thành viên Hội đồng quản trị thay thế</u></p> <p><u>1. Thành viên Hội đồng quản trị (không phải người được uỷ quyền thay thế cho thành viên đó) có thể chỉ định một thành viên Hội đồng quản trị khác, hoặc một người được Hội đồng quản trị phê chuẩn và sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ này, làm người thay thế cho mình và có quyền bãi miễn người thay thế đó. Hội đồng quản trị có quyền từ chối phê chuẩn người thay thế đó nếu người này không đáp ứng các điều kiện đặt ra với một thành viên của Hội đồng quản trị theo Điều lệ này và pháp luật.</u></p> <p><u>2. Thành viên Hội đồng quản trị thay thế có quyền được nhận thông báo về các cuộc họp của Hội đồng quản trị và của các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị mà người chỉ định mình là thành viên, có quyền tham gia và biểu quyết tại các cuộc họp khi thành viên Hội đồng quản trị chỉ định mình không có mặt và được ủy quyền để thực hiện tất cả các chức năng của người chỉ định như là thành viên của Hội đồng quản trị trong trường hợp người chỉ định vắng mặt. Thành viên thay thế này không có quyền nhận bất kỳ khoản thù lao nào từ phía Công ty cho công việc của mình dưới tư cách là thành viên Hội đồng quản trị thay thế. Tuy nhiên, Công ty không bắt buộc phải gửi thông</u></p>	<p>Nội dung đề xuất sửa đổi, bổ sung</p> <p>khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi, bị Tòa án cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định thì các thành viên còn lại bầu một người trong số các thành viên giữ chức Chủ tịch Hội đồng quản trị theo nguyên tắc đa số thành viên còn lại tán thành cho đến khi có quyết định mới của Hội đồng quản trị.</p> <p>Bổ điều này</p>	<p>Đề xuất bỏ Điều này do pháp luật hiện hành không còn ghi nhận thành viên Hội đồng quản trị thay thế. Tham chiếu các quy định của Điều lệ mẫu</p>

Điều, khoản	Quy định tại Điều lệ hiện hành (năm 2022)	Nội dung đề xuất sửa đổi, bổ sung	Cơ sở/tham chiếu
	<p><u>báo về các cuộc họp</u> nói trên cho thành viên Hội đồng quản trị <u>thay thế không có mặt tại Việt Nam.</u></p> <p>3. Thành viên thay thế sẽ phải từ bỏ tư cách thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp người chỉ định mình không còn tư cách thành viên Hội đồng quản trị. Trường hợp một thành viên Hội đồng quản trị hết nhiệm kỳ nhưng lại được tái bổ nhiệm hoặc được coi là đã được tái bổ nhiệm trong cùng Đại hội đồng cổ đông mà thành viên đó thôi giữ chức do hết nhiệm kỳ thì việc chỉ định thành viên thay thế do người này thực hiện ngay trước thời điểm hết nhiệm kỳ sẽ tiếp tục có hiệu lực sau khi thành viên đó được tái bổ nhiệm.</p> <p>4. Việc chỉ định hoặc bãi nhiệm thành viên thay thế phải được thành viên Hội đồng quản trị chỉ định hoặc bãi nhiệm người thay thế làm bằng văn bản thông báo và ký gửi cho Công ty hoặc theo hình thức khác do Hội đồng quản trị phê chuẩn.</p> <p>5. Ngoài những quy định khác đã được nêu trong Điều lệ này, thành viên thay thế sẽ được coi như là thành viên Hội đồng quản trị trên mọi phương diện và phải chịu trách nhiệm cá nhân về hành vi và sai lầm của mình mà không được coi là người đại diện thừa hành sự uỷ quyền của thành viên Hội đồng quản trị đã chỉ định mình.</p>		
Điều 26, khoản 1	<p>Điều 26. Các cuộc họp của Hội đồng quản trị</p> <p>1. Cuộc họp đầu tiên của nhiệm kỳ Hội đồng quản trị để bầu ra Chủ tịch hội đồng quản trị và ra các nghị quyết khác thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị phải được tiến hành trong thời hạn bảy ngày làm việc, kể từ ngày kết thúc bầu cử Hội đồng quản trị nhiệm kỳ đó. Cuộc họp</p>	<p>Điều 28. Các cuộc họp của Hội đồng quản trị</p> <p>1. Chủ tịch Hội đồng quản trị được bầu trong cuộc họp đầu tiên của Hội đồng quản trị trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc kể từ ngày kết thúc bầu cử Hội đồng quản trị đó. Cuộc họp này do thành viên Hội đồng quản trị có phiếu bầu cao nhất triệu tập hoặc tỷ lệ phiếu</p>	<p>Khoản 1, Điều 157 Luật Doanh nghiệp và tham chiếu Khoản 1, Điều 30 Điều lệ mẫu</p>

Điều, khoản	Quy định tại Điều lệ hiện hành (năm 2022)	Nội dung đề xuất sửa đổi, bổ sung	Cơ sở/tham chiếu
Điều 26, khoản 2	<p>này do thành viên Hội đồng quản trị có số phiếu bầu cao nhất triệu tập. Trường hợp có nhiều hơn một thành viên có số phiếu bầu cao nhất và ngang hàng thì các thành viên Hội đồng quản trị bầu theo nguyên tắc đa số một người trong số họ triệu tập họp Hội đồng quản trị.</p> <p>2. <u>Các cuộc họp thường kỳ. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập các cuộc họp Hội đồng quản trị, lập chương trình nghị sự, thời gian và địa điểm họp ít nhất năm ngày trước ngày họp dự kiến. Chủ tịch có thể triệu tập họp bất kỳ khi nào thấy cần thiết, nhưng ít nhất là mỗi quý phải họp một lần.</u></p>	<p>bầu cao nhất triệu tập và chủ trì. Trường hợp có nhiều hơn một thành viên có số phiếu bầu cao nhất hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất và ngang hàng thì các thành viên Hội đồng quản trị bầu theo nguyên tắc đa số để chọn một người trong số họ triệu tập họp Hội đồng quản trị.</p> <p>2. Hội đồng quản trị phải họp ít nhất mỗi quý 01 lần và có thể họp bất thường</p>	Tham chiếu khoản 2, Điều 30 Điều lệ mẫu
Điều 26, khoản 3	<p>3. Các cuộc họp bất thường. Chủ tịch phải triệu tập họp Hội đồng quản trị, không được trì hoãn nếu không có lý do chính đáng, khi một trong số các đối tượng dưới đây đề nghị bằng văn bản trình bày mục đích cuộc họp và các vấn đề cần bàn:</p> <p>3.1. <u>Đa số thành viên Ban Kiểm soát hoặc thành viên Hội đồng quản trị độc lập.</u></p> <p>3.2. Tổng giám đốc hoặc ít nhất năm người quản lý;</p> <p>3.3. Ít nhất Hai thành viên điều hành của Hội đồng quản trị;</p> <p>3.4. <u>Chủ tịch Hội đồng quản trị;</u></p>	<p>3. Các cuộc họp bất thường. Chủ tịch triệu tập họp Hội đồng quản trị trong các trường hợp sau đây:</p> <p>3.1. Có đề nghị của Ban kiểm soát hoặc thành viên độc lập Hội đồng quản trị;</p> <p>3.2. Có đề nghị của Tổng giám đốc hoặc ít nhất năm (05) Người quản lý khác;</p> <p>3.3. Có đề nghị của ít nhất hai (02) thành viên Hội đồng quản trị;</p> <p>3.4. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.</p>	Khoản 3 Điều 157 Luật Doanh nghiệp và tham chiếu khoản 2, Điều 30 Điều lệ mẫu
		<p>4. Đề nghị quy định tại Khoản 3 Điều này phải được lập thành văn bản, trong đó nêu rõ mục đích, vấn đề cần thảo luận và quyết định thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị.</p>	Để xuất bổ sung khoản này căn cứ vào khoản 4, Điều 157 Luật Doanh nghiệp và tham chiếu

Điều, khoản	Quy định tại Điều lệ hiện hành (năm 2022)	Nội dung đề xuất sửa đổi, bổ sung	Cơ sở/tham chiếu
Điều 26, khoản 4	4. Các cuộc họp Hội đồng quản trị nêu tại Khoản 3 Điều này phải được tiến hành trong thời hạn <u>mười</u> ngày sau khi có đề xuất họp. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị không chấp nhận triệu tập họp theo đề nghị thì Chủ tịch phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với Công ty; những người đề nghị tổ chức cuộc họp được đề cập đến ở Khoản 3 Điều này có thể tự mình triệu tập họp Hội đồng quản trị.	5. Chủ tịch phải triệu tập họp Hội đồng quản trị trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc kể từ ngày nhận được đề nghị quy định tại khoản 3 Điều này. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị không chấp nhận triệu tập họp theo đề nghị thì Chủ tịch phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với Công ty; những người đề nghị tổ chức cuộc họp được đề cập đến ở khoản 3 Điều này có quyền thay thế Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị.	khoản 4, Điều 30 Điều lệ mẫu Khoản 6 Điều 157 Luật Doanh nghiệp và tham chiếu khoản 5, Điều 30 Điều lệ mẫu
Điều 26, khoản 5	5. Trường hợp có yêu cầu của kiểm toán viên độc lập, Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị để bàn về báo cáo kiểm toán và tình hình Công ty.	Bỏ khoản này	Đề xuất bỏ khoản này do đã được quy định ở khoản 3
Điều 26, khoản 6	6. Các cuộc họp Hội đồng quản trị sẽ được tiến hành ở địa chỉ đã đăng ký của Công ty hoặc những địa chỉ khác ở Việt Nam hoặc ở nước ngoài theo quyết định của Chủ tịch Hội đồng quản trị và được sự nhất trí của Hội đồng quản trị.	Bỏ khoản này	Tham chiếu Điều 30, Điều lệ mẫu
Điều 26, khoản 7	7. Thông báo và chương trình họp. Thông báo họp Hội đồng quản trị phải được gửi trước cho các thành viên Hội đồng quản trị ít nhất năm ngày trước khi tổ chức họp, các thành viên Hội đồng có thể từ chối thông báo mời họp bằng văn bản. Thông báo họp Hội đồng phải được làm bằng văn bản tiếng Việt và phải thông báo đầy đủ chương trình, thời gian, địa điểm họp, kèm theo những tài liệu cần thiết về những vấn đề sẽ được bàn bạc và biểu quyết tại cuộc họp Hội đồng quản trị và các phiếu bầu cho những	6. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập họp Hội đồng quản trị phải gửi thông báo mời họp chậm nhất là ba (03) ngày làm việc trước ngày họp. Thông báo họp phải xác định cụ thể thời gian và địa điểm, chương trình, các vấn đề thảo luận và quyết định. Thông báo mời họp phải kèm theo tài liệu sử dụng tại cuộc họp và phiếu biểu quyết của thành viên Hội đồng quản trị. Thông báo mời họp Hội đồng quản trị có thể được gửi bằng giấy mời, điện thoại, fax, thư điện tử, nhưng phải	Khoản 7 Điều 157 Luật Doanh nghiệp và tham chiếu khoản 6, Điều 30 Điều lệ mẫu

Điều, khoản	Quy định tại Điều lệ hiện hành (năm 2022)	Nội dung đề xuất sửa đổi, bổ sung	Cơ sở/tham chiếu
	thành viên Hội đồng không thể dự họp. Thông báo mời họp được gửi bằng bưu điện, fax, thư điện tử hoặc phương tiện khác, nhưng phải bảo đảm đến được địa chỉ của từng thành viên Hội đồng quản trị được đăng ký tại Công ty.	bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của từng thành viên Hội đồng quản trị được đăng ký tại Công ty.	
Điều 26, khoản 8,	8. Số thành viên tham dự tối thiểu. Các cuộc họp của Hội đồng quản trị chỉ được tiến hành và thông qua các quyết định khi có ít nhất ba phần tư số thành viên Hội đồng quản trị có mặt trực tiếp hoặc qua người đại diện thay thế. Trường hợp cuộc họp được triệu tập theo quy định trên đây không đủ số thành viên dự họp theo quy định, thì được triệu tập lần thứ hai trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Trong trường hợp này, cuộc họp được tiến hành nếu có hơn một nửa số thành viên Hội đồng quản trị dự họp.	<p>7. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập gửi thông báo mời họp và các tài liệu kèm theo đến các thành viên Ban Kiểm soát như đối với các thành viên Hội đồng quản trị.</p> <p>Thành viên Ban Kiểm soát có quyền dự các cuộc họp Hội đồng quản trị; có quyền thảo luận nhưng không được biểu quyết.</p> <p>8. Cuộc họp của Hội đồng quản trị được tiến hành khi có từ ba phần tư (3/4) tổng số thành viên trở lên dự họp. Trường hợp cuộc họp được triệu tập theo quy định tại khoản này không đủ số thành viên dự họp theo quy định, thì được triệu tập lần thứ hai trong thời hạn bảy (07) ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Trường hợp này, cuộc họp được tiến hành nếu có hơn một nửa số thành viên Hội đồng quản trị dự họp.</p>	Đề xuất bổ sung khoản này căn cứ vào khoản 7, Điều 157 Luật Doanh nghiệp và tham chiếu khoản 7, Điều 30 Điều lệ mẫu
Điều 26, khoản 9	<p>9. Biểu quyết</p> <p><u>9.1. Trừ quy định tại Điểm 9.2, Khoản 9 Điều này, mỗi thành viên Hội đồng quản trị hoặc người được ủy quyền trực tiếp có một với tư cách cá nhân tại cuộc họp Hội đồng quản trị sẽ có một phiếu biểu quyết;</u></p> <p><u>9.2. Thành viên Hội đồng quản trị không được biểu quyết về các hợp đồng, các giao dịch, các đề xuất hoặc các vấn đề khác thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị mà thành</u></p>	Bổ khoản này	Tham chiếu Điều 30 Điều lệ mẫu

Điều, khoản	Quy định tại Điều lệ hiện hành (năm 2022)	Nội dung đề xuất sửa đổi, bổ sung	Cơ sở/tham chiếu
	<p><u>viên đó hoặc người liên quan tới thành viên đó có lợi ích và lợi ích đó mâu thuẫn hoặc có thể mâu thuẫn với lợi ích của Công ty. Một thành viên Hội đồng sẽ không được tính vào số lượng đại biểu tối thiểu cần thiết có mặt để có thể tổ chức một cuộc họp Hội đồng quản trị về những quyết định mà thành viên đó không có quyền biểu quyết;</u></p> <p><u>9.3. Theo quy định tại Điểm 9.4, Khoản 9 điều này, khi có phát sinh trong một cuộc họp của Hội đồng quản trị liên quan đến mức độ lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị mà lợi ích đó mâu thuẫn hoặc có thể mâu thuẫn với lợi ích của công ty hoặc liên quan đến quyền biểu quyết một thành viên mà những vấn đề đó không được giải quyết bằng sự tự nguyện từ bỏ quyền biểu quyết hoặc tự nguyện từ bỏ lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị đó, những vấn đề phát sinh đó sẽ được chuyển tới chủ tọa cuộc họp và phán quyết của chủ tọa liên quan đến tất cả các thành viên Hội đồng quản trị khác sẽ có giá trị là quyết định cuối cùng;</u></p> <p><u>9.4. Một thành viên Hội đồng quản trị sẽ được coi là có lợi ích trong hợp đồng, các giao dịch, các đề xuất hoặc các vấn đề khác thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị và lợi ích này được xem là mâu thuẫn hoặc có thể mâu thuẫn với lợi ích của Công ty trong các trường hợp sau:</u></p> <ul style="list-style-type: none"> - <u>Thành viên Hội đồng quản trị đó hưởng lợi từ một hợp đồng, giao dịch được quy định tại Điểm 4.1 và 4.2, Khoản 4, Điều 31 của Điều lệ này; hoặc</u> - <u>Chủ tịch Hội đồng quản trị cho là thành viên Hội đồng quản trị hoặc người liên quan của thành viên đó có liên quan đến các vấn đề khác thuộc thẩm quyền của Hội đồng</u> 		

Điều, khoản	Quy định tại Điều lệ hiện hành (năm 2022)	Nội dung đề xuất sửa đổi, bổ sung	Cơ sở/tham chiếu
	<u>quản trị và việc tham gia biểu quyết của thành viên Hội đồng quản trị có thể không đảm bảo sự khách quan và minh bạch.</u>		
Điều 26, khoản 10	<u>10. Công khai lợi ích. Thành viên Hội đồng quản trị trực tiếp hoặc gián tiếp được hưởng lợi từ một hợp đồng hoặc giao dịch đã được ký kết hoặc đang dự kiến ký kết với Công ty và biết là mình có lợi ích trong đó, sẽ phải công khai bán chất, nội dung của quyền lợi đó trong cuộc họp mà Hội đồng quản trị lần đầu tiên xem xét vấn đề đề ký kết hợp đồng hoặc giao dịch này. Hoặc thành viên này có thể công khai điều đó tại cuộc họp đầu tiên của Hội đồng quản trị được tổ chức sau khi thành viên này biết rằng mình có lợi ích hoặc sẽ có lợi ích trong giao dịch hoặc hợp đồng liên quan.</u>	<p>9. Thành viên Hội đồng quản trị được coi là tham dự và biểu quyết tại cuộc họp trong trường hợp sau đây:</p> <p>9.1. Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp.</p> <p>9.2. Ủy quyền cho người khác đến dự họp và biểu quyết theo quy định tại Khoản 11 Điều này.</p> <p>9.3. Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác.</p> <p>9.4. Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử.</p> <p>Bổ khoản này</p>	<p>Đề xuất bổ sung khoản này căn cứ vào khoản 9, Điều 157 Luật Doanh nghiệp và tham chiếu khoản 9, Điều 30 Điều lệ mẫu</p> <p>Tham chiếu Điều 30, Điều lệ mẫu</p>
		<p>10. Trường hợp gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, phiếu biểu quyết phải được trong phong bì dán kín và phải được chuyển đến Chủ tịch Hội đồng quản trị chậm nhất là một (01) giờ trước khi khai mạc. Phiếu biểu quyết chỉ được mở trước sự chứng kiến của tất cả những người dự họp.</p>	<p>Đề xuất bổ sung khoản này trên cơ sở tham chiếu khoản 10, Điều 30 Điều lệ mẫu</p>

Điều, khoản	Quy định tại Điều lệ hiện hành (năm 2022)	Nội dung đề xuất sửa đổi, bổ sung	Cơ sở/tham chiếu
Điều 26, khoản 11	<p>11. Biểu quyết đa số. Hội đồng quản trị thông qua các nghị quyết và ra quyết định bằng cách tuân theo ý kiến tán thành của đa số thành viên Hội đồng quản trị có mặt (trên 50%). Trường hợp số phiếu tán thành và phản đối ngang bằng nhau, lá phiếu của Chủ tịch sẽ là lá phiếu quyết định.</p>	<p>11. Thành viên phải tham dự đầy đủ các cuộc họp Hội đồng quản trị. Thành viên được ủy quyền cho người khác dự họp và biểu quyết nếu được đa số thành viên Hội đồng quản trị chấp thuận. Bổ khoản này</p>	<p>Đề xuất bổ sung khoản này trên cơ sở tham chiếu khoản 11, Điều 30 Điều lệ mẫu Tham chiếu Điều 30 Điều lệ mẫu</p>
Điều 26, khoản 12	<p>12. <u>Họp trên điện thoại hoặc các hình thức khác. Cuộc họp của Hội đồng quản trị có thể tổ chức theo hình thức nghị sự giữa các thành viên của Hội đồng quản trị khi tất cả hoặc một số thành viên đang ở những địa điểm khác nhau với điều kiện là mỗi thành viên tham gia họp đều có thẻ:</u></p> <p>12.1. <u>Nghe từng thành viên Hội đồng quản trị khác cùng tham gia phát biểu trong cuộc họp;</u></p> <p>12.2. <u>Nếu muốn, người đó có thể phát biểu với tất cả các thành viên tham dự khác một cách đồng thời.</u></p> <p><u>Việc trao đổi giữa các thành viên có thể thực hiện một cách trực tiếp qua điện thoại hoặc bằng phương tiện liên lạc thông tin khác (kể cả việc sử dụng phương tiện này diễn ra vào thời điểm thông qua Điều lệ hay sau này) hoặc là kết hợp tất cả những phương thức này. Theo Điều lệ này, thành viên Hội đồng quản trị tham gia cuộc họp như vậy được coi là “có mặt” tại cuộc họp đó. Địa điểm cuộc họp được tổ chức theo quy định này là địa điểm mà nhóm thành viên Hội đồng quản trị đồng nhất tập họp lại,</u></p>	<p>Bổ khoản này</p>	<p>Tham chiếu Điều 30 Điều lệ mẫu</p>

Điều, khoản	Quy định tại Điều lệ hiện hành (năm 2022)	Nội dung đề xuất sửa đổi, bổ sung	Cơ sở/tham chiếu
	<p>hoặc nếu không có một nhóm như vậy, là địa điểm mà <u>Chủ toạ cuộc họp hiện diện.</u></p> <p><u>Các quyết định được thông qua trong một cuộc họp qua điện thoại được tổ chức và tiến hành một cách hợp thức sẽ có hiệu lực ngay khi kết thúc cuộc họp nhưng phải được kháng định bằng các chữ ký trong biên bản của tất cả thành viên Hội đồng quản trị tham dự cuộc họp này.</u></p>		
Điều 26, khoản 13	<p>13. <u>Nghị quyết/Quyết định bằng văn bản. Hội đồng quản trị có quyền thông qua các nghị quyết/quyết định về bất kỳ vấn đề nào thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị bằng cách lấy ý kiến bằng văn bản của các thành viên Hội đồng quản trị. Nghị quyết/quyết định của Hội đồng quản trị sẽ được thông qua bằng hình thức lấy ý kiến bằng văn bản, nếu được đa số thành viên Hội đồng quản trị biểu quyết chấp thuận (trên 50%). Trường hợp số phiếu tán thành và phản đối ngang bằng nhau, lá phiếu của Chủ tịch sẽ là lá phiếu quyết định. Thành viên Hội đồng quản trị chỉ được coi là đã tham gia biểu quyết nếu phiếu lấy ý kiến có chữ ký của thành viên được gửi về công ty đúng hạn và thành viên thể hiện rõ tán thành hay phản đối.</u></p> <p><u>Nghị quyết loại này có hiệu lực và giá trị như nghị quyết được các thành viên Hội đồng quản trị thông qua tại một cuộc họp được triệu tập và tổ chức theo thông lệ. Nghị quyết có thể được thông qua bằng cách sử dụng nhiều bản sao của cùng một văn bản nếu mỗi bản sao đó có ít nhất một chữ ký của thành viên.</u></p>	<p>12. <u>Nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị được thông qua nếu được đa số thành viên dự họp tán thành; trường hợp số phiếu ngang nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Chủ tịch Hội đồng quản trị.</u></p> <p><u>Hội đồng quản trị có quyền thông qua các nghị quyết/quyết định về bất kỳ vấn đề nào thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị bằng cách lấy ý kiến bằng văn bản của các thành viên Hội đồng quản trị. Các Nghị quyết/quyết định loại này được thông qua và có hiệu lực, giá trị như nghị quyết/quyết định được các thành viên Hội đồng quản trị thông qua tại một cuộc họp được triệu tập và tổ chức theo thông lệ.</u></p>	
Điều 26, khoản 14	<p>14. <u>Biên bản họp Hội đồng quản trị. Chủ tịch Hội đồng quản trị có trách nhiệm chuyển biên bản họp Hội đồng quản trị cho các thành viên và những biên bản đó sẽ</u></p>	<p>Bổ Khoản này</p>	<p>Đề xuất bỏ khoản này trên cơ sở tham chiếu Điều 30 Điều lệ mẫu</p>

Điều, khoản	Quy định tại Điều lệ hiện hành (năm 2022)	Nội dung đề xuất sửa đổi, bổ sung	Cơ sở/tham chiếu
	<p><u>phải được xem như những bằng chứng xác thực về công việc đã được tiến hành trong các cuộc họp đó trừ khi có ý kiến phản đối về nội dung biên bản trong thời hạn mười ngày kể từ khi chuyển đi. Biên bản họp Hội đồng quản trị được lập bằng tiếng Việt và phải có chữ ký của tất cả các thành viên Hội đồng quản trị tham dự cuộc họp.</u></p>		
<p>Điều 26, khoản 15, 16</p>	<p>15. Các tiểu ban của Hội đồng quản trị. Hội đồng quản trị có thể thành lập và ủy quyền hành động cho các tiểu ban trực thuộc. Thành viên của tiểu ban có thể gồm một hoặc nhiều thành viên của Hội đồng quản trị và một hoặc nhiều thành viên bên ngoài theo quyết định của Hội đồng quản trị. Trong quá trình thực hiện quyền hạn được uỷ thác, các tiểu ban phải tuân thủ các quy định mà Hội đồng quản trị đề ra. Các quy định này có thể điều chỉnh hoặc cho phép kết nạp thêm những người không phải là thành viên Hội đồng quản trị vào các tiểu ban nêu trên và cho phép người đó được quyền biểu quyết với tư cách thành viên của tiểu ban nhưng: (a) phải đảm bảo số lượng thành viên bên ngoài ít hơn một nửa tổng số thành viên của tiểu ban; (b) nghị quyết của các tiểu ban chỉ có hiệu lực khi có đa số thành viên tham dự và biểu quyết tại phiên họp của tiểu ban là thành viên Hội đồng quản trị.</p> <p>16. Giá trị pháp lý của hành động. Các hành động thực thi quyết định của Hội đồng quản trị, hoặc của tiểu ban trực thuộc Hội đồng quản trị, hoặc của người có tư cách thành viên tiểu ban Hội đồng quản trị sẽ được coi là có giá trị pháp lý kể cả trong trường hợp việc bầu, chỉ định thành viên của tiểu ban hoặc Hội đồng quản trị có thể có sai sót.</p>	<p>Điều 29. Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị</p> <p>1. Hội đồng quản trị có thể thành lập tiểu ban trực thuộc để phụ trách về chính sách phát triển, nhân sự, lương thưởng, kiểm toán nội bộ, quản lý rủi ro. Số lượng thành viên của tiểu ban do Hội đồng quản trị quyết định có tối thiểu là ba (03) người bao gồm thành viên của Hội đồng quản trị và thành viên bên ngoài. Các thành viên độc lập Hội đồng quản trị/thành viên Hội đồng quản trị không điều hành nên chiếm đa số trong tiểu ban và một trong số các thành viên này được bổ nhiệm làm Trưởng tiểu ban theo quyết định của Hội đồng quản trị. Hoạt động của tiểu ban phải tuân thủ theo quy định của Hội đồng quản trị. Nghị quyết của tiểu ban chỉ có hiệu lực khi có đa số thành viên tham dự và biểu quyết thông qua tại cuộc họp của tiểu ban.</p> <p>2. Việc thực thi quyết định của Hội đồng quản trị, hoặc của tiểu ban trực thuộc Hội đồng quản trị phải phù hợp với các quy định pháp luật hiện hành và quy định tại Điều lệ công ty, Quy chế nội bộ về quản trị công ty.</p>	<p>Đề xuất tách 2 khoản này thành Điều 29 quy định về các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị trên cơ sở tham chiếu Điều 31 Điều lệ mẫu</p>

Điều, khoản	Quy định tại Điều lệ hiện hành (năm 2022)	Nội dung đề xuất sửa đổi, bổ sung	Cơ sở/tham chiếu
CHƯƠNG VIII Điều 27	<p>CHƯƠNG VIII. TỔNG GIÁM ĐỐC ĐIỀU HÀNH VÀ CÁN BỘ QUẢN LÝ KHÁC</p> <p>Điều 27. Tổ chức bộ máy quản lý Công ty sẽ ban hành một hệ thống quản lý mà theo đó bộ máy quản lý điều hành sẽ chịu trách nhiệm và <u>nằm dưới sự lãnh đạo của Hội đồng quản trị</u>. Tổ chức bộ máy điều hành Công ty gồm có Tổng giám đốc, các Phó Tổng giám đốc và một Kế toán trưởng do Hội đồng quản trị bổ nhiệm. Tổng giám đốc và các Phó tổng giám đốc có thể đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị và được Hội đồng quản trị bổ nhiệm hoặc <u>bãi miễn bằng một nghị quyết của Hội đồng quản trị</u>. Trưởng Phòng/Ban khi bổ nhiệm phải thông qua ý kiến Hội đồng quản trị.</p>	<p>CHƯƠNG VIII. TỔNG GIÁM ĐỐC ĐIỀU HÀNH VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC</p> <p>Điều 30. Tổ chức bộ máy quản lý Hệ thống quản lý của Công ty phải đảm bảo bộ máy quản lý chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và chịu sự giám sát, chỉ đạo của Hội đồng quản trị trong công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty. Công ty có Tổng giám đốc, các Phó tổng giám đốc và Kế toán trưởng do Hội đồng quản trị bổ nhiệm. Việc bổ nhiệm miễn nhiệm, bãi nhiệm các chức danh nêu trên phải được thông qua bằng nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị.</p>	<p>Tham chiếu Chương VIII Điều lệ mẫu</p> <p>Tham chiếu Điều 33 Điều lệ mẫu</p>
Điều 28	<p>Điều 28. Người quản lý</p> <p>1. Theo đề nghị của Tổng giám đốc và được sự chấp thuận của Hội đồng quản trị, Công ty được sử dụng số lượng và loại người quản lý cần thiết hoặc phù hợp với cơ cấu và thông lệ quản lý công ty do Hội đồng quản trị đề xuất tùy từng thời điểm. Người quản lý công ty do Hội đồng quản trị đề xuất tùy từng thời điểm. Người thiết để các hoạt động và tổ chức của Công ty đạt được các mục tiêu đề ra.</p> <p>2. <u>Mức lương, tiền thù lao, lợi ích và các điều khoản khác trong hợp đồng lao động đối với Tổng giám đốc, những người quản lý khác và người lao động sẽ được áp dụng theo Quy chế trả lương của Công ty quy định đã được Hội đồng quản trị phê duyệt.</u></p>	<p>Điều 31. Người điều hành Công ty</p> <p>1. Người điều hành Công ty bao gồm Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng.</p> <p>2. Theo đề nghị của Tổng giám đốc và được sự chấp thuận của Hội đồng quản trị, Công ty được sử dụng số lượng và loại người điều hành doanh nghiệp cần thiết hoặc phù hợp với cơ cấu và thông lệ quản lý công ty do Hội đồng quản trị đề xuất tùy từng thời điểm. Người điều hành phải trách nhiệm để hỗ trợ các hoạt động và tổ chức của Công ty đạt được mục tiêu đề ra.</p> <p>3. Tổng giám đốc được trả lương và thưởng. Tiền lương và thưởng của Tổng giám đốc do Hội đồng quản trị quyết định.</p>	<p>Tham chiếu khoản 1, 2, 3 Điều 34 Điều lệ mẫu</p>

Điều, khoản	Quy định tại Điều lệ hiện hành (năm 2022)	Nội dung đề xuất sửa đổi, bổ sung	Cơ sở/tham chiếu
Điều 29, khoản 1	<p>Điều 29. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, nhiệm vụ và quyền hạn của Tổng giám đốc</p> <p>1. Hội đồng quản trị sẽ bổ nhiệm một thành viên trong Hội đồng hoặc thuê một người khác làm Tổng giám đốc và sẽ ký hợp đồng lao động quy định mức lương, thù lao, lợi ích và các điều khoản khác liên quan đến việc tuyển dụng lao động.</p>	<p>4. Tiền lương của người điều hành được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hàng năm của Công ty và phải báo cáo Đại hội cổ đông tại cuộc họp thường niên.</p> <p>Điều 32. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, nhiệm vụ và quyền hạn của Tổng giám đốc</p> <p>1. Hội đồng quản trị bổ nhiệm một thành viên trong Hội đồng quản trị hoặc thuê một người khác làm Tổng giám đốc.</p>	<p>Đề xuất bổ sung khoản này căn cứ vào Điều 298 Nghị định 155/2020/NĐ-CP và tham chiếu khoản 4, Điều 34 Điều lệ mẫu</p> <p>Tham chiếu khoản 1, Điều 35 Điều lệ mẫu</p>
		<p>2. Tổng Giám đốc là người điều hành công việc kinh doanh hàng ngày của Công ty; chịu sự giám sát của Hội đồng quản trị; chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và trước pháp luật về việc thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao.</p>	<p>Đề xuất bổ sung khoản này căn cứ vào khoản 2, Điều 162 Luật Doanh nghiệp và tham chiếu khoản 2, Điều 32 Điều lệ mẫu</p>
Điều 29, khoản 2,	<p>2. Nhiệm kỳ: <u>Nhiệm kỳ của Tổng giám đốc là năm (05) năm trừ khi Hội đồng quản trị có quy định khác và có thể được tái bổ nhiệm. Việc bổ nhiệm có thể hết hiệu lực căn cứ vào các quy định tại hợp đồng lao động. Tổng giám đốc không được phép là những người bị pháp luật cấm giữ chức vụ này, tức là những người vi thành niên, người không đủ năng lực hành vi dân sự, người đã bị kết án tù, người đang thi hành hình phạt tù, nhân viên lực lượng vũ trang, các cán bộ công chức nhà nước và những người khác theo quy định của pháp luật.</u></p>	<p>3. Nhiệm kỳ của Tổng giám đốc không quá năm (05) năm; có thể được bổ nhiệm lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Tổng giám đốc phải đáp ứng các tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định của pháp luật.</p>	<p>Tham chiếu khoản 3 Điều 35 Điều lệ mẫu</p>

Điều, khoản	Quy định tại Điều lệ hiện hành (năm 2022)	Nội dung đề xuất sửa đổi, bổ sung	Cơ sở/tham chiếu
Khoản 3, Điều 29	<p>3. Quyền hạn và nhiệm vụ: Tổng giám đốc có những quyền hạn và trách nhiệm sau:</p> <p>3.1. Thực hiện các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị, kế hoạch kinh doanh và kế hoạch đầu tư của Công ty đã được Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị thông qua;</p> <p>3.2. Quyết định các vấn đề thuộc thẩm quyền của mình theo sự phân cấp của Công ty trong các quy chế quản lý nội bộ do Hội đồng quản trị ban hành, bao gồm việc thay mặt công ty ký kết các hợp đồng tài chính và thương mại, tổ chức và điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh thường nhật của Công ty theo những thông lệ quản lý tốt nhất. Đối với các hợp đồng giao dịch cần phải có sự phê chuẩn, quyết định của Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị như quy định tại Điều lệ này và pháp luật thì Tổng Giám đốc chỉ được phép ký kết khi đã có nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị phê chuẩn hay quyết định các hợp đồng, giao dịch này;</p> <p>3.3. Kiến nghị số lương và các loại Người quản lý mà Công ty cần thuê để Hội đồng quản trị bổ nhiệm hoặc miễn nhiệm khi cần thiết theo các quy chế quản lý nội bộ của Công ty do Hội đồng quản trị ban hành nhằm áp dụng các hoạt động cũng như các cơ cấu quản lý tốt do Hội đồng quản trị đề xuất, và tư vấn để Hội đồng quản trị quyết định mức lương, thù lao, các lợi ích và các điều khoản khác của hợp đồng lao động của Người quản lý;</p> <p>3.4. Trừ khi được Hội đồng quản trị phân cấp và quy định khác đi trong các quy chế nội bộ, xây dựng và trình Hội</p>	<p>4. Tổng giám đốc có những quyền hạn và nghĩa vụ sau:</p> <p>4.1. Quyết định các vấn đề liên quan đến công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty mà không thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị;</p> <p>4.2. Tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;</p> <p>4.3. Tổ chức thực hiện kế hoạch kinh doanh và phương án đầu tư của Công ty;</p> <p>4.4. Kiến nghị phương án cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của Công ty;</p> <p>4.5. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm các chức danh quản lý trong Công ty, trừ các chức danh thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị;</p> <p>4.6. Quyết định tiền lương và lợi ích khác đối với người lao động trong Công ty, kể cả người quản lý thuộc thẩm quyền bổ nhiệm của Tổng giám đốc;</p> <p>4.7. Tuyển dụng lao động;</p> <p>4.8. Kiến nghị phương án trả cổ tức hoặc xử lý lỗ trong kinh doanh;</p> <p>4.9. Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật.</p>	Tham chiếu khoản 4, Điều 35 Điều lệ mẫu

Điều, khoản	Quy định tại Điều lệ hiện hành (năm 2022)	Nội dung đề xuất sửa đổi, bổ sung	Cơ sở/tham chiếu
	<p><u>đồng quản trị thông qua số lượng người lao động, mức lương, trợ cấp, lợi ích, việc bổ nhiệm, miễn nhiệm và các điều khoản khác liên quan đến hợp đồng lao động của họ;</u></p> <p><u>3.5. Vào ngày 31 tháng 10 hàng năm, Tổng giám đốc phải trình Hội đồng quản trị phê chuẩn kế hoạch kinh doanh chi tiết cho năm tài chính tiếp theo trên cơ sở đáp ứng các yêu cầu của ngân sách phù hợp cũng như kế hoạch tài chính năm (5) năm.</u></p> <p><u>3.6. Thực thi kế hoạch sản xuất kinh doanh hàng năm được Hội đồng quản trị thông qua;</u></p> <p><u>3.7. Đề xuất những biện pháp quản trị Công ty khoa học và tối ưu chi phí.</u></p> <p><u>3.8. Chuẩn bị các bản dự toán dài hạn, hàng năm và hàng tháng của Công ty (sau đây gọi là bản dự toán) phục vụ hoạt động quản lý dài hạn, hàng năm và hàng tháng của Công ty theo kế hoạch kinh doanh. Bản dự toán hàng năm (bao gồm cả bản cân đối kế toán, báo cáo hoạt động sản xuất kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ dự kiến) cho từng năm tài chính sẽ phải được trình để Hội đồng quản trị thông qua và phải bao gồm những thông tin quy định tại các quy chế của Công ty.</u></p> <p><u>3.9. Thực hiện tất cả các hoạt động khác theo quy định của Điều lệ này và các quy chế của Công ty, các nghị quyết và quyết định của Hội đồng quản trị, hợp đồng lao động của Tổng giám đốc và pháp luật.</u></p>		
Điều 29, khoản 4	<p><u>4. Báo cáo lên Hội đồng quản trị và các cổ đông. Tổng giám đốc chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông về việc thực hiện nhiệm vụ và quyền</u></p>	Bổ khoản này	Đề xuất bỏ khoản này trên cơ sở tham chiếu Điều 35 Điều lệ mẫu

Điều, khoản	Quy định tại Điều lệ hiện hành (năm 2022)	Nội dung đề xuất sửa đổi, bổ sung	Cơ sở/tham chiếu
	<u>hạn được giao và phải báo cáo các cơ quan này khi được yêu cầu.</u>		Tham chiếu khoản 5, Điều 35 Điều lệ mẫu
Điều 29, khoản 5	5. Bãi nhiệm: Hội đồng quản trị có thể bãi nhiệm Tổng giám đốc khi có đa số thành viên Hội đồng quản trị trở lên biểu quyết tán thành (trong trường hợp này không tính biểu quyết của Tổng giám đốc nếu Tổng giám đốc là thành viên HĐQT) và bổ nhiệm một Tổng giám đốc mới thay thế.	5. Hội đồng quản trị có thể miễn nhiệm Tổng giám đốc khi đa số thành viên Hội đồng quản trị có quyền biểu quyết dự họp tán thành và bổ nhiệm Tổng giám đốc mới thay thế.	Tham chiếu Chương X Điều lệ mẫu
CHƯƠNG IX	CHƯƠNG IX. NHIỆM VỤ CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, TỔNG GIÁM ĐỐC ĐIỀU HÀNH VÀ CÁN BỘ QUẢN LÝ	CHƯƠNG IX. TRÁCH NHIỆM CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT, TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC	Tham chiếu Chương X Điều lệ mẫu
Điều 30	<u>Điều 30. Trách nhiệm của Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và Người quản lý khác</u> <u>Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và Người quản lý khác có trách nhiệm thực hiện các nhiệm vụ của mình, kể cả những nhiệm vụ với tư cách thành viên các tiểu ban của Hội đồng quản trị, một cách trung thực và theo phương thức mà họ tin là vì lợi ích cao nhất của Công ty và với một mức độ cẩn trọng mà một người thân trong thường có khi đảm nhiệm vị trí tương đương và trong hoàn cảnh tương tự.</u>	Bỏ điều này	Đề xuất bỏ Điều này vì đã được quy định tại Điều 34. Trách nhiệm về thiệt hại và bồi thường.
Điều 31	Điều 31. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi 1. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc và Người quản lý khác không được phép sử dụng những cơ hội kinh doanh có thể mang lại lợi ích cho Công ty vì mục đích cá nhân; đồng thời không được sử dụng những thông tin có được nhờ chức vụ của	Điều 33. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi 1. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc và Người quản lý khác phải công khai các lợi ích liên quan theo quy định của Luật Doanh nghiệp và văn bản pháp luật khác có liên quan.	Điều 165 và Điều 168 Luật Doanh nghiệp và tham chiếu phần X Điều lệ mẫu, tham chiếu Điều 42 Điều lệ mẫu

Điều, khoản	Quy định tại Điều lệ hiện hành (năm 2022)	Nội dung đề xuất sửa đổi, bổ sung	Cơ sở/tham chiếu
	<p>mình để tư lợi cá nhân hay để phục vụ lợi ích của tổ chức hoặc cá nhân khác.</p> <p>2. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc và Người quản lý khác có nghĩa vụ thông báo cho Hội đồng quản trị tất cả các lợi ích có thể gây xung đột với lợi ích của Công ty mà họ có thể được hưởng thông qua các pháp nhân kinh tế, các giao dịch hoặc cá nhân khác. Những đối tượng nêu trên chỉ được sử dụng những cơ hội đó khi các thành viên Hội đồng quản trị không có lợi ích liên quan đã quyết định không truy cứu vấn đề này.</p> <p>Theo đó, thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc và Người quản lý khác của công ty phải kê khai các lợi ích liên quan của họ với Công ty trong thời hạn 7 ngày kể từ ngày phát sinh lợi ích liên quan, bao gồm:</p> <p>2.1. Tên, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh, số và ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, nơi đăng ký kinh doanh của doanh nghiệp mà họ có sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần; tỷ lệ và thời điểm sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần đó;</p> <p>2.2. Tên, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh, số và ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, nơi đăng ký kinh doanh của doanh nghiệp mà những người có liên quan của họ cùng sở hữu hoặc sở hữu riêng cổ phần hoặc phần vốn góp trên 35% vốn điều lệ.</p> <p>3. Công ty không được phép cấp các khoản vay, bảo lãnh, hoặc tín dụng cho các thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, Người quản lý khác và gia đình của họ hoặc</p>	<p>2. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, người quản lý khác và những người có liên quan của các thành viên này chỉ được sử dụng những thông tin có được nhờ chức vụ của mình để phục vụ lợi ích của Công ty.</p> <p>3. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc và Người quản lý khác có nghĩa vụ thông báo bằng văn bản cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát về các giao dịch giữa Công ty, công ty con, công ty khác do Công ty nắm quyền kiểm soát trên 50% trở lên vốn điều lệ với chính đối tượng đó hoặc với những người có liên quan của đối tượng đó theo quy định của pháp luật.</p> <p>4. Thành viên Hội đồng quản trị không được biểu quyết đối với giao dịch mang lại lợi ích cho thành viên đó hoặc người có liên quan của thành viên đó theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty.</p> <p>5. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, người quản lý khác và những người có liên quan của các đối tượng này không được sử dụng hoặc tiết lộ cho người khác các thông tin nội bộ để thực hiện các giao dịch có liên quan.</p> <p>6. Giao dịch giữa Công ty với một hoặc nhiều thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, người điều hành khác và các cá nhân, tổ chức có liên quan đến các đối tượng này không bị vô hiệu trong các trường hợp sau đây:</p>	Cơ sở/tham chiếu

Điều, khoản	Quy định tại Điều lệ hiện hành (năm 2022)	Nội dung đề xuất sửa đổi, bổ sung	Cơ sở/tham chiếu
	<p><u>pháp nhân mà những người này có các lợi ích tài chính, trừ khi Đại hội đồng cổ đông có quyết định khác.</u></p> <p>4. <u>Hợp đồng hoặc giao dịch giữa Công ty với một hoặc nhiều thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, Người quản lý khác, hoặc những người liên quan đến họ hoặc công ty, đối tác, hiệp hội, hoặc tổ chức mà một hoặc nhiều thành viên Hội đồng quản trị, Người quản lý khác hoặc những người liên quan đến họ là thành viên, hoặc có liên quan lợi ích tài chính, sẽ không bị vô hiệu hoá vì những mối quan hệ vừa nêu, hoặc vì thành viên Hội đồng quản trị đó hoặc Người quản lý đó có mặt hoặc tham gia vào cuộc họp liên quan hoặc vào Hội đồng quản trị hay tiểu ban đã cho phép thực hiện hợp đồng hoặc giao dịch, hoặc vì những phiếu bầu của họ cũng được tính khi biểu quyết về mục đích đó, nếu:</u></p> <p>4.1. <u>Đối với hợp đồng có giá trị từ dưới 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những yếu tố quan trọng về hợp đồng hoặc giao dịch cũng như các mối quan hệ và lợi ích của Người quản lý khác hoặc thành viên Hội đồng quản trị đã được báo cáo cho Hội đồng quản trị hoặc tiểu ban liên quan. Đồng thời, Hội đồng quản trị hoặc tiểu ban đó đã cho phép thực hiện hợp đồng hoặc giao dịch đó một cách trung thực bằng đa số phiếu tán thành của những thành viên Hội đồng không có lợi ích liên quan; hoặc</u></p> <p>4.2. <u>Đối với những hợp đồng có giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% của tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những yếu tố quan trọng về hợp đồng hoặc giao dịch này cũng như mối quan hệ và lợi ích của</u></p>	<p>6.1. Đối với giao dịch có giá trị nhỏ hơn 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những nội dung quan trọng của hợp đồng hoặc giao dịch cũng như các mối quan hệ và lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, Người điều hành khác đã được báo cáo Hội đồng quản trị và được Hội đồng quản trị thông qua bằng đa số phiếu tán thành của những thành viên Hội đồng quản trị không có lợi ích liên quan.</p> <p>6.2. Đối với giao dịch có giá trị lớn hơn 35% hoặc giao dịch dẫn đến tổng giá trị giao dịch phát sinh trong vòng mười hai (12) tháng kể từ ngày thực hiện giao dịch đầu tiên có giá trị từ 35% trở lên tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những nội dung quan trọng của giao dịch này cũng như mối quan hệ và lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, người điều hành khác đã được công bố cho các cổ đông và được Đại hội đồng cổ đông thông qua bằng phiếu biểu quyết của các cổ đông không có lợi ích liên quan.</p>	

Điều, khoản	Quy định tại Điều lệ hiện hành (năm 2022)	Nội dung đề xuất sửa đổi, bổ sung	Cơ sở/tham chiếu
	<p>Người quản lý khác hoặc thành viên Hội đồng quản trị đã được công bố cho các cổ đông không có lợi ích liên quan có quyền biểu quyết về vấn đề đó, và được số cổ đông không có lợi ích liên quan đại diện cho ít nhất 65% tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông không có lợi ích liên quan chấp thuận:</p> <p>4.3. <u>Hợp đồng hoặc giao dịch đó được một tổ chức tư vấn độc lập cho là công bằng và hợp lý xét trên mọi phương diện liên quan đến các cổ đông của công ty vào thời điểm giao dịch hoặc hợp đồng này được Hội đồng quản trị hoặc một tiểu ban trực thuộc Hội đồng quản trị hay các cổ đông cho phép thực hiện, thông qua hoặc phê chuẩn. Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, Người quản lý khác hay người có liên quan của họ không được phép mua hay bán hoặc giao dịch theo bất cứ hình thức nào khác các cổ phiếu của Công ty hoặc công ty con của Công ty vào thời điểm họ có được những thông tin chắc chắn sẽ gây ảnh hưởng đến giá của những cổ phiếu đó và các cổ đông khác lại không biết những thông tin này.</u></p>		Tham chiếu khoản 1, Điều 48 Điều lệ mẫu
Điều 32, khoản 1	<p>Điều 32. Trách nhiệm về thiệt hại và bồi thường</p> <p>1. <u>Trách nhiệm về thiệt hại. Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và Người quản lý khác vi phạm nghĩa vụ hành động một cách trung thực, không hoàn thành nghĩa vụ của mình với sự cẩn trọng, mẫn cán và năng lực chuyên môn phải chịu trách nhiệm về thiệt hại do hành vi vi phạm của mình gây ra.</u></p>	<p>Điều 34. Trách nhiệm về thiệt hại và bồi thường</p> <p>1. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc và Người điều hành khác vi phạm nghĩa vụ, trách nhiệm trung thực và cẩn trọng, không hoàn thành nghĩa vụ của mình phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại do hành vi vi phạm của mình gây ra..</p>	Tham chiếu khoản 1, Điều 48 Điều lệ mẫu
Điều 32, khoản 2	<p>2. Bồi thường. Công ty sẽ bồi thường cho những người đã, đang và có nguy cơ trở thành một bên liên quan trong các vụ khiếu nại, kiện, khởi tố đã, đang hoặc có thể sẽ</p>	<p>2. Công ty bồi thường cho những người đã, đang hoặc có thể trở thành một bên liên quan trong các vụ khiếu nại, kiện, khởi tố (bao gồm các vụ việc dân sự, hành</p>	Tham chiếu khoản 2, 3 Điều 48 Điều lệ mẫu

Điều, khoản	Quy định tại Điều lệ hiện hành (năm 2022)	Nội dung đề xuất sửa đổi, bổ sung	Cơ sở/tham chiếu
CHƯƠNG X	<p>được triển hành cho dù đây là vụ việc dân sự, hành chính (mà không phải là việc kiện tụng do Công ty thực hiện hay thuộc quyền khởi xướng của Công ty) nếu người đó đã hoặc đang là thành viên Hội đồng quản trị, Người quản lý, nhân viên hoặc là đại diện được Công ty (hay công ty con của Công ty) ủy quyền, hoặc người đó đã hoặc đang làm theo yêu cầu của Công ty (hay công ty con của Công ty) với tư cách thành viên Hội đồng quản trị, Người quản lý, nhân viên hoặc đại diện được ủy quyền của một công ty, đối tác, liên doanh, tín thác hoặc pháp nhân khác.</p> <p>Những chi phí được bồi thường bao gồm: các chi phí phát sinh (kể cả phí thuê luật sư), chi phí phán quyết, các khoản tiền phạt, các khoản phải thanh toán phát sinh trong thực tế hoặc được coi là mức hợp lý khi giải quyết những vụ việc này trong khuôn khổ luật pháp cho phép, với điều kiện là người đó đã hành động trung thực, cẩn trọng, miễn cán và với năng lực chuyên môn theo phương thức mà người đó tin tưởng rằng đó là vì lợi ích hoặc không chống lại lợi ích cao nhất của Công ty, trên cơ sở tuân thủ luật pháp và không có sự phát hiện hay xác nhận nào rằng người đó đã vi phạm những trách nhiệm của mình. Công ty có quyền mua bảo hiểm cho những người đó để tránh những trách nhiệm bồi thường nêu trên.</p>	<p>chính và không phải là các vụ kiện do Công ty là người khởi kiện) nếu người đó đã hoặc đang là thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, Người điều hành khác, nhân viên hoặc là đại diện được Công ty uỷ quyền, đã hoặc đang thực hiện nhiệm vụ theo ủy quyền của Công ty, hành động trung thực, cẩn trọng vì lợi ích của Công ty trên cơ sở tuân thủ luật pháp và không có bằng chứng xác nhận rằng người đó đã vi phạm trách nhiệm của mình.</p> <p>3. Chi phí bồi thường bao gồm chi phí phán quyết, các khoản tiền phạt, các khoản phải thanh toán phát sinh trong thực tế (kể cả phí thuê luật sư) khi giải quyết những vụ việc này trong khuôn khổ luật pháp cho phép. Công ty có thể mua bảo hiểm cho những người này để tránh những trách nhiệm bồi thường nêu trên.</p>	
CHƯƠNG X	CHƯƠNG X. BAN KIỂM SOÁT	CHƯƠNG X. BAN KIỂM SOÁT	
		Điều 35. Ứng cử, đề cử thành viên Ban kiểm soát (Kiểm soát viên)	Đề xuất bổ sung Điều này tham chiếu Điều 36, Điều lệ mẫu

Điều, khoản	Quy định tại Điều lệ hiện hành (năm 2022)	Nội dung đề xuất sửa đổi, bổ sung	Cơ sở/tham chiếu
Điều 33, khoản 1	<p>Điều 33. Thành viên Ban kiểm soát</p> <p>1. Số lượng thành viên Ban Kiểm soát có ba (03) người. Trong Ban Kiểm soát phải có ít nhất một thành viên là người có chuyên môn về tài chính kế toán. Thành viên này không phải là nhân viên trong bộ phận kế toán, tài chính của công ty và không phải là thành viên hay nhân viên của công ty kiểm toán độc lập đang thực hiện việc kiểm toán các báo cáo tài chính của công ty. Ban Kiểm soát phải bầu một thành viên làm Trưởng ban. Trưởng Ban Kiểm soát có các quyền và trách nhiệm sau:</p> <p>1.1. Triệu tập cuộc họp Ban Kiểm soát và hoạt động với tư cách là Trưởng ban kiểm soát;</p> <p>1.2. Yêu cầu Công ty cung cấp các thông tin liên quan để báo cáo các thành viên của Ban kiểm soát;</p>	<p>1. Việc ứng cử, đề cử thành viên Ban kiểm soát được thực hiện tương tự quy định tại khoản 1, khoản 2, Điều 23 Điều lệ này.</p> <p>2. Trường hợp số lượng các ứng viên Ban kiểm soát thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết, Ban kiểm soát đương nhiệm có thể giới thiệu thêm ứng viên hoặc tổ chức đề cử theo quy định tại Điều lệ công ty, Quy chế nội bộ về quản trị công ty và Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát. Việc Ban kiểm soát đương nhiệm giới thiệu thêm ứng viên phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu thành viên Ban kiểm soát theo quy định của pháp luật.</p>	Khoản 2, Điều 168 Luật Doanh nghiệp và tham chiếu Điều 38 Điều lệ mẫu.
		<p>Điều 36. Thành phần Ban kiểm soát</p> <p>1. Số lượng thành viên Ban Kiểm soát có ba (03) người. Nhiệm kỳ của thành viên Ban kiểm soát không quá (05) năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.</p> <p>2. Thành viên Ban kiểm soát phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Điều 169 của Luật Doanh nghiệp và không thuộc các trường hợp sau:</p> <p>2.1. Làm việc trong bộ phận kế toán, tài chính của Công ty;</p> <p>2.2. Là thành viên hay nhân viên của công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Công ty trong ba (03) năm liền trước đó.</p> <p>3. Thành viên Ban Kiểm soát bị miễn nhiệm trong các trường hợp sau:</p>	

Điều, khoản	Quy định tại Điều lệ hiện hành (năm 2022)	Nội dung đề xuất sửa đổi, bổ sung	Cơ sở/tham chiếu
	1.3. Lập và ký báo cáo của Ban Kiểm soát sau khi đã tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị để trình lên Đại hội đồng cổ đông.	<p>3.1. Không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên Ban kiểm soát theo quy định tại khoản 2 Điều này.</p> <p>3.2. Có đơn từ chức và được chấp thuận.</p> <p>4. Thành viên Ban kiểm soát bị bãi nhiệm trong các trường hợp sau:</p> <p>4.1. Không hoàn thành nhiệm vụ, công việc được phân công.</p> <p>4.2. Không thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình trong sáu (06) tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng.</p> <p>4.3. Vi phạm nhiều lần, vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ của thành viên Ban kiểm soát theo quy định của Luật Doanh nghiệp.</p> <p>4.4. Trường hợp khác theo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông.</p>	
		<p>Điều 37. Trưởng Ban kiểm soát</p> <p>1. Trưởng Ban kiểm soát do Ban kiểm soát bầu trong số các thành viên Ban kiểm soát; việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm theo nguyên tắc đa số. Ban kiểm soát phải có hơn một nửa số thành viên thường trú ở Việt Nam. Trưởng Ban kiểm soát phải có bằng tốt nghiệp đại học trở lên thuộc một trong các chuyên ngành kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành có liên quan đến hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp.</p> <p>2. Quyền và nghĩa vụ của Trưởng Ban kiểm soát:</p> <p>2.1. Triệu tập cuộc họp Ban kiểm soát.</p>	Đề xuất quy định riêng về Trưởng Ban kiểm soát tách khỏi quy định tại khoản 1. Tham chiếu Điều 38 Điều lệ mẫu

Điều, khoản	Quy định tại Điều lệ hiện hành (năm 2022)	Nội dung đề xuất sửa đổi, bổ sung	Cơ sở/tham chiếu
Điều 34	<p>Điều 34. Quyền hạn và trách nhiệm Ban kiểm soát</p> <p>1. Công ty phải có Ban kiểm soát và Ban kiểm soát sẽ có quyền hạn và nghĩa vụ quy định tại Điều 165 của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này, chủ yếu là những quyền hạn và trách nhiệm sau đây:</p> <p>1.1. Thảo luận với kiểm toán viên độc lập về tính chất và phạm vi kiểm toán trước khi bắt đầu việc kiểm toán;</p> <p>1.2. Xin ý kiến tư vấn chuyên nghiệp độc lập hoặc tư vấn về pháp lý và đảm bảo sự tham gia của những chuyên gia bên ngoài công ty với kinh nghiệm trình độ chuyên môn phù hợp vào công việc của công ty nếu thấy cần thiết;</p> <p>1.3. Kiểm tra các báo cáo tài chính hàng năm, sáu tháng và hàng quý trước khi đệ trình Hội đồng quản trị;</p> <p>1.4. Thảo luận về những vấn đề khó khăn và tồn tại phát hiện từ các kết quả kiểm toán giữa kỳ hoặc cuối kỳ cũng như mọi vấn đề mà kiểm toán viên độc lập muốn bàn bạc;</p> <p>1.5. Xem xét thư quản lý của kiểm toán viên độc lập và ý kiến phản hồi của ban lãnh đạo quản lý công ty;</p> <p>1.6. Xem xét báo cáo của công ty về các hệ thống kiểm soát nội bộ trước khi Hội đồng quản trị chấp thuận;</p> <p>1.7. Xem xét những kết quả điều tra nội bộ và ý kiến phản hồi của ban lãnh đạo quản lý Công ty.</p> <p>Nhiệm kỳ của Ban kiểm soát là 5 năm.</p>	<p>2.2. Yêu cầu Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người điều hành khác cung cấp các thông tin liên quan để báo cáo Ban kiểm soát.</p> <p>2.3. Lập và ký báo cáo của Ban kiểm soát sau khi đã tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị để trình Đại hội đồng cổ đông.</p>	Tham chiếu Điều 39 Điều lệ mẫu
Điều 38. Quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm soát	<p>Ban kiểm soát có các quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 170 Luật Doanh nghiệp và các quyền, nghĩa vụ sau:</p> <p>1. Đề xuất, kiến nghị Đại hội đồng cổ đông phê duyệt danh sách tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính của Công ty; quyết định tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra hoạt động của Công ty, bãi miễn kiểm toán viên được chấp thuận khi xét thấy cần thiết;</p> <p>2. Chịu trách nhiệm trước cổ đông về hoạt động giám sát của mình.</p> <p>3. Giám sát tình hình tài chính của Công ty, việc tuân thủ pháp luật trong hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, người quản lý khác.</p> <p>4. Đảm bảo phối hợp hoạt động với Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và cổ đông.</p> <p>5. Trường hợp phát hiện hành vi vi phạm pháp luật hoặc vi phạm Điều lệ công ty của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người điều hành khác của Công ty, Ban kiểm soát phải điều hành bằng văn bản cho Hội đồng quản trị trong vòng 48</p>		

Điều, khoản	Quy định tại Điều lệ hiện hành (năm 2022)	Nội dung đề xuất sửa đổi, bổ sung	Cơ sở/tham chiếu
	<p>2. Thành viên của Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và Người quản lý phải cung cấp tất cả các thông tin và tài liệu liên quan đến hoạt động của Công ty theo yêu cầu của Ban kiểm soát.</p>	<p>giờ, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả.</p> <p>6. Xây dựng Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát và trình Đại hội đồng cổ đông thông qua.</p> <p>7. Báo cáo tại Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điều 290 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán.</p> <p>8. Có quyền tiếp cận hồ sơ, tài liệu của Công ty lưu giữ tại trụ sở chính, chi nhánh và địa điểm khác; có quyền đến địa điểm làm việc của người quản lý và nhân viên của Công ty trong giờ làm việc.</p> <p>9. Có quyền yêu cầu Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người quản lý khác cung cấp đầy đủ, chính xác, kịp thời thông tin, tài liệu về công tác quản lý, điều hành và hoạt động kinh doanh của Công ty.</p> <p>10. Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật.</p>	
Điều 34, khoản 3	<p>3. Sau khi đã tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát có thể ban hành các quy định về các cuộc họp của Ban kiểm soát và cách thức hoạt động của Ban kiểm soát. Ban kiểm soát phải họp tối thiểu hai lần một năm và số lượng thành viên tham gia các cuộc họp tối thiểu là hai người.</p>	<p>Điều 39. Cuộc họp của Ban kiểm soát</p> <p>1. Ban kiểm soát phải họp ít nhất hai (02) lần trong một năm, số lượng thành viên tham dự họp ít nhất là hai phần ba (2/3) số thành viên Ban kiểm soát. Biên bản họp Ban kiểm soát được lập chi tiết và rõ ràng. Người ghi biên bản và các thành viên Ban kiểm soát tham dự họp phải ký tên vào biên bản cuộc họp. Các biên bản họp của Ban kiểm soát phải được lưu giữ nhằm xác định trách nhiệm của từng thành viên Ban kiểm soát.</p>	<p>Đề xuất tách riêng quy định về họp ban kiểm soát từ Điều 34 trên cơ sở tham chiếu Điều 40 Điều lệ mẫu</p>

Điều, khoản	Quy định tại Điều lệ hiện hành (năm 2022)	Nội dung đề xuất sửa đổi, bổ sung	Cơ sở/tham chiếu
Điều 34, khoản 4	<p>4. Tổng mức thù lao cho của Kiểm soát viên do Đại Hội đồng cổ đông quyết định. Kiểm soát viên được thanh toán các khoản chi phí đi lại, khách sạn và các chi phí phát sinh một cách hợp lý khi họ tham gia các cuộc họp của Ban kiểm soát hoặc liên quan đến hoạt động kinh doanh của Công ty.</p>	<p>2. Ban kiểm soát có quyền yêu cầu thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận tham dự và trả lời các vấn đề cần được làm rõ.</p> <p>Điều 40. Tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Ban kiểm soát</p> <p>1. Thành viên Ban kiểm soát được trả tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Đại hội đồng cổ đông quyết định tổng mức tiền lương, thù lao, thưởng, lợi ích khác và ngân sách hoạt động hàng năm của Ban kiểm soát.</p> <p>2. Thành viên Ban kiểm soát được thanh toán chi phí ăn, ở, đi lại, chi phí sử dụng dịch vụ tư vấn độc lập với mức hợp lý. Tổng mức thù lao và chi phí này không vượt quá tổng ngân sách hoạt động hàng năm của Ban kiểm soát đã được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có quyết định khác.</p> <p>3. Tiền lương và chi phí hoạt động của Ban kiểm soát được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, quy định khác của pháp luật có liên quan và phải được lập thành mục riêng trong báo cáo tài chính hàng năm của Công ty.</p>	<p>Đề xuất tách riêng quy định về Tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên ban kiểm soát từ khoản 4 Điều 34 thành Điều 40 trên cơ sở tham chiếu Điều 41 Điều lệ mẫu</p>
CHƯƠNG XI	CHƯƠNG XI. QUYỀN TRA CỨU SỐ SÁCH VÀ HỒ SƠ CÔNG TY	CHƯƠNG XI. QUYỀN TRA CỨU SỐ SÁCH VÀ HỒ SƠ CÔNG TY	
Điều 35, khoản 1	<p>Điều 35. Quyền tra cứu số sách và hồ sơ</p> <p>1. Cổ đông <u>hoặc nhóm cổ đông</u> trong Khoản 3, Điều 10 của Điều lệ này có quyền <u>trực tiếp hoặc qua luật sư</u> được <u>họ</u> ủy quyền hoặc người được ủy quyền, gửi văn</p>	<p>Điều 41. Quyền tra cứu số sách và hồ sơ</p> <p>1. Cổ đông phổ thông có quyền tra cứu số sách và hồ sơ, cụ thể như sau:</p>	<p>Điều 11 Luật Doanh nghiệp và tham chiếu Điều 49 Điều lệ mẫu</p>

Điều, khoản	Quy định tại Điều lệ hiện hành (năm 2022)	Nội dung đề xuất sửa đổi, bổ sung	Cơ sở/tham chiếu
	<p><u>bản yêu cầu được kiểm tra trong giờ làm việc tại trụ sở chính của Công ty danh sách cổ đông, các biên bản họp của Đại hội đồng cổ đông và sao chụp hoặc trích lục các hồ sơ đó. Yêu cầu kiểm tra do phía luật sư đại diện hoặc đại diện được ủy quyền khác của cổ đông phải kèm theo giấy ủy quyền của cổ đông mà người đó đại diện hoặc một bản sao công chứng của giấy ủy quyền này.</u></p> <p>2. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc và Người quản lý khác có quyền kiểm tra sổ đăng ký cổ đông của Công ty, danh sách cổ đông và những sổ sách và hồ sơ khác của Công ty vì những mục đích liên quan tới chức vụ của mình với điều kiện các thông tin này phải được bảo mật.</p> <p>3. Công ty sẽ lưu Điều lệ đầu tiên và những bản sửa đổi bổ sung Điều lệ, Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, các quy chế, các tài liệu chứng minh quyền sở hữu tài sản, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị, các báo cáo của Ban kiểm soát, báo cáo tài chính hàng năm, sổ sách kế toán và bất cứ giấy tờ nào khác theo quy định của pháp luật tại trụ sở chính hoặc một nơi khác với điều kiện là các cổ đông và cơ quan đăng ký kinh doanh được thông báo về địa điểm lưu trữ các giấy tờ này.</p> <p>4. Cổ đông có quyền được Công ty cấp một bản Điều lệ công ty miễn phí. Trường hợp Công ty có website riêng, Điều lệ này phải được công bố trên website đó.</p> <p>5. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sau khi thực hiện quyền này phải chịu trách nhiệm trước công ty và pháp luật liên quan về tính bảo mật các thông tin đã tra cứu.</p>	<p>1.1. Cổ đông phổ thông có quyền xem xét, tra cứu và trích lục thông tin về tên và địa chỉ liên lạc trong danh sách cổ đông có quyền biểu quyết; yêu cầu sửa đổi thông tin không chính xác của mình; xem xét, tra cứu, trích lục hoặc sao chụp Điều lệ công ty, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và nghị quyết Đại hội đồng cổ đông;</p> <p>1.2. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 05% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền xem xét, tra cứu, trích lục sổ biên bản và nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị, báo cáo tài chính giữa năm và hàng năm, báo cáo của Ban kiểm soát, hợp đồng, giao dịch phải thông qua Hội đồng quản trị và tài liệu khác, trừ tài liệu liên quan đến bí mật thương mại, bí mật kinh doanh của Công ty.</p> <p>2. Trường hợp đại diện được ủy quyền của cổ đông và nhóm cổ đông yêu cầu tra cứu sổ sách và hồ sơ thì phải kèm theo giấy ủy quyền của cổ đông và nhóm cổ đông mà người đó đại diện hoặc bản sao công chứng của giấy ủy quyền này.</p> <p>3. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc và Người điều hành khác có quyền tra cứu sổ đăng ký cổ đông của Công ty, danh sách cổ đông và những sổ sách và hồ sơ khác của Công ty vì những mục đích liên quan tới chức vụ của mình với điều kiện các thông tin này phải được bảo mật.</p> <p>4. Công ty sẽ phải lưu Điều lệ này và những bản sửa đổi bổ sung Điều lệ, Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, các quy chế, các tài liệu chứng minh quyền sở</p>	

Điều, khoản	Quy định tại Điều lệ hiện hành (năm 2022)	Nội dung đề xuất sửa đổi, bổ sung	Cơ sở/tham chiếu
CHƯƠNG XII	CHƯƠNG XII. CÔNG ĐOÀN	CHƯƠNG XII. CÔNG NHÂN VIÊN VÀ CÔNG ĐOÀN	Tham chiếu Chương XII Điều lệ mẫu
Điều 36	<p>Điều 36. Công đoàn</p> <p>Tổng giám đốc phải lập kế hoạch để Hội đồng quản trị thông qua các vấn đề liên quan đến việc tuyển dụng, lao động, buộc thôi việc, lương, bảo hiểm xã hội, phúc lợi, khen thưởng và kỷ luật đối với Người quản lý khác và người lao động cũng như những mối quan hệ của Công ty với các tổ chức công đoàn được công nhận theo các chuẩn mực, thông lệ và chính sách quản lý tốt nhất, những thông lệ và chính sách quy định tại Điều lệ này, các quy chế của Công ty và quy định pháp luật hiện hành.</p>	<p>Điều 42. Công nhân viên và công đoàn</p> <p>1. Tổng giám đốc phải lập kế hoạch để Hội đồng quản trị thông qua các vấn đề liên quan đến việc tuyển dụng, cho người lao động nghỉ việc, tiền lương, bảo hiểm xã hội, phúc lợi, khen thưởng và kỷ luật đối với người điều hành doanh nghiệp và người lao động.</p> <p>2. Tổng giám đốc phải lập kế hoạch để Hội đồng quản trị thông qua các vấn đề liên quan đến mỗi quan hệ của Công ty với các tổ chức công đoàn được công nhận theo các chuẩn mực, thông lệ và chính sách quản lý tốt nhất, những thông lệ và chính sách quy định tại Điều lệ này, các quy chế của Công ty và quy định pháp luật hiện hành.</p>	Tham chiếu Điều 50 Điều lệ mẫu
CHƯƠNG XIII	CHƯƠNG XIII. PHÂN CHIA LỢI NHUẬN	CHƯƠNG XIII. PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN	Tham chiếu Chương XIII Điều lệ mẫu
Điều 37 và Điều 38	<p>Điều 37. Cổ tức</p> <p>1. Theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông và theo quy định của pháp luật, cổ tức sẽ được công bố và chi trả từ</p>	Điều 43. Phân phối lợi nhuận	Đề xuất gộp Điều 37 và Điều 38, thay đổi thứ tự các điều tiếp theo.

Điều, khoản	Quy định tại Điều lệ hiện hành (năm 2022)	Nội dung đề xuất sửa đổi, bổ sung	Cơ sở/tham chiếu
	<p>lợi nhuận giữ lại của Công ty nhưng không được vượt quá mức do Hội đồng quản trị đề xuất sau khi đã tham khảo ý kiến cổ đông tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.</p> <p>2. Hội đồng quản trị có thể quyết định thanh toán cổ tức giữa kỳ nếu xét thấy việc chi trả này phù hợp với khả năng sinh lời của Công ty.</p> <p>3. Công ty không trả lãi cho khoản tiền trả cổ tức hay khoản tiền chi trả liên quan tới một loại cổ phiếu.</p> <p>4. Hội đồng quản trị có thể đề nghị Đại hội đồng cổ đông thông qua việc thanh toán toàn bộ hoặc một phần cổ tức bằng những tài sản cụ thể (như cổ phiếu hoặc trái phiếu được thanh toán đầy đủ do công ty khác phát hành) và Hội đồng quản trị là cơ quan thực thi nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông về vấn đề này.</p> <p>5. Trường hợp cổ tức hay những khoản tiền khác liên quan tới một loại cổ phiếu được chi trả bằng tiền mặt, Công ty sẽ phải chi trả bằng tiền đồng Việt Nam và có thể thanh toán bằng séc hoặc lệnh trả tiền gửi qua bưu điện tới địa chỉ đã đăng ký của cổ đông thụ hưởng và trường hợp có rủi ro phát sinh (từ địa chỉ đã đăng ký của cổ đông) thì cổ đông đó phải chịu. Ngoài ra, các khoản tiền trả cổ tức hoặc các khoản tiền khác được chi trả bằng tiền mặt liên quan tới một loại cổ phiếu có thể được chi trả bằng chuyển khoản ngân hàng khi Công ty đã có thông tin chi tiết về ngân hàng của cổ đông nhằm cho phép Công ty thực hiện được việc chuyển khoản trực tiếp vào tài khoản ngân hàng của cổ đông. Trường hợp Công ty đã chuyển khoản theo đúng các thông tin chi tiết về ngân hàng do cổ đông cung cấp mà cổ đông đó không nhận</p>	<p>1. Đại hội đồng cổ đông quyết định mức chi trả cổ tức và hình thức chi trả cổ tức hàng năm từ lợi nhuận được giữ lại của Công ty.</p> <p>2. Công ty không thanh toán lãi cho khoản tiền trả cổ tức hay khoản tiền chi trả liên quan tới một loại cổ phần.</p> <p>3. Hội đồng quản trị có thể kiến nghị Đại hội đồng cổ đông thông qua việc thanh toán toàn bộ hoặc một phần cổ tức bằng cổ phiếu và Hội đồng quản trị là cơ quan có quyền thực thi quyết định này.</p> <p>4. Trường hợp cổ tức hay những khoản tiền khác liên quan tới một loại cổ phiếu được chi trả bằng tiền mặt, Công ty phải chi trả bằng tiền đồng Việt Nam. Việc chi trả có thể thực hiện trực tiếp hoặc thông qua các ngân hàng trên cơ sở các thông tin chi tiết về tài khoản ngân hàng do cổ đông cung cấp. Trường hợp Công ty đã chuyển khoản theo đúng các thông tin chi tiết về ngân hàng do cổ đông cung cấp mà cổ đông đó không nhận được tiền, Công ty không phải chịu trách nhiệm về khoản tiền Công ty đã chuyển cho cổ đông này. Việc thanh toán cổ tức đối với các cổ phiếu niêm yết/đăng ký giao dịch tại Sở giao dịch chứng khoán có thể được tiến hành thông qua công ty chứng khoán hoặc Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam.</p> <p>5. Căn cứ vào Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, Hội đồng quản trị thông qua nghị quyết xác định một ngày cụ thể để chốt danh sách cổ đông. Căn cứ theo ngày đó, những người đăng ký với tư cách cổ đông hoặc người sở hữu các chứng khoán khác được quyền nhận</p>	<p>Tham chiếu Điều 51 Điều lệ mẫu Việc sửa đổi này làm cho quy định gọn, súc tích và hợp lý hơn.</p>

Điều, khoản	Quy định tại Điều lệ hiện hành (năm 2022)	Nội dung đề xuất sửa đổi, bổ sung	Cơ sở/tham chiếu
	<p>được tiền, Công ty không phải chịu trách nhiệm về khoản tiền Công ty chuyển cho cổ đông thụ hưởng.</p> <p>6. Trường hợp có sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị có thể quyết định và thông báo rằng những người sở hữu cổ phần phổ thông được nhận cổ tức bằng các cổ phần phổ thông thay cho cổ tức bằng tiền mặt. Các cổ phần bổ sung để trả cổ tức này được ghi là những cổ phần đã thanh toán đầy đủ tiền mua trên cơ sở giá trị của các cổ phần trả cổ tức phải tương đương với số tiền mặt trả cổ tức.</p> <p>7. Hội đồng quản trị có thể thông qua nghị quyết quy định một ngày cụ thể làm ngày khoá sổ hoạt động kinh doanh của Công ty. Căn cứ theo ngày đó, những người đăng ký với tư cách cổ đông hoặc người sở hữu các chứng khoán khác được quyền nhận cổ tức, lãi suất, phân chia lợi nhuận, nhận cổ phiếu, nhận thông báo hoặc tài liệu khác. Ngày khoá sổ này có thể vào cùng ngày hoặc vào thời điểm trước khi các quyền lợi đó được thực hiện. Điều này không ảnh hưởng tới quyền lợi của hai bên trong giao dịch chuyển nhượng cổ phiếu hoặc chứng khoán liên quan.</p> <p>Điều 38. Các vấn đề khác liên quan đến phân phối lợi nhuận</p> <p>Các vấn đề khác liên quan đến phân phối lợi nhuận được thực hiện theo quy định của pháp luật.</p>	<p>cổ tức bằng tiền mặt hoặc cổ phiếu, nhận thông báo hoặc tài liệu khác.</p> <p>6. Các vấn đề khác liên quan đến phân phối lợi nhuận được thực hiện theo quy định của pháp luật.</p>	
CHƯƠNG XIV	CHƯƠNG XIV. TÀI KHOẢN NGÂN HÀNG, QUỸ DỰ TRỮ, NĂM TÀI CHÍNH, HỆ THỐNG KẾ TOÁN	CHƯƠNG XIV. TÀI KHOẢN NGÂN HÀNG, QUỸ DỰ TRỮ, NĂM TÀI CHÍNH, CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN	Tham chiếu Chương XIV Điều lệ mẫu
Điều 39	Điều 39. Tài khoản ngân hàng	Điều 44. Tài khoản ngân hàng	Tham chiếu Điều 52 Điều lệ mẫu

Điều, khoản	Quy định tại Điều lệ hiện hành (năm 2022)	Nội dung đề xuất sửa đổi, bổ sung	Cơ sở/tham chiếu
Điều 40	<p>1. Công ty sẽ mở tài khoản tại các ngân hàng Việt Nam hoặc tại các ngân hàng nước ngoài được phép hoạt động tại Việt Nam.</p> <p>2. Theo sự chấp thuận trước của cơ quan có thẩm quyền, trong trường hợp cần thiết, Công ty có thể mở tài khoản ngân hàng ở nước ngoài theo các quy định của pháp luật.</p> <p>3. Công ty sẽ tiến hành tất cả các khoản thanh toán và giao dịch kế toán thông qua các tài khoản tiền Việt Nam hoặc ngoại tệ tại các ngân hàng mà Công ty mở tài khoản.</p>	<p>1. Công ty mở tài khoản tại các ngân hàng Việt Nam hoặc tại các chi nhánh ngân hàng nước ngoài được phép hoạt động tại Việt Nam.</p> <p>2. Theo sự chấp thuận trước của cơ quan có thẩm quyền, trong trường hợp cần thiết, Công ty có thể mở tài khoản ngân hàng ở nước ngoài theo các quy định của pháp luật.</p> <p>3. Công ty sẽ tiến hành tất cả các khoản thanh toán và giao dịch kế toán thông qua các tài khoản tiền Việt Nam hoặc ngoại tệ tại các ngân hàng mà Công ty mở tài khoản.</p>	Thay đổi số thứ tự Điều
Điều 41	<p>Điều 40. Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ</p> <p>Hàng năm, Công ty sẽ phải trích từ lợi nhuận sau thuế của mình một khoản vào quỹ dự trữ để bổ sung vốn điều lệ theo quy định của pháp luật. Khoản trích này không được vượt quá 5% lợi nhuận sau thuế của Công ty và được trích cho đến khi quỹ dự trữ bằng 10% vốn điều lệ của Công ty.</p>	<p>Điều 45. Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ</p> <p>Hàng năm, Công ty sẽ phải trích từ lợi nhuận sau thuế của mình một khoản vào quỹ dự trữ để bổ sung vốn điều lệ theo quy định của pháp luật. Khoản trích này không được vượt quá 5% lợi nhuận sau thuế của Công ty và được trích cho đến khi quỹ dự trữ bằng 10% vốn điều lệ của Công ty.</p>	Tham chiếu Điều 53 Điều lệ mẫu
Điều 42	<p>Điều 41. Năm tài khóa</p> <p>Năm tài khóa của Công ty bắt đầu từ ngày đầu tiên của tháng Một hàng năm và kết thúc vào ngày thứ 31 của tháng 12 cùng năm. Năm tài chính đầu tiên bắt đầu từ ngày được cấp giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (hoặc giấy phép kinh doanh đối với những ngành nghề kinh doanh có điều kiện) và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 của năm đó (năm được cấp giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp).</p>	<p>Điều 46. Năm tài chính</p> <p>Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày đầu tiên của tháng Một hàng năm và kết thúc vào ngày thứ 31 của tháng 12 cùng năm. Năm tài chính đầu tiên bắt đầu từ ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (hoặc giấy phép kinh doanh đối với những ngành, nghề kinh doanh có điều kiện) và kết thúc vào ngày thứ 31 của tháng 12 ngay sau ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (giấy phép kinh doanh) đó.</p>	Tham chiếu Điều 54 Điều lệ mẫu
Điều 42	Điều 42. Hệ thống kế toán	Điều 47. Chế độ kế toán	Tham chiếu Điều 54 Điều lệ mẫu

Điều, khoản	Quy định tại Điều lệ hiện hành (năm 2022)	Nội dung đề xuất sửa đổi, bổ sung	Cơ sở/tham chiếu
CHƯƠNG XV	<p>1. Hệ thống kế toán Công ty sử dụng là Hệ thống Kế toán Việt Nam (VAS) hoặc hệ thống kế toán khác được Bộ Tài chính chấp thuận.</p> <p>2. Công ty lập sổ sách kế toán bằng tiếng Việt. Công ty sẽ lưu giữ hồ sơ kế toán theo loại hình của các hoạt động kinh doanh mà Công ty tham gia. Những hồ sơ này phải chính xác, cập nhật, có hệ thống và phải đủ để chứng minh và giải trình các giao dịch của Công ty.</p> <p>3. Công ty sử dụng đồng Việt Nam làm đơn vị tiền tệ dùng trong kế toán.</p>	<p>1. Chế độ kế toán Công ty sử dụng là chế độ kế toán doanh nghiệp hoặc chế độ kế toán đặc thù được cơ quan có thẩm quyền chấp thuận.</p> <p>2. Công ty lập sổ sách kế toán bằng tiếng Việt và lưu giữ hồ sơ kế toán theo quy định pháp luật về kế toán và pháp luật liên quan. Những hồ sơ này phải chính xác, cập nhật, có hệ thống và phải đủ để chứng minh và giải trình các giao dịch của Công ty.</p> <p>3. Công ty sử dụng đồng Việt Nam làm đơn vị tiền tệ dùng trong kế toán.</p>	Tham chiếu chương XV Điều lệ mẫu
Điều 43	<p>Điều 43. Báo cáo hàng năm, sáu tháng và hàng quý và công khai thông tin</p> <p>1. Báo cáo tài chính bao gồm bảng cân đối kế toán, báo cáo kết quả hoạt động sản xuất, kinh doanh, báo cáo lưu chuyển tiền tệ và thuyết minh báo cáo tài chính. Báo cáo tài chính năm phải bao gồm báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh phản ánh một cách trung thực và khách quan tình hình về lãi và lỗ của Công ty trong năm tài chính và bản cân đối kế toán phản ánh một cách trung thực và khách quan tình hình các hoạt động của Công ty cho đến thời điểm lập báo cáo, báo cáo lưu chuyển tiền tệ và thuyết minh báo cáo tài chính.</p> <p>2. Trường hợp là công ty mẹ thì phải có báo cáo tài chính hợp nhất theo quy định của pháp luật về kế toán.</p> <p>3. Công ty phải lập bản báo cáo tài chính hàng quý, sáu tháng và hàng năm theo quy định của pháp luật.</p>	<p>CHƯƠNG XV. BÁO CÁO TÀI CHÍNH, BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN, TRÁCH NHIỆM CÔNG BỐ THÔNG TIN</p> <p>Điều 48. Báo cáo tài chính năm, bán niên và quý</p> <p>1. Công ty phải lập bản báo cáo tài chính năm và báo cáo tài chính năm phải được kiểm toán theo quy định tại Điều 50 Điều lệ này và quy định pháp luật. Công ty công bố báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán theo quy định của pháp luật và nộp cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền.</p> <p>2. Báo cáo tài chính năm phải bao gồm đầy đủ các báo cáo, phụ lục, thuyết minh theo quy định pháp luật về kế toán doanh nghiệp. Báo cáo tài chính năm phải phản ánh một cách trung thực và khách quan tình hình hoạt động của Công ty.</p> <p>3. Công ty phải lập và công bố các báo cáo tài chính bán niên đã soát xét và báo cáo tài chính quý theo</p>	Tham chiếu Điều 55 Điều lệ mẫu

Điều, khoản	Quy định tại Điều lệ hiện hành (năm 2022)	Nội dung đề xuất sửa đổi, bổ sung	Cơ sở/tham chiếu
	<p>4. Trong thời hạn 90 ngày kể từ khi kết thúc năm tài chính, Công ty phải nộp báo cáo tài chính đã kiểm toán bởi tổ chức kiểm toán độc lập được chấp thuận và đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định của pháp luật về kế toán và pháp luật có liên quan.</p> <p>5. Bản tóm tắt nội dung báo cáo tài chính hàng năm đã được kiểm toán phải được gửi tới tất cả các cổ đông. Trường hợp Công ty có website riêng, các báo cáo tài chính được kiểm toán, báo cáo quý và sáu tháng của Công ty phải được công bố trên website đó.</p> <p>6. Các tổ chức, cá nhân là cổ đông nếu quan tâm đều được quyền kiểm tra hoặc sao chụp bản báo cáo tài chính hàng năm đã được kiểm toán, báo cáo sáu tháng và hàng quý trong giờ làm việc của Công ty, tại trụ sở chính của Công ty và phải trả một mức phí hợp lý cho việc sao chụp.</p>	<p>Nội dung đề xuất sửa đổi, bổ sung</p> <p>các quy định của pháp luật và nộp cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền.</p>	
		<p>Điều 49. Báo cáo thường niên Công ty phải lập và công bố Báo cáo thường niên theo các quy định của pháp luật.</p>	<p>Đề xuất bổ sung Điều này trên cơ sở tham chiếu Điều 56 Điều lệ mẫu</p>
<p>CHƯƠNG XVI</p> <p>Điều 44</p>	<p>CHƯƠNG XVI. KIỂM TOÁN CÔNG TY</p> <p>Điều 44. Kiểm toán</p> <p>1. <u>Tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên sẽ chỉ định hoặc ủy quyền cho Hội đồng quản trị lựa chọn một công ty kiểm toán độc lập, hoạt động hợp pháp tại Việt Nam</u> tiến hành các hoạt động kiểm toán dựa trên những điều Công ty cho năm tài chính tiếp theo dựa trên những điều khoản và điều kiện thoả thuận với Hội đồng quản trị.</p>	<p>CHƯƠNG XVI. KIỂM TOÁN CÔNG TY</p> <p>Điều 50. Kiểm toán</p> <p>1. Đại hội đồng cổ đông chỉ định một công ty kiểm toán độc lập hoặc thông qua danh sách các công ty kiểm toán độc lập và ủy quyền cho Hội đồng quản trị quyết định lựa chọn một trong số các đơn vị này tiến hành kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính</p>	<p>Tham chiếu Điều 57 Điều lệ mẫu</p>

Điều, khoản	Quy định tại Điều lệ hiện hành (năm 2022)	Nội dung đề xuất sửa đổi, bổ sung	Cơ sở/tham chiếu
CHƯƠNG XVII	<p>2. Công ty sẽ phải chuẩn bị và gửi báo cáo tài chính hàng năm cho công ty kiểm toán độc lập được chấp thuận sau khi kết thúc năm tài chính.</p> <p>3. Công ty kiểm toán độc lập kiểm tra, xác nhận về báo cáo tài chính hàng năm, cho biết các khoản thu chi của Công ty, lập báo cáo kiểm toán và trình báo cáo đó cho Hội đồng quản trị trong vòng một (1) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Kiểm toán viên của Công ty kiểm toán được chấp thuận thực hiện việc kiểm toán cho Công ty phải có giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán theo qui định của luật kiểm toán độc lập.</p> <p>4. Một bản sao của báo cáo kiểm toán sẽ phải được gửi đính kèm với mỗi bản báo cáo kế toán hàng năm của Công ty.</p> <p>5. Kiểm toán viên hoặc đại diện Công ty kiểm toán được mời tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên để phát biểu ý kiến tại cuộc họp về các vấn đề có liên quan đến báo cáo tài chính năm trong trường hợp báo cáo kiểm toán có các khoản ngoại trừ trọng yếu và được quyền nhận các thông báo và các thông tin khác liên quan đến Đại hội đồng cổ đông mà các cổ đông được quyền nhận và được.</p>	<p>tiếp theo dựa trên những điều khoản và điều kiện thoả thuận với Hội đồng quản trị.</p> <p>2. Báo cáo kiểm toán được đính kèm báo cáo tài chính năm của Công ty.</p> <p>3. Kiểm toán viên độc lập thực hiện việc kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty được tham dự các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và được quyền nhận các thông báo và các thông tin khác liên quan đến cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và được phát biểu ý kiến tại đại hội về các vấn đề có liên quan đến việc kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty.</p>	CƠ SỞ/THAM CHIẾU
CHƯƠNG XVII	CHƯƠNG XVII. CON DẤU	CHƯƠNG XVII. CON DẤU	
Điều 45	<p>Điều 45. Con dấu</p> <p>1. Con dấu là tài sản chung của Công ty, thể hiện và khẳng định giá trị pháp lý đối với các văn bản, giấy tờ của Công ty và các chức danh có thẩm quyền của Công ty.</p>	<p>Điều 51. Con dấu</p> <p>1. Dấu bao gồm dấu được làm tại cơ sở khắc dấu hoặc dấu dưới hình thức chữ ký số theo quy định của pháp luật về giao dịch điện tử.</p>	Tham chiếu Điều 53 Điều lệ mẫu

Điều, khoản	Quy định tại Điều lệ hiện hành (năm 2022)	Nội dung đề xuất sửa đổi, bổ sung	Cơ sở/tham chiếu
	<p>2. Công ty sử dụng một con dấu theo Giấy chứng nhận đăng ký mẫu dấu số 274481/ĐKMD-PC64 ngày 26/6/2014 của Công an TP Hà Nội cấp.</p> <p>3. Trong trường hợp thấy cần thiết, Hội đồng quản trị sẽ quyết định lại hình thức, số lượng và nội dung con dấu của Công ty theo quy định của luật pháp.</p> <p>4. Tổng giám đốc công ty có trách nhiệm quản lý, kiểm tra việc bảo quản và sử dụng con dấu của Công ty theo chức năng và thẩm quyền pháp luật theo quy định</p>	<p>2. Hội đồng quản trị quyết định loại dấu, số lượng, hình thức và nội dung dấu của Công ty, chi nhánh, văn phòng đại diện của Công ty (nếu có).</p> <p>3. Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc sử dụng và quản lý dấu theo quy định của pháp luật hiện hành</p>	Tham chiếu Chương XVIII Điều lệ mẫu
CHƯƠNG XVIII	CHƯƠNG XVIII. TỔ CHỨC LẠI, CHẤM DỨT HOẠT ĐỘNG VÀ THANH LÝ	CHƯƠNG XVIII. GIẢI THỂ CÔNG TY	Tham chiếu Chương XVIII Điều lệ mẫu
Điều 46	<p><u>Điều 46. Tổ chức lại Công ty</u></p> <p>Công ty có thể được tổ chức lại theo các hình thức: chia, tách, hợp nhất, sáp nhập, chuyển đổi mô hình theo quy định tại các Điều: 192, 193, 194, 195, 197 và 198 của Luật doanh nghiệp.</p>	Bổ điều này	Đề xuất bỏ các quy định này trên cơ sở tham chiếu Chương XVIII Điều lệ mẫu
Điều 47	<p><u>Điều 47. Chấm dứt hoạt động</u></p> <p>1. Công ty có thể chấm dứt hoạt động trong những trường hợp sau:</p> <p>1.1. Toà án tuyên bố Công ty phá sản theo Pháp luật hiện hành.</p> <p>1.2. Giải thể Công ty theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.</p> <p>1.3. Các trường hợp khác do Pháp luật quy định.</p> <p>2. Việc Công ty chấm dứt hoạt động trước thời hạn, do Đại hội đồng cổ đông quyết định, Hội đồng quản trị thực hiện theo quy định của Luật pháp.</p>	Bổ điều này	Đề xuất bỏ các quy định này trên cơ sở tham chiếu Chương XVIII Điều lệ mẫu

Điều, khoản	Quy định tại Điều lệ hiện hành (năm 2022)	Nội dung đề xuất sửa đổi, bổ sung	Cơ sở/tham chiếu
		<p>Điều 52. Giải thể Công ty</p> <p>1. Công ty có thể bị giải thể trong những trường hợp sau:</p> <p>1.1. Giải thể Công ty theo nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông;</p> <p>1.2. Bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (hoặc giấy phép khác tương đương), trừ trường hợp Luật Quản lý thuế có quy định khác;</p> <p>1.3. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.</p> <p>2. Việc giải thể Công ty do Đại hội đồng cổ đông quyết định, Hội đồng quản trị thực hiện. Quyết định giải thể này phải thông báo hoặc phải được chấp thuận của cơ quan có thẩm quyền (nếu bắt buộc) theo quy định.</p>	<p>Đề xuất bổ sung điều này trên cơ sở tham chiếu Điều 59 Điều lệ mẫu</p>
Điều 48	<p>Điều 48. Thanh lý</p> <p>1. Khi có quyết định giải thể Công ty, Hội đồng quản trị phải thành lập Ban thanh lý gồm ba thành viên. Hai thành viên do Đại hội đồng cổ đông chỉ định và một thành viên do Hội đồng quản trị chỉ định từ một công ty kiểm toán độc lập. Ban thanh lý sẽ chuẩn bị các quy chế hoạt động của mình. Các thành viên của Ban thanh lý có thể được lựa chọn trong số nhân viên Công ty hoặc chuyên gia độc lập. Tất cả các chi phí liên quan đến thanh lý được Công ty ưu tiên thanh toán trước các khoản nợ khác của Công ty.</p> <p>2. Ban thanh lý có trách nhiệm báo cáo cho cơ quan đăng ký kinh doanh về ngày thành lập và ngày bắt đầu hoạt động. Kể từ thời điểm đó, Ban thanh lý sẽ thay mặt Công</p>	<p>Điều 53. Thanh lý</p> <p>1. Sau khi có một quyết định giải thể Công ty, Hội đồng quản trị phải thành lập Ban thanh lý gồm ba (03) thành viên, trong đó hai (02) thành viên do Đại hội đồng cổ đông chỉ định và một (01) thành viên do Hội đồng quản trị chỉ định từ một công ty kiểm toán độc lập. Ban thanh lý sẽ chuẩn bị các quy chế hoạt động của mình. Các thành viên của Ban thanh lý có thể được lựa chọn trong số nhân viên Công ty hoặc chuyên gia độc lập. Tất cả các chi phí liên quan đến thanh lý sẽ được Công ty ưu tiên thanh toán trước các khoản nợ khác của Công ty.</p> <p>2. Ban thanh lý có trách nhiệm báo cáo cho Cơ quan đăng ký kinh doanh về ngày thành lập và ngày bắt đầu hoạt động. Kể từ thời điểm đó, Ban thanh lý sẽ thay mặt</p>	<p>Tham chiếu Điều 61 Điều lệ mẫu</p>

Điều, khoản	Quy định tại Điều lệ hiện hành (năm 2022)	Nội dung đề xuất sửa đổi, bổ sung	Cơ sở/tham chiếu
	<p>ty trong tất cả các công việc liên quan đến thanh lý Công ty trước Toà án và các cơ quan hành chính.</p> <p>3. Tiền thu được từ việc thanh lý sẽ được thanh toán theo thứ tự sau:</p> <p>3.1. Các chi phí thanh lý;</p> <p>3.2. Tiền lương và chi phí bảo hiểm cho công nhân viên;</p> <p>3.3. Thuế, các khoản nộp có tính chất thuế mà Công ty phải trả cho Nhà nước;</p> <p>3.4. Các khoản vay (nếu có);</p> <p>3.5. Các khoản nợ khác của Công ty;</p> <p>3.6. Số dư còn lại sau khi đã thanh toán tất cả các khoản nợ từ Mục 3.1 đến Mục 3.5 trên đây sẽ được phân chia cho các cổ đông. Các cổ phần ưu đãi sẽ ưu tiên thanh toán trước.</p>	<p>Công ty trong tất cả các công việc liên quan đến thanh lý Công ty trước Toà án và các cơ quan hành chính.</p> <p>3. Tiền thu được từ việc thanh lý sẽ được thanh toán theo thứ tự sau:</p> <p>3.1. Các chi phí thanh lý;</p> <p>3.2. Các khoản nợ lương, trợ cấp thôi việc và bảo hiểm xã hội và các quyền lợi khác của người lao động theo thỏa ước lao động tập thể và hợp đồng lao động đã ký kết;</p> <p>3.3. Nợ thuế;</p> <p>3.4. Các khoản nợ khác của Công ty;</p> <p>3.5. Số dư còn lại sau khi đã thanh toán tất cả các khoản nợ từ mục 3.1 đến 3.4 trên đây sẽ được phân chia cho các cổ đông. Các cổ phần ưu đãi sẽ ưu tiên thanh toán trước.</p>	
CHƯƠNG XIX	CHƯƠNG XIX. GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP NỘI BỘ	CHƯƠNG XIX. GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP NỘI BỘ	
Điều 49	<p>Điều 49. Giải quyết tranh chấp nội bộ</p> <p>1. Trường hợp phát sinh tranh chấp hay khiếu nại có liên quan tới hoạt động của Công ty hay tới quyền của các cổ đông phát sinh từ Điều lệ hay từ bất cứ quyền hoặc nghĩa vụ do Luật Doanh nghiệp hay các luật khác hoặc các quy định hành chính quy định, giữa:</p> <p>1.1. Cổ đông với Công ty hoặc;</p> <p>1.2. Cổ đông với Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Tổng giám đốc hay Người quản lý. Các bên liên quan sẽ cố gắng giải quyết tranh chấp đó thông qua thương lượng và hoà giải. Trừ trường hợp tranh chấp liên quan tới Hội đồng quản trị hay Chủ tịch Hội đồng quản trị, Chủ tịch</p>	<p>Điều 54. Giải quyết tranh chấp nội bộ</p> <p>1. Trường hợp phát sinh tranh chấp hay khiếu nại có liên quan tới hoạt động của Công ty, quyền và nghĩa vụ của các cổ đông theo quy định tại Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty, các quy định pháp luật khác hoặc thỏa thuận giữa:</p> <p>1.1. Cổ đông với Công ty;</p> <p>1.2. Cổ đông với Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Tổng giám đốc hay người điều hành khác.</p> <p>Các bên liên quan cố gắng giải quyết tranh chấp đó thông qua thương lượng và hoà giải. Trừ trường hợp tranh chấp liên quan tới Hội đồng quản trị hay Chủ tịch</p>	Tham chiếu Điều 62 Điều lệ mẫu

Điều, khoản	Quy định tại Điều lệ hiện hành (năm 2022)	Nội dung đề xuất sửa đổi, bổ sung	Cơ sở/tham chiếu
CHƯƠNG XX Điều 50	<p>Hội đồng quản trị sẽ chủ trì việc giải quyết tranh chấp và sẽ yêu cầu từng bên trình bày các yếu tố thực tiễn liên quan đến tranh chấp phát sinh. Trường hợp tranh chấp phát sinh, bất cứ bên nào cũng có thể yêu cầu Đại hội đồng quản trị, bất cứ bên nào cũng có thể yêu cầu Đại hội đồng cổ đông chỉ định một chuyên gia độc lập để hành động với tư cách là trọng tài cho quá trình giải quyết tranh chấp.</p> <p>2. Trường hợp không đạt được quyết định hoà giải trong vòng sáu tuần từ khi bắt đầu quá trình hoà giải hoặc nếu quyết định của trung gian hoà giải không được các bên chấp nhận, bất cứ bên nào cũng có thể đưa tranh chấp đó ra Trọng tài kinh tế hoặc Tòa án kinh tế.</p> <p>3. Các bên sẽ tự chịu chi phí của mình có liên quan tới thủ tục thương lượng và hòa giải. Các chi phí của Tòa án sẽ do Tòa phán quyết bên nào phải chịu.</p>	<p>Hội đồng quản trị. Chủ tịch Hội đồng quản trị sẽ chủ trì việc giải quyết tranh chấp và yêu cầu từng bên trình bày các thông tin liên quan đến tranh chấp trong vòng mười lăm (15) ngày làm việc kể từ ngày tranh chấp phát sinh. Trường hợp tranh chấp liên quan tới Hội đồng quản trị hay Chủ tịch Hội đồng quản trị, bất cứ bên nào cũng có thể yêu cầu Đại hội đồng cổ đông chỉ định một chuyên gia độc lập làm trung gian hòa giải cho quá trình giải quyết tranh chấp.</p> <p>2. Trường hợp không đạt được quyết định hoà giải trong vòng sáu (06) tuần từ khi bắt đầu quá trình hoà giải hoặc nếu quyết định của trung gian hoà giải không được các bên chấp nhận, một bên có thể đưa tranh chấp đó ra Trọng tài hoặc Tòa án.</p> <p>3. Các bên tự chịu chi phí có liên quan tới thủ tục thương lượng và hoà giải. Việc thanh toán các chi phí của Tòa án được thực hiện theo phán quyết của Tòa án.</p>	Tham khảo Điều 63 Điều lệ mẫu
CHƯƠNG XX	CHƯƠNG XX. BỔ SUNG VÀ SỬA ĐỔI ĐIỀU LỆ	CHƯƠNG XX. BỔ SUNG VÀ SỬA ĐỔI ĐIỀU LỆ	
Điều 50	<p>Điều 50. Bổ sung và sửa đổi Điều lệ</p> <p>Việc bổ sung, sửa đổi Điều lệ này phải được Đại hội đồng cổ đông xem xét quyết định.</p> <p>Trong trường hợp có những quy định của pháp luật có liên quan đến hoạt động của Công ty chưa được đề cập trong bản Điều lệ này hoặc trong trường hợp có những quy định mới của pháp luật khác với những quy định của pháp luật trong Điều lệ này thì những quy định của pháp luật đó được áp dụng và điều chỉnh hoạt động của Công ty.</p>	<p>Điều 55. Bổ sung và sửa đổi Điều lệ</p> <p>1. Việc bổ sung, sửa đổi Điều lệ này phải được Đại hội đồng cổ đông xem xét quyết định.</p> <p>2. Trường hợp có pháp luật có quy định liên quan đến hoạt động của Công ty chưa được đề cập trong bản Điều lệ này hoặc trường hợp có những quy định mới của pháp luật khác với những điều khoản trong Điều lệ này thì những quy định của pháp luật đó được áp dụng và điều chỉnh hoạt động của Công ty.</p>	

Điều, khoản	Quy định tại Điều lệ hiện hành (năm 2022)	Nội dung đề xuất sửa đổi, bổ sung	Cơ sở/tham chiếu
CHƯƠNG XXI	CHƯƠNG XXI. NGÀY HIỆU LỰC	CHƯƠNG XXI. NGÀY HIỆU LỰC	
Điều 51	<p>Điều 51. Ngày hiệu lực</p> <p>Bản điều lệ này gồm XXI Chương 52 Điều, được Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần Dịch vụ SUDICO thông qua ngày tháng năm 2015 tại Hà Nội và cùng chấp thuận toàn văn của Điều lệ này.</p> <p>Điều lệ được lập thành 5 bản, có giá trị như nhau được giữ ở Văn phòng Công ty.</p> <p>Điều lệ này là duy nhất và chính thức của Công ty.</p> <p>Các bản sao hoặc trích lục Điều lệ Công ty phải có chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị.</p>	<p>Điều 55. Ngày hiệu lực</p> <p>1. Bản điều lệ này gồm XXI Chương 56 Điều, được Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Dịch vụ SUDICO thông qua ngày tháng năm 2023 tại Hà Nội và cùng chấp thuận toàn văn của Điều lệ này.</p> <p>2. Điều lệ được lập thành 05 bản, có giá trị như nhau được giữ ở Văn phòng Công ty.</p> <p>3. Điều lệ này là duy nhất và chính thức của Công ty.</p> <p>4. Các bản sao hoặc trích lục Điều lệ Công ty phải có chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc tối thiểu ½ tổng số thành viên Hội đồng quản trị.</p> <p>Điều 56. Chữ ký Người đại diện theo pháp luật của Công ty.</p>	<p>Cập nhật thông tin Điều lệ sửa đổi và quy định thành các khoản để thuận tiện cho việc dẫn chiếu</p>
Điều 52	<p>Điều 52. Chữ ký của các thành viên Hội đồng quản trị và Người đại diện theo pháp luật của Công ty.</p>	<p>Điều 56. Chữ ký Người đại diện theo pháp luật của Công ty.</p>	<p>Điều 24 Luật Doanh nghiệp (Sửa đổi Điều lệ chi cần có chữ ký của người đại diện theo pháp luật)</p>

PHU LUC SỐ 01

**Danh sách Cổ đông sáng lập
CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ SUDICO**

STT	Tên cổ đông	Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú đối với cá nhân, địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số Cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ)	Tỷ lệ (%)	Số giấy CMND (hoặc số chứng thực cá nhân hợp pháp khác) đối với cá nhân, MSDN đối với doanh nghiệp, số QĐ thành lập đối với tổ chức	Ghi chú
1	Công ty Cổ phần Đầu tư phát triển Đô thị và Khu công nghiệp Sông Đà	Tầng 15-16-17-18 Tòa nhà HH3, KĐT Mỹ Đình - Mễ Trì, Xã Mỹ Đình, Huyện Từ Liêm, thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	765.000	7.650.000.000	51	0101399461	
			Tổng số	765.000	7.650.000.000	51		
2	Nguyễn Ngọc Hùng	Số nhà 10B, Tổ 13, Cụm 3, Phường Hạ Đình, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	24.500	245.000.000	1,63	012321356	
			Tổng số	24.500	245.000.000	1,63		
3	Nguyễn Doãn Tài	Thôn Nguyễn, Xã Tiên Nội, Huyện Duy Tiên, Tỉnh Hà Nam, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	10.000	100.000.000	0,67	168282952	
			Tổng số	10.000	100.000.000	0,67		
4	Lê Trường Sinh	Nhà số 5, ngõ 8 An Hòa, tổ 2, Phường Mỗ Lao, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	13.000	130.000.000	0,87	112539014	
			Tổng số	13.000	130.000.000	0,87		
5	Đỗ Xuân Hạnh	Xóm 4, Xã Tây Ninh, Huyện Tiền Hải, Tỉnh Thái Bình, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	30.000	300.000.000	2	151174609	
			Tổng số	30.000	300.000.000	2		



6	Trần Việt Dũng	Số 6 Lê Thánh Tông, Phường Phan Chu Trinh, Quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	30.000	300.000.000	2	B1710877
			Tổng số	30.000	300.000.000	2	
7	Trần Trọng Thủy	P5-A1 Tập thể Bộ Giao thông, Phường Ngọc Khánh, Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	50.000	500.000.000	3,33	012602220
			Tổng số	50.000	500.000.000	3,33	
8	Nguyễn Lê Ninh	P104 B4 Tập thể Khương Thượng, Phường Khương Thượng, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	290.000	2.900.000.000	19,33	011229274
			Tổng số	290.000	2.900.000.000	19,33	